

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Phường 2, ngày tháng năm 2020

**DANH SÁCH CỬ TRI
Khu phố 4**

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1	VÕ ĐÌNH THANH	26/02/1953	X		131 lô S Ngõ Gia Tự	
2	PHẠM THỊ THUYẾT	16/12/1950		X	131 lô S Ngõ Gia Tự	
3	ĐỖ THỊ THU CÚC	22/02/1963		X	036 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
4	ĐỖ TRẦN KHÁNH PHƯỢNG	25/04/1974		X	036 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
5	ĐỖ THUỜNG LỘC	01/01/1967	X		036 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
6	BÀNH QUỐC THỊNH	1964	X		036 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
7	PHÙNG LỆ DUNG	1934		X	036 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
8	BÀNH THỊ LAN	1959		X	036 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
9	TRẦN QUANG HÒA	05/06/1954	X		121 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
10	XÀ TUYẾT MINH	25/11/1965		X	121 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
11	TRẦN THANH NHÃ	24/03/1989		X	121 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
12	NGUYỄN THỊ PHÚ	1953		X	030 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
13	TÀ QUANG MINH	15/10/1925	X		132 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
14	NGUYỄN THỊ GẮM	10/10/1927		X	132 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
15	TÀ THÀNH PHƯƠNG	12/12/1964	X		132 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
16	NGUYỄN THỊ NHAN	20/03/1957		X	318 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
17	PHẠM THANH THIÊN	18/05/1973	X		318 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
18	PHẠM MINH QUẢN	04/07/1975	X		318 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
19	PHẠM MINH NHẬT	28/05/1974	X		318 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
20	LÊ THỊ MAI	28/07/1928		X	122 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
21	LÊ THỊ KIM DUNG	18/09/1962		X	122 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
22	LÊ THỊ KIM HỒNG	27/04/1956		X	122 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
23	NGUYỄN THỊ THU HUỆ	23/10/1953		X	126 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
24	NGUYỄN VY VU	27/04/1990	X		126 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
25	PHẠM THỊ CÂY	26/08/1923		X	101 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
26	VŨ KIM LIÊN	08/04/1965		X	101 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
27	ĐÌNH TOÀN	20/06/1941	X		106 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
28	TÔ LIÊN QUÊ	02/03/1974		X	105 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
29	HÀ THANH XUÂN	26/12/1991		X	105 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
30	HÀ THANH VY	30/10/1995		X	105 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
31	VŨ VĂN CƯƠNG	05/01/1920	X		001 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
32	VŨ KIM HÃ	14/01/1953		X	001 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
33	HỨA ÁI LINH	23/01/1979		X	227 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
34	BÙI TRUNG HIỆU	18/10/1992	X		227 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
35	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	28/01/1972		X	227 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
36	LÝ YẾN LINH	05/07/1932		X	316 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
37	THẠCH THU	01/08/1948		X	206 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
38	LA SIÊU	15/04/1943	X		206 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
39	TRẦN ĐỨC MẠNH	14/05/1948	X		9 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
40	PHẠM THỊ HIỆU	10/04/1950		X	9 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
41	TRẦN ĐỨC LONG	27/10/1984	X		9 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
42	TRẦN ĐỨC THUY	21/04/1980	X		9 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
43	NGUYỄN VĂN TÀI	15/02/1931	X		18 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
44	VÕ THỊ CHÁU	03/01/1937		X	18 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
45	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	25/03/1966	X		18 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
46	TRẦN THỊ MỸ	25/11/1950		X	104 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
47	PHAN MINH SƠN	29/04/1988	X		104 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
48	HOÀNG TRIỆU LONG	28/10/1957	X		126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
49	HOÀNG LINH CHI	17/01/1988		X	126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
50	HOÀNG CHÂN NAM	13/07/1989	X		126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
51	NGUYỄN THỊ KIM MINH	12/01/1967		X	126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
52	LÂM TÙNG MAI	08/11/1958		X	126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
53	HOÀNG TRƯỜNG SINH	28/06/1992	X		126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
54	HOÀNG LINH SAN	17/09/1997		X	126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
55	HOÀNG DIỆU TÂN	10/06/1967	X		126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
56	HOÀNG TRIỆU HÙNG	07/04/1969	X		126 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
57	VÕ THỊ THIẾT	08/04/1941		X	314 lô r C/C Ngõ Gia Tự	
58	TRÌNH BỐI LINH	06/07/1959		X	205 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
59	PHÙNG HUỆ ĐĂNG	05/02/1989		X	205 lô i C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
60	TRÌNH MẠNH	02/05/1954		X	205 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
61	DƯƠNG VĂN VIÊN	15/10/1964	X		392 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
62	NGUYỄN THỊ THU TRANG	10/05/1971		X	392 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
63	PHẠM THỊ PHÚ	30/12/1934		X	314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
64	PHẠM THỊ LIÊN	01/03/1963		X	314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
65	CHUNG SIÊU CÔNG	02/06/1929	X		322 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
66	TRẦN HỮU PHƯƠNG	20/12/1944		X	322 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
67	CHUNG QUỐC HÀ	25/01/1968	X		322 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
68	CHUNG QUỐC VINH	02/02/1969	X		322 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
69	LÝ VĂN BÌNH	1967	X		235 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
70	LÂM TỰ Y	19/05/1950		X	213 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
71	HUỲNH THỊ SÁU	1931		X	115 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
72	KIỀU CÔNG CỬ	1929	X		115 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
73	LAI ĐỨC CƯỜNG	01/01/1961	X		3/9 lô l C/C Ngõ Gia Tự	
74	NGUYỄN HOÀNG DỪNG	30/12/1956	X		329 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
75	ĐỖ VỊ Y	02/09/1958	X		107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
76	TRẦN ĐỨC DUY	08/03/1963		X	107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
77	TRẦN BỘI SAN	06/11/1984		X	107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
78	ĐỖ KỶ THIÊN	05/05/1924		X	107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
79	NGUYỄN THỊ BA	25/02/1931		X	336 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
80	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	05/05/1966		X	336 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
81	VÕ VĂN LÊ	29/09/1954	X		336 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
82	NGUYỄN VỸ THƯƠNG	15/03/1927	X		135 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
83	NGUYỄN SY HÙNG	14/08/1958	X		135 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
84	NGUYỄN THỊ BA	15/05/1926		X	216 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
85	NGUYỄN NGOC THUY	27/09/1958	X		216 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
86	NGUYỄN NGOC QUY	1970	X		204 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
87	TỬ MUỘI	30/12/1942		X	317 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
88	HUỲNH THỊ LỆ THANH	04/08/1962		X	203 lô H c/c Ngõ Gia Tự	
89	LÊ TÂN MẠNH	20/10/1967	X		113 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
90	NHÂM GIA LIÊM	17/07/1968	X		311 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
91	NHÂM NGUU	05/06/1923	X		311 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
92	NHÂM GIA LONG	01/02/1965	X		311 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
93	TỬ NGỌC MỸ	22/06/1960		X	107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
94	PHÓ TĂNG HOÀN	08/06/1956	X		107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
95	PHÓ GIA TRẦN	30/09/1980		X	107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
96	PHÓ GIA HÒA	06/08/1982	X		107 lô Q c/c Ngõ Gia Tự	
97	DIỆP NẠP TẮC	04/04/1954		X	308 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
98	DIỆP CHÍ ĐIỀU	07/10/1973		X	308 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
99	QUAN VĨ TIỀN	10/08/1984	X		308 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
100	LÊ THỊ THANH THỦY	1956		X	321 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
101	NGUYỄN XUÂN QUỶ	27/09/1948	X		309 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
102	ĐỖ THỊ KIM NGỌC	03/01/1956		X	309 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
103	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	05/03/1979		X	309 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
104	NGUYỄN VĂN ẮN	1948	X		221 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
105	NGUYỄN NGOC ẮN	22/01/1974	X		039 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
106	LÂM THỊ NGỌC	01/05/1944		X	039 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
107	DƯƠNG THỊ BÀI	26/06/1951		X	204 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
108	CHÂU QUỐC PHƯƠNG	04/11/1982	X		204 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
109	CHÂU TUẤN PHI	25/01/1986	X		204 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
110	LÊ THỊ TIẾT MAI	19/11/1953		X	218 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
111	PHẠM VĂN TIỀN	01/04/1953	X		218 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
112	PHẠM ANH DỪNG	30/03/1979	X		218 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
113	PHẠM THỊ KIM LOAN	02/11/1983		X	218 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
114	PHẠM THỊ KIM YẾN	07/02/1977		X	218 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
115	TRẦN NHƠN MINH	1926	X		125 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
116	TRẦN VĂN HÙNG	1968	X		125 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
117	TRẦN ANH TUẤN	1965	X		125 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
118	PHẠM THỊ THANH VÂN	08/06/1958		X	006 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
119	PHẠM ANH TIỀN	24/05/1967	X		006 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
120	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	07/03/1954		X	305 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
121	TRẦN VĂN THANH HIẾU	04/07/1979	X		305 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
122	DIỆP THỊ MUỘI	13/10/1924		X	120 LÔ S c/c Ngõ Gia Tự	
123	CHUNG QUANG VĨ	23/12/1970	X		120 LÔ S c/c Ngõ Gia Tự	
124	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	08/01/1977		X	308 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
125	TRẦN THỊ XUÂN	24/08/1951		X	308 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
126	TRẦN NGỌC LINH NHI	18/07/2000		X	308 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
127	LƯU THỊ TÚ TRINH	1969		X	228 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
128	ĐỖ HOÀNG THIÊN	1990	X		228 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
129	ĐỖ NGỌC TRÂM	1995		X	228 lô H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
130	ĐỖ THANH HẢI	1999	X		228 lô H C/C Ngô Gia Tự	
131	LÊ THỊ HÀ	10/01/1980		X	027 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
132	HOÀNG KIM PHÁT	04/12/1971	X		027 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
133	VƯƠNG NGỌC MỸ	19/05/1983		X	229 Lô H Ngô Gia Tự	
134	THÁI THỊ XUÂN THU	05/05/1965		X	137 LÔ S Ngô Gia Tự	
135	NGUYỄN ĐỨC THÁI NAM	18/06/2001	X		137 LÔ S Ngô Gia Tự	
136	TRẦN HẢI	17/09/1993	X		137 LÔ S Ngô Gia Tự	
137	PHÙNG KIM	27/10/1934		X	111 LÔ S Ngô Gia Tự	
138	VIÊN GIA HÒA	28/05/1973	X		111 LÔ S Ngô Gia Tự	
139	VIÊN CƯỜNG	02/11/1930	X		111 LÔ S Ngô Gia Tự	
140	HỨA VĨNH HÁN	02/03/1956	X		018 LÔ S Ngô Gia Tự	
141	HÀ MINH PHỤNG	27/09/1987		X	018 LÔ S Ngô Gia Tự	
142	TRẦN MUỐI	29/09/1960		X	018 LÔ S Ngô Gia Tự	
143	HỨA LỆ TRẦN	21/01/1987		X	018 LÔ S Ngô Gia Tự	
144	HỨA CHÍ HÙNG	11/11/1984	X		018 LÔ S Ngô Gia Tự	
145	NGUYỄN HOÀNG ĐỢT	28/03/1960	X		005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
146	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	06/04/1996	X		005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
147	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	20/02/1990		X	005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
148	BÙI THỊ BÁNH	11/10/1959		X	005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
149	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	18/05/1995	X		005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
150	NGUYỄN HOÀNG NHƯ HẠNH	08/09/1989		X	005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
151	CHÂU MỸ KIỀU	02/08/1955		X	120 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
152	CHÂU SIÊU YẾN	29/10/1993		X	120 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
153	CHUNG ĐẠT VINH	15/03/1960	X		120 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
154	NGUYỄN THỊ THU CÚC	24/06/1964		X	105 LÔ S Ngô Gia Tự	
155	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	28/09/1994		X	105 LÔ S Ngô Gia Tự	
156	LÊ TÂN THÀNH	14/02/1999	X		105 LÔ S Ngô Gia Tự	
157	NGUYỄN THỊ THU THỦY	04/01/1962		X	105 LÔ S Ngô Gia Tự	
158	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	16/01/1973		X	105 LÔ S Ngô Gia Tự	
159	HỒ THÀNH	11/02/1962	X		140 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
160	LÊ THỊ HẰNG	01/01/1987		X	140 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
161	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊN	10/04/1966		X	140 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
162	HỒ NHÃ LỆ	16/01/1992		X	140 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
163	TRẦN CHÍ TÀI	07/10/1985	X		140 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
164	HỒ HÀ TRAI	11/10/1967	X		140 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
165	HUỲNH THỊ NGUYỄN	30/04/1935		X	106 lô S C/C Ngô Gia Tự	
166	HUỲNH VĂN MANH	06/04/1969	X		106 lô S C/C Ngô Gia Tự	
167	HUỲNH KIM ANH	13/12/1951		X	129 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
168	NGUYỄN HỮU NHÂN	12/08/1984	X		129 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
169	PHẠM VĂN NGHĨA	20/12/1959	X		133 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
170	NGUYỄN THỊ HỒNG	04/01/1960		X	133 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
171	PHẠM MINH TRÍ	22/12/1988	X		133 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
172	PHẠM MINH TRUNG	31/12/1995	X		133 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
173	NGUYỄN VĂN TƯƠI	12/07/1969	X		134 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
174	NGUYỄN THỊ LÀI	14/04/1968		X	134 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
175	NGUYỄN THỊ BÔNG	30/09/1966		X	134 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
176	TÔ THỊ KHÉO	09/09/1945		X	119 lô S C/C Ngô Gia Tự	
177	ĐỖ THỊ BÍCH LY	27/06/1979		X	119 lô S C/C Ngô Gia Tự	
178	TRƯƠNG NGỌC ẮN	15/04/1975	X		119 lô S C/C Ngô Gia Tự	
179	TRƯƠNG THỊ KIỀU XUÂN	16/06/1962		X	119 lô S C/C Ngô Gia Tự	
180	TRƯƠNG NGỌC SƠN	15/03/1970		X	119 lô S C/C Ngô Gia Tự	
181	TRƯƠNG THỊ KIỀU LOAN	23/02/1964		X	119 lô S C/C Ngô Gia Tự	
182	PHẠM VĂN ĐỨC	25/12/1964	X		014 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
183	LÊ MẠNH CƯỜNG	17/11/1983	X		014 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
184	LÊ THỊ YẾN THANH	04/01/1989		X	014 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
185	NGUYỄN THỊ THANH	26/11/1983		X	014 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
186	PHẠM THỊ HẠNH	13/06/1955		X	014 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
187	ĐỖ QUANG VINH	10/11/1972	X		040 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
188	ĐỖ KIM UYÊN	28/08/1968		X	040 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
189	TÔ BÌNH	14/03/1971	X		102 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
190	NGUYỄN VĂN SƠN	15/04/1945	X		037 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
191	KHUÛU THỊ HOA	15/04/1967		X	004 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
192	LÂM MỸ UYÊN	25/12/2002		X	004 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
193	VÕ KIỀU OANH	16/08/1995		X	004 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
194	KHUÛU THỊ BẾ BÀ Y	02/12/1969		X	004 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
195	TRỊNH NGỌC LINH	28/10/1963		X	004 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
196	TIỀN MỸ LỆ	15/11/1971		X	038 LÔ S Ngô Gia Tự	
197	TIỀN VI HÙNG	01/08/1970	X		038 LÔ S Ngô Gia Tự	
198	TIỀN VI CƯỜNG	09/12/1972	X		038 LÔ S Ngô Gia Tự	
199	ĐẶNG CÔNG TRẦN	15/04/1970	X		025 lô S C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
200	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/03/1975		X	025 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
201	ĐẶNG CÔNG TUẤN	13/11/1971	X		025 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
202	NGUYỄN THỊ THUẬN	06/03/1955		X	125 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
203	NGUYỄN NGỌC THANH	09/02/1959	X		009 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
204	NGUYỄN THỊ MAI	28/05/1970		X	009 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
205	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	15/06/1993		X	009 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
206	TRẦN THIÊN PHƯỚC	22/06/1963	X		118 LÔ S Ngõ Gia Tự	
207	TRẦN NGỌC TRĂNG	14/08/1969		X	118 LÔ S Ngõ Gia Tự	
208	TRẦN HỮU LỘC	16/02/1994	X		118 LÔ S Ngõ Gia Tự	
209	NGUYỄN VĂN NGÀ	04/05/1953	X		001 lô s Ngõ Gia Tự	
210	TRƯỜNG MỸ LOAN	13/01/1970		X	001 lô s Ngõ Gia Tự	
211	NGUYỄN VĂN HẠNH	03/07/1962	X		009 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
212	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	08/04/1960	X		013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
213	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	25/05/1965		X	013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
214	NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO	24/04/2002		X	013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
215	NGUYỄN HỮU PHÚ THIÊN	09/07/1984	X		013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
216	NGUYỄN HỮU PHÚ ĐẠT	15/08/1997	X		013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
217	NGUYỄN HỮU PHÚ MINH	21/10/1986	X		013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
218	TỬ HUỆ PHƯƠNG	20/11/1960		X	309 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
219	DƯƠNG MỸ VĂN	16/08/1989		X	309 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
220	TỬ SIÊU	21/01/1968	X		309 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
221	TỬ YẾN	16/07/1964		X	309 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
222	TỬ HUỆ PHƯƠNG	15/07/1962		X	309 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
223	TRẦN THỊ HỒNG NGUYỄN	27/09/1975		X	210 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
224	TRẦN HOÀNG VƯƠNG	19/04/1980	X		210 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
225	TRẦN HOÀNG CHƯÔNG	20/03/1978	X		210 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
226	NGUYỄN CÔNG TÂM	01/10/1965	X		115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
227	NGUYỄN HOÀNG MÃN	09/07/1988	X		115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
228	NGUYỄN THỊ TUYỀN	17/12/1979		X	115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
229	NGUYỄN THỊ MỸ TRANG	25/07/1971		X	115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
230	NGUYỄN MỸ TÂM THY	07/04/1996		X	115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
231	NGUYỄN CÔNG MINH	01/07/1958	X		115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
232	NGUYỄN CÔNG CHÁNH	24/11/1960	X		115 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
233	ĐIỀU THỊ MỸ LỆ	09/12/1965		X	012 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
234	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	05/04/1986	X		012 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
235	NGUYỄN THỊ THẢO	03/12/1983		X	012 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
236	ĐIỀU VĂN HỒNG	04/05/1963	X		012 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
237	NGUYỄN VĂN VIỆT	05/05/1958	X		012 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
238	ĐIỀU NGỌC LAN	10/09/1961		X	012 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
239	HÀ VĂN HẢI	07/10/1950	X		134 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
240	HÀ THỊ THANH TRANG	27/08/1976		X	134 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
241	LÊ THANH SƠN	13/08/1974	X		134 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
242	HÀ THANH PHƯƠNG	15/08/1978	X		134 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
243	LÊ THỊ TRÚC MAI	16/08/1955		X	031 LÔ S Ngõ Gia Tự	
244	HUỖNH THỊ MAI TRANG	23/01/1984		X	031 LÔ S Ngõ Gia Tự	
245	LƯƠNG MUỘI	28/06/1954		X	008 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
246	HUỖNH ĐỊNH KÝ	07/10/1952	X		008 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
247	HUỖNH PHƯƠNG LINH	17/05/1974		X	008 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
248	HUỖNH KHA HUY	28/02/1977	X		008 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
249	NGUYỄN THANH THIỀU	19/11/1977		X	040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
250	ĐỖ NGUYỄN CÔNG THÀNH	01/11/2000	X		040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
251	PHẠM THANH VY	06/09/1988		X	040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
252	PHẠM PHƯƠNG VY	20/10/1992		X	040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
253	VĂN THỊ NGOAN	17/05/1955		X	040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
254	ĐỖ QUANG ĐẠT	19/04/1965	X		040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
255	ĐỖ KIM YẾN	04/12/1962		X	040 LÔ S Ngõ Gia Tự	
256	HUỖNH THỊ HOÀI	30/10/1940		X	008 LÔ S Ngõ Gia Tự	
257	LÂM THỊ PHỤNG	10/01/1971		X	008 LÔ S Ngõ Gia Tự	
258	TỬ NGỌC TRẦN	03/06/1953		X	109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
259	TRẦN TIÊU TRỪ	19/11/1950	X		109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
260	TRẦN GIA LINH	21/08/1984		X	109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
261	TRẦN MỸ BÙU	26/09/1992		X	109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
262	TRẦN TỬ THANH	22/06/1987		X	109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
263	TỬ NGÂN YẾN	02/01/1958		X	109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
264	TỬ NỮ	16/05/1962		X	109 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
265	LƯƠNG KHÔN VINH	28/11/1977	X		114 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
266	HỒ HẰNG NI	16/04/1985		X	114 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
267	LÂM HỮU TÀI	14/11/1925		X	114 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
268	TRƯỜNG QUỐC QUI	16/11/1965	X		114 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
269	LƯƠNG GIA MINH	10/10/1976		X	114 lô S C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
270	NGUYỄN THỊ LỆ	29/03/1953		X	026 LÔ S Ngõ Gia Tự	
271	DƯƠNG KHOAN	03/05/1955		X	024 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
272	TRƯƠNG MỸ ANH	03/12/1978		X	024 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
273	TÀNG HIỆU QUÂN	23/06/2002		X	024 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
274	TÀNG QUỐC VÂN	07/04/1974	X		024 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
275	DƯƠNG NỮ	20/08/1947		X	024 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
276	DƯƠNG PHƯƠNG	31/10/1956		X	024 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
277	ĐIỀN MINH TỬ	16/02/1967		X	033 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
278	ĐIỀN MINH PHƯƠNG	29/08/1968		X	033 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
279	THÁI THỊ XUÂN ANH	10/01/1967		X	035 LÔ S Ngõ Gia Tự	
280	THÁI THỊ XÁNG	15/04/1942		X	035 LÔ S Ngõ Gia Tự	
281	TRẦN YẾN HUY	03/12/1962	X		035 LÔ S Ngõ Gia Tự	
282	TRẦN NGỌC HIỀN	25/06/1995		X	035 LÔ S Ngõ Gia Tự	
283	TRẦN NGỌC TRINH	24/11/1990		X	035 LÔ S Ngõ Gia Tự	
284	TRẦN KHÁNH HUỆ	04/03/1969	X		331 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
285	LÝ TỬ ANH	16/03/1973		X	331 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
286	TRẦN BÁC HẠO	09/11/2001	X		331 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
287	TRẦN KHAI HUỆ	21/05/1962	X		331 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
288	TRẦN HUỆ TRINH	10/07/1966		X	331 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
289	NGUYỄN THỊ BÁY	25/04/1958		X	130 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
290	NGUYỄN THỊ KIM LÊNG	11/11/1972		X	130 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
291	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	18/11/1995		X	130 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
292	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	10/12/1964		X	113 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
293	LÊ VĂN CHUNG	13/09/1963	X		113 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
294	LÊ THỊ KIM HIỀN	09/05/1991		X	113 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
295	NGUYỄN HỮU PHÁT	07/05/1962	X		015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
296	TRƯƠNG VĂN TRƯỜNG	21/02/1987	X		015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
297	TÔ THỊ TƯ	20/04/1965		X	015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
298	QUY PHÁT HUY	11/09/1987	X		015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
299	QUY PHÁT TÂN	05/09/1984	X		015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
300	QUY THỊ MỸ HOA	02/02/1963		X	015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
301	QUY THỊ MỈ ANH	26/03/1960		X	015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
302	QUY TIẾN PHÚ	28/11/1969	X		015 Lô S c/c Ngõ Gia Tự	
303	TÔ ẾN	21/12/1958		X	103 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
304	LƯƠNG TỔ HÀ	01/07/1955	X		103 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
305	LƯƠNG CHỈ VINH	23/10/1983	X		103 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
306	LƯƠNG THUY TRINH	24/01/1982		X	103 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
307	LƯƠNG CHỈ THÀNH	17/03/1993	X		103 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
308	TRẦN CHIẾN THẮNG	09/03/1960	X		104 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
309	NGUYỄN THỊ THUẬN	03/01/1964		X	104 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
310	TRẦN NGỌC HOÀNG PHÚC	24/11/1997		X	104 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
311	NGÔ THỊ THUY TRANG	14/01/1977		X	024-025 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
312	THẠCH THỊ NGỌC HIỀN	08/07/1977		X	122 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
313	TRẦN THỊ MINH THU	24/06/2001		X	122 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
314	TRẦN THANH TÙNG	06/02/1975	X		122 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
315	TRẦN THANH THÚY	30/12/1970		X	122 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
316	PHẠM ANH TIẾN	24/05/1967	X		003 LÔ S Ngõ Gia Tự	
317	PHẠM THỊ THU THÚY	11/06/1932		X	003 LÔ S Ngõ Gia Tự	
318	LÊ THỊ KIỀU HẢI	19/10/1976		X	003 LÔ S Ngõ Gia Tự	
319	PHẠM LÊ TƯỜNG VY	04/05/2000		X	003 LÔ S Ngõ Gia Tự	
320	PHẠM MINH LONG	23/08/1969	X		003 LÔ S Ngõ Gia Tự	
321	NGUYỄN THỊ NGHĨA	06/09/1947		X	010 LÔ S Ngõ Gia Tự	
322	NGUYỄN THỊ LỆ THU	31/12/1961		X	010 LÔ S Ngõ Gia Tự	
323	TRƯƠNG MUỘI	19/09/1935		X	112 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
324	HỨA MỸ LAN	23/04/1962		X	112 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
325	TRƯƠNG NGỌC QUYỀN	14/10/1992		X	112 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
326	TRƯƠNG PHAN	14/04/1962		X	112 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
327	TRƯƠNG KHUÔNG	16/11/1958	X		112 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
328	TRƯƠNG TRẦN	09/07/1958		X	112 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
329	ĐOÀN VĂN CHÂU	22/05/1956	X		127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
330	ĐOÀN THỊ NGỌC	28/11/1953		X	127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
331	KHA THỊ HUÔI	29/06/1935		X	022 LÔ S Ngõ Gia Tự	
332	LÂM THỊ CÚC	08/03/1964		X	022 LÔ S Ngõ Gia Tự	
333	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	10/11/1949	X		006 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
334	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	17/02/1982		X	006 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
335	NGUYỄN HỮU MINH	27/04/1980	X		006 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
336	NGUYỄN THỊ NGỌC	17/07/1954		X	006 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
337	DIỆP OAI	31/12/1956	X		216 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
338	NGUYỄN THỊ HUỆ	22/07/1955		X	216 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
339	DIỆP PHÚ THÀNH	31/07/1979	X		216 lô s C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
340	DIỆP PHÚ TRUNG	19/07/1986	X		216 lô s C/C Ngô Gia Tự	
341	ĐƯỜNG CÚP CUI	12/09/1959	X		208 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
342	LÝ ÁI LỆ	01/12/1964		X	208 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
343	ĐƯỜNG QUỐC KIỆM	08/02/1999	X		208 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
344	ĐƯỜNG QUỐC HÒA	07/02/1994		X	208 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
345	ĐƯỜNG QUỐC SẮC	14/12/1990		X	208 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
346	TRẦN MỸ HOA	01/05/1969		X	228 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
347	KIÊN THỊ SỞ PHIA	07/03/1979		X	236 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
348	HUYỀN GIA BÌNH	06/10/1961	X		236 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
349	HUYỀN THỰC PHÂN	29/12/1972		X	236 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
350	HUYỀN GIA HẠNH	03/06/1969	X		236 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
351	YẾN HÂN CHUÔNG	23/06/1960	X		213 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
352	TRƯỜNG MAI LINH	13/09/1964		X	213 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
353	YẾN CHI AN	27/11/1993	X		213 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
354	YẾN CHI HẠNG	16/06/1991		X	213 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
355	NGUYỄN VĂN HÙNG	27/05/1960	X		205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
356	NGUYỄN THỊ TỐT	12/12/1962		X	205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
357	NGUYỄN THÀNH LONG	16/11/1981	X		205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
358	NGUYỄN KIM PHỤNG	23/01/1983		X	205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
359	LƯU KIM LÊNH	20/10/1938		X	313 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
360	ĐOÀN THỊ MAI	03/07/1971		X	313 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
361	LƯU THỊ HOA	16/08/1962		X	313 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
362	TRẦN THỊ NGUYỆT	20/01/1954		X	239 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
363	TRẦN CÔNG DUY	30/07/1999	X		239 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
364	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ	24/02/1975		X	239 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
365	TRẦN HOÀI VŨ	12/08/1989	X		239 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
366	TRẦN CÔNG LỢI	28/03/1963	X		239 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
367	TRƯỜNG VĂN BÊ	27/10/1931	X		307 lô s C/C Ngô Gia Tự	
368	TRƯỜNG NGỌC HIẾU	28/07/1954	X		307 lô s C/C Ngô Gia Tự	
369	BÙI THỊ PHƯƠNG	30/11/1964		X	308 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
370	LỢI CẨM LIÊN	28/11/1994		X	308 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
371	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	30/05/1956	X		303 LÔ S Ngô Gia Tự	
372	NGUYỄN TRÍ NGUYỄN	04/08/1964	X		316 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
373	NGUYỄN THẾ HUẤN	02/07/1972	X		316 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
374	NGUYỄN THỊ CAM	19/10/1955		X	223 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
375	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	23/11/1999		X	223 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
376	NGUYỄN TÂN CHUÔNG	05/10/1978	X		223 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
377	NGUYỄN THỊ DIỄM TRANG	11/02/1972		X	223 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
378	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	10/03/1975		X	223 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
379	NGUYỄN KIM HIỆP	06/03/1971		X	333 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
380	TRẦN QUỐC TUẤN	25/10/1971	X		333 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
381	NGUYỄN THỊ KIM OANH	26/11/1959		X	333 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
382	NGUYỄN KIM PHƯỢNG	12/01/1967		X	333 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
383	TRƯỜNG TÔ HẠ	18/01/1945	X		209 lô s C/C Ngô Gia Tự	
384	TRƯỜNG TIÊU LONG	02/07/1972	X		209 lô s C/C Ngô Gia Tự	
385	TRƯỜNG CÁT LONG	09/01/1977	X		209 lô s C/C Ngô Gia Tự	
386	ĐẶNG THỊ TRỰC	10/03/1934		X	337 lô s C/C Ngô Gia Tự	
387	DƯƠNG THỊ MAI	07/02/1954		X	212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
388	DƯƠNG TÙNG XUÂN	22/01/1947	X		212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
389	DƯƠNG VĂN TÙNG	17/10/1949	X		212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
390	DƯƠNG THỊ LỤM	30/11/1940		X	212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
391	DƯƠNG VĂN BÊ	04/01/1963	X		212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
392	DƯƠNG VĂN ĐỨC	25/11/1955	X		212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
393	DƯƠNG NGỌC HÙNG	27/07/1957	X		212 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
394	TẮT NGUYỆT HÙNG	27/03/1955		X	217 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
395	ĐẶNG NGỌC BÌNH	06/03/1981		X	217 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
396	ĐẶNG QUANG VINH	05/11/1983	X		217 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
397	TRƯỜNG THỊ CÚC	15/08/1944		X	323 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
398	TRƯỜNG NGỌC PHI	14/04/1986	X		323 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
399	TRƯỜNG MỘNG TRINH	10/06/1982		X	323 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
400	TRƯỜNG THỊ NUÔI	06/04/1964		X	323 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
401	TRƯỜNG THỊ ỨT	23/03/1954		X	323 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
402	TẠ KIM PHÁT	19/08/1946	X		240 lô s C/C Ngô Gia Tự	
403	TẠ VĂN NGUYỄN	13/03/1974		X	240 lô s C/C Ngô Gia Tự	
404	TẠ KIM TUÔNG	09/10/1955	X		240 lô s C/C Ngô Gia Tự	
405	PHẠM ĐÌNH TRANG	25/10/1949	X		317 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
406	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	05/10/1953		X	317 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
407	LƯƠNG KHAI VĂN	17/01/1946	X		214 LÔ S Ngô Gia Tự	
408	MỘC SUI GIN	24/08/1951		X	214 LÔ S Ngô Gia Tự	
409	LƯƠNG VĨ KIỆT	06/11/1999	X		214 LÔ S Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
410	TRẦN LỆ	24/07/1959		X	222 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
411	LỢI MỸ XUÂN	12/05/1963		X	306 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
412	LỢI BỬU DUYỄN	08/07/1967		X	306 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
413	LƯƠNG CHẤN PAU	01/01/1928	X		225 lô S C/C Ngô Gia Tự	
414	QUÁCH KIM HOA	05/08/1983		X	225 lô S C/C Ngô Gia Tự	
415	LI AI SUI	15/04/1936		X	225 lô S C/C Ngô Gia Tự	
416	LƯƠNG A HỒNG	10/07/1957		X	225 lô S C/C Ngô Gia Tự	
417	LƯƠNG ĐỒNG	14/05/1968	X		225 lô S C/C Ngô Gia Tự	
418	LÂM THÀNH SƠN	15/08/1949	X		203 LÔ S Ngô Gia Tự	
419	LÊ THỊ TỎ QUYỀN	21/10/1992		X	203 LÔ S Ngô Gia Tự	
420	LIUU THỊ LỰA	26/01/1959		X	203 LÔ S Ngô Gia Tự	
421	LÂM TRIỀU CUỒNG	10/01/1979	X		203 LÔ S Ngô Gia Tự	
422	LÂM TRIỀU HÙNG	26/07/1976	X		203 LÔ S Ngô Gia Tự	
423	TRƯƠNG THỊ PHỤNG	15/08/1930		X	215 lô S C/C Ngô Gia Tự	
424	CHÂU NGỌC HUYỀN	26/02/1994		X	215 lô S C/C Ngô Gia Tự	
425	CHÂU QUỐC THẮNG	24/09/1986	X		215 lô S C/C Ngô Gia Tự	
426	DƯƠNG THỊ TRÂM ĐIỀU	04/09/1961		X	215 lô S C/C Ngô Gia Tự	
427	HUỲNH CHÂU	28/08/1970	X		340 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
428	LƯƠNG YẾN	10/03/1969		X	340 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
429	HUỲNH MỸ LINH	20/09/1996		X	340 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
430	HUỲNH MỸ HOA	01/11/2002		X	340 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
431	PHẠM VĂN THÀNH	04/09/1956	X		318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
432	THÁI HẢI SƠN	05/05/1993	X		318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
433	PHẠM THỊ PHƯƠNG TUYẾN	06/02/1991		X	318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
434	PHẠM MINH TÂM	12/02/1989	X		318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
435	PHẠM THỊ NHƯỜNG	15/02/1950		X	318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
436	PHẠM THỊ CÀNH	11/08/1959		X	318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
437	PHẠM VĂN TƯƠI	18/10/1964	X		318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
438	PHẠM VĂN HIẾN	25/08/1958	X		318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
439	PHẠM THỊ HUỆ	30/08/1962		X	318 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
440	VŨ THỊ TUYẾN	10/09/1949		X	327 lô s C/C Ngô Gia Tự	
441	ĐO THÈ PHONG	16/07/1976	X		327 lô s C/C Ngô Gia Tự	
442	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/07/1967		X	230 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
443	NGUYỄN ĐỨC DUY	02/01/1987	X		230 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
444	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	03/10/1953	X		230 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
445	NGUYỄN THỊ XÊ	30/03/1946		X	310 lô S C/C Ngô Gia Tự	
446	TRẦN THỊ KIM THOA	16/10/1982		X	310 lô S C/C Ngô Gia Tự	
447	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	25/05/1969	X		310 lô S C/C Ngô Gia Tự	
448	NGUYỄN THÙY HƯƠNG	26/08/1944		X	315 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
449	NGUYỄN THỊ MAI KHANH	01/05/1972		X	315 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
450	TRƯƠNG LỆ HOA	24/03/2000		X	315 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
451	TRƯƠNG TẤN QUỲNH	01/06/1968	X		315 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
452	TRƯƠNG YẾN NHI	28/08/1970		X	315 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
453	TRẦN THỊ MỸ CHI	07/06/1971		X	204+205 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
454	BUI THỊ MỸ THU	31/03/1990		X	204+205 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
455	NGUYỄN THỊ HUY HỒNG	12/02/1970		X	114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
456	NGUYỄN THỊ GIỚI	14/01/1934		X	114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
457	NGUYỄN HUY HỐI	16/04/1938	X		114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
458	HỒ VĂN LỢI	24/07/1969	X		114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
459	HỒ NGUYỄN TẤN LỘC	06/10/2001	X		114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
460	NGUYỄN HUY HOÀNG	02/03/1963	X		114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
461	NGUYỄN HUY HOA	31/12/1965	X		114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
462	NGUYỄN HUY HÙNG	15/05/1972	X		114 lô H C/C Ngô Gia Tự	
463	NGUYỄN VIỆT DỪNG	20/10/1965	X		003 lô H Ngô Gia Tự	
464	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	18/06/1972		X	003 lô H Ngô Gia Tự	
465	ĐẶNG THỊ PHẦN	03/01/1933		X	026 lô H C/C Ngô Gia Tự	
466	PHẠM VINH TÀI	06/12/2001	X		026 lô H C/C Ngô Gia Tự	
467	PHẠM THANH TUẤN	12/09/1973	X		026 lô H C/C Ngô Gia Tự	
468	PHẠM THANH ĐIỀN	20/02/1968	X		026 lô H C/C Ngô Gia Tự	
469	PHẠM THANH DỪNG	25/09/1976	X		026 lô H C/C Ngô Gia Tự	
470	NGUY THỊ LONG	02/08/1962		X	119 lô H C/C Ngô Gia Tự	
471	VŨ THỊ HẾT	10/09/1960		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
472	VŨ THỊ CẨM TÚ	20/03/1998		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
473	ĐOÀN NGỌC THỦY	04/08/1998		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
474	PHẠM CHANH NGỌC NHI	19/01/1998		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
475	TRƯƠNG THỊ DUNG	30/12/1956		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
476	VŨ VĂN DƯỠNG	06/09/1958	X		325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
477	VŨ THỊ BÉ	10/08/1969		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
478	VŨ THỊ THÔI	07/04/1967		X	325 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
479	ĐOÀN NGỌC THẠCH	15/09/1956	X		322 lô S C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
480	ĐOÀN NGỌC GA	16/11/1960	X		322 lô S C/C Ngô Gia Tự	
481	LÝ CHỈ TRUNG	21/03/1974	X		305 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
482	LÝ CHỈ XUÂN	04/06/1972	X		305 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
483	PHÙNG CHÍ TÍN	22/12/1969	X		305 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
484	PHÙNG CHÍ HÙNG	17/11/1966		X	305 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
485	PHÙNG CHÍ QUANG	24/12/1970	X		305 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
486	LÊ NGỌC HIỆP	09/05/1964	X		204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
487	HUỲNH THỊ VIỆT	05/07/1960		X	204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
488	LÊ NGỌC TUYẾT TRINH	19/03/1990		X	204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
489	LÊ NGỌC PHƯƠNG THAO	07/06/1999		X	204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
490	LÊ NGỌC KHÁI	28/03/1974	X		204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
491	LÊ NGỌC PHONG	07/05/1963	X		204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
492	LÊ NGỌC TUYẾT PHƯƠNG	11/09/1978		X	204 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
493	LA VŨ HƯƠNG	09/01/1935		X	311 lô s C/C Ngô Gia Tự	
494	LƯƠNG BÍCH	19/05/1954		X	311 lô s C/C Ngô Gia Tự	
495	LƯƠNG HUỆ	31/05/1966		X	311 lô s C/C Ngô Gia Tự	
496	LƯƠNG TOÀN	27/12/1967		X	311 lô s C/C Ngô Gia Tự	
497	LƯƠNG MỸ NHÂN	03/06/2001		X	311 lô s C/C Ngô Gia Tự	
498	TRẦN NGỌC MINH	09/06/1949	X		007 - 107 lô H C/C Ngô Gia Tự	
499	TRẦN THỊ LOAN ANH	05/01/1971		X	007 - 107 lô H C/C Ngô Gia Tự	
500	TRẦN QUỐC TOÀN	19/12/1993	X		007 - 107 lô H C/C Ngô Gia Tự	
501	GIANG CẨM HƯỜNG	18/04/1971		X	007 - 107 lô H C/C Ngô Gia Tự	
502	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	13/04/1957	X		007 - 107 lô H C/C Ngô Gia Tự	
503	TRẦN THỊ KIM CHI	24/11/1962		X	007 - 107 lô H C/C Ngô Gia Tự	
504	VŨ THỊ PHÚC	09/10/1951		X	029 lô H C/C Ngô Gia Tự	
505	ĐỖ THOẠI THANH VÂN	19/04/2000		X	029 lô H C/C Ngô Gia Tự	
506	TẠ THỊ MINH HƯƠNG	06/03/1985		X	029 lô H C/C Ngô Gia Tự	
507	TẠ THỊ MINH NGUYỄN	05/03/1978		X	029 lô H C/C Ngô Gia Tự	
508	NGUYỄN NGỌC TÂN	27/01/1961	X		027 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
509	NGUYỄN HOÀNG TÂM	02/12/1987	X		027 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
510	NGUYỄN THỊ MỸ	10/03/1963		X	027 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
511	TRẦN THỊ MỸ PHƯƠNG	10/08/1988		X	027 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
512	NGUYỄN HOÀNG TÔN	27/10/1965	X		027 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
513	HUỲNH VĂN AN	16/06/1970	X		005 lô H C/C Ngô Gia Tự	
514	HUỲNH KHÁI TRÍ	20/09/1996	X		005 lô H C/C Ngô Gia Tự	
515	HUỲNH HUỆ PHƯƠNG	23/12/1994		X	005 lô H C/C Ngô Gia Tự	
516	HUỲNH HUỆ LINH	28/04/2002		X	005 lô H C/C Ngô Gia Tự	
517	TRƯƠNG NGỌC ANH	10/03/1939		X	005 lô H C/C Ngô Gia Tự	
518	HUỲNH LÊ BÌNH	13/08/1963		X	005 lô H C/C Ngô Gia Tự	
519	NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH	28/02/1972		X	014 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
520	LÂM HỒNG OANH	13/11/1964	X		014 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
521	LÂM NGUYỄN NGỌC HÂN	21/06/2000		X	014 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
522	LÊ VĂN TÀI	29/01/1964	X		009-109 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
523	LÊ VĂN LỘC	10/01/1960	X		009-109 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
524	HUỲNH VĂN LỢI	12/05/1969	X		009-109 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
525	NGUY BÁ GIAI	10/08/1935	X		132 lô H C/C Ngô Gia Tự	
526	LÃNG UY TÍN	15/03/1974	X		132 lô H C/C Ngô Gia Tự	
527	LÃNG LỆ ĐIỀU	23/11/1973		X	132 lô H C/C Ngô Gia Tự	
528	ĐÌNH THỊ KIM HẠ	24/12/1965		X	214 LÔ I C/C Ngô Gia Tự	
529	HUỲNH MINH TUẤN	03/08/1988	X		214 LÔ I C/C Ngô Gia Tự	
530	ĐÌNH TRỊNH THỂ HOA	12/10/1956		X	214 LÔ I C/C Ngô Gia Tự	
531	NGUYỄN VĂN PHÒNG	01/01/1920	X		020 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
532	LÊ VĂN THẢO	03/03/1976	X		020 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
533	LÊ VĂN DŨNG	12/08/1974	X		020 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
534	NGUYỄN TUẤN THÀNH	1972	X		020 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
535	NGUYỄN THỊ MÙI	1927		X	020 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
536	TẮT PHỐI ẮN	04/03/1974		X	022 lô H C/C Ngô Gia Tự	
537	HAW TỬ SİN	23/12/2002		X	022 lô H C/C Ngô Gia Tự	
538	HAW TỬ AN	26/06/2001	X		022 lô H C/C Ngô Gia Tự	
539	VÔ THỊ ÁNH NHUNG	05/01/1970		X	032 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
540	VÔ QUỐC KHÁI	05/11/2000	X		032 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
541	LƯU QUANG THÁP	26/08/1956	X		032 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
542	LƯU HÒA	18/12/1958	X		032 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
543	LƯU QUANG MINH	11/07/1955	X		032 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
544	LÝ CHÂU	30/10/1957	X		012 lô H C/C Ngô Gia Tự	
545	GIANG TUYẾT MAI	26/11/1963		X	012 lô H C/C Ngô Gia Tự	
546	LÝ QUỐC CƯỜNG	02/06/1989	X		012 lô H C/C Ngô Gia Tự	
547	LÝ BÌNH CHÂU	29/06/1972	X		012 lô H C/C Ngô Gia Tự	
548	KÁN KỀNH PHI	15/09/1957	X		031 lô H C/C Ngô Gia Tự	
549	KÁN TIÊU MINH	08/01/1978		X	031 lô H C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
550	KÁN TIÊU VĂN	14/07/1976		X	031 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
551	KÁN TIÊU KỲ	25/03/1984	X		031 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
552	NGUYỄN VĂN THÀNH	28/04/1951	X		030 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
553	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	11/07/1992		X	030 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
554	TUỖNG THỊ THẢO	07/02/1970		X	030 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
555	NGUYỄN VĂN KIẾT	03/06/1981	X		030 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
556	NGUYỄN TẤN TÀI	13/04/1983	X		030 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
557	HUỖNH NGỌC XUÂN	26/09/1947		X	104 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
558	TRẦN PHỐI QUYỀN	15/11/1977		X	104 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
559	TRẦN BÔI HÙNG	05/12/1976		X	104 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
560	HUỖNH THỊ KIM YÊN	15/08/1953		X	024 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
561	NGUYỄN THỊ DIỄM	17/04/1978		X	024 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
562	VƯƠNG HUỖNH LONG	27/06/1977	X		024 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
563	VƯƠNG HUỖNH PHƯỚC	13/05/1981	X		024 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
564	VƯƠNG HUỖNH NGÀ	16/01/1979		X	024 lô h C/C Ngõ Gia Tự	
565	LƯU HẢO	11/08/1952		X	025 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
566	TÔN CHỈ CƯỜNG	05/05/1953	X		025 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
567	HUỖNH CẨM PHÚ	02/10/1983	X		025 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
568	HUỖNH THỦY NHI	24/01/1981		X	025 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
569	HUỖNH THỦY LAN	20/02/1979		X	025 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
570	NGUYỄN THỊ TÂM	03/07/1943		X	017 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
571	LÝ UYÊN NHÂN	07/12/1999		X	017 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
572	NGUYỄN THỊ THANH TRANG	10/02/1971		X	017 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
573	NGUYỄN THÀNH DANH	16/12/1975	X		017 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
574	NGUYỄN THỊ TÂN	22/06/1964		X	017 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
575	NGUYỄN THÀNH VẠN	02/07/1977	X		017 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
576	QUANG HÙNG	27/12/1948		X	120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
577	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	20/10/1973		X	120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
578	QUANG TÙNG LẠC	08/05/2001	X		120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
579	LÝ GIA NGHI	01/10/1975		X	120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
580	QUANG BỬU NHI	09/10/1969		X	120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
581	QUANG GIA LẠC	12/06/1973	X		120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
582	QUANG GIA CƯỜNG	23/02/1971	X		120 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
583	VÔNG CHẤN HÙNG	16/01/1970	X		018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
584	VÔNG GIA CHÍ	30/04/1999	X		018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
585	VÔNG GIA PHỤNG	16/09/1994		X	018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
586	TRỊNH THỊ TRANG	03/12/1971		X	018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
587	VÔNG CHẤN PHÁT	10/08/1972	X		018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
588	PHẠM QUỐC KHUÔNG	21/05/1974	X		014 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
589	PHẠM KIM NGÂN	02/06/2002		X	014 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
590	NGUYỄN THỊ MỸ	01/01/1983		X	014 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
591	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	09/03/1994		X	014 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
592	PHẠM QUỐC NINH	23/03/1977	X		014 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
593	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	02/01/1942		X	103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
594	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	06/09/2001		X	103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
595	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	02/02/1974		X	103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
596	NGUYỄN QUỐC LONG	09/10/1965	X		103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
597	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	04/06/1977		X	103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
598	GIANG TÔ HÀ	14/09/1965	X		105 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
599	GIANG HOA	05/09/1944	X		105 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
600	GIANG TỬ	23/09/1953	X		105 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
601	ĐỖ THỊ NGUYỆT	10/03/1949		X	115 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
602	TRẦN NGỌC QUANG	01/10/1943	X		115 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
603	TRẦN NGỌC KIẾN QUỐC	06/01/1979	X		115 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
604	TRẦN NGỌC ANH QUÂN	21/06/1971	X		115 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
605	PHAN MINH ĐIỆP	06/12/1960	X		116 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
606	PHAN MINH NHẬT UYÊN	09/09/2002		X	116 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
607	KHÔNG THỊ ĐIỀU	10/02/1922		X	004 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
608	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	14/09/1964		X	004 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
609	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG NAM	10/04/1989	X		004 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
610	TRƯƠNG NGUYỄN THẢO NHI	11/11/1993		X	004 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
611	TRƯƠNG VĂN HẠNH	10/12/1956	X		004 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
612	NGUYỄN THỊ BÈ	24/08/1950		X	011 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
613	HÀ VĨ QUANG	31/07/1981	X		118 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
614	NGÔ NGỌC PHẦN	11/05/1976		X	123 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
615	NGUYỄN DUY QUÁT	17/04/1960	X		125 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
616	NGUYỄN THỊ THU THỦY	15/04/1964		X	125 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
617	NGUYỄN DUY KIM LONG	24/04/1988	X		125 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
618	NGUYỄN KIM PHỤNG	30/05/1993		X	125 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
619	ĐINH NỮ	07/04/1951		X	117 lô H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
620	NGUYỄN VĂN CHẠY	17/08/1948	X		110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
621	NGUYỄN THỊ HOA	24/12/1957		X	110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
622	NGUYỄN THỊ CHƠN Ỡ	29/05/1975		X	110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
623	HỒ THANH TIẾNG	24/02/1945	X		31 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
624	HỒ HUY TÀI	14/11/1972	X		31 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
625	HỒ HUY TOÀN	13/09/1971	X		31 lô i C/C Ngõ Gia Tự	
626	NGUYỄN HOÀNG MINH VY	08/04/1983		X	212 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
627	HUỠNH THỊ KIM ANH	29/04/1957		X	212 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
628	HUỠNH CÔNG TÂM	23/05/1965	X		212 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
629	NGUYỄN VĂN DỪNG	29/05/1955	X		212 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
630	TRẦN VĂN ĐỘ	01/01/1932	X		303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
631	TRẦN ANH TÀI	13/10/1983	X		303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
632	TRẦN HOÀNG LỘC	25/06/1962	X		303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
633	TRẦN VĂN LƯỢNG	06/07/1960	X		303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
634	VỮ XUÂN BẮC	10/08/1948	X		209 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
635	NGUYỄN THỊ HẠNH	21/07/1960		X	209 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
636	VỮ XUÂN HIẾU	14/05/1997	X		209 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
637	LỮU MUỐI	17/08/1934		X	231 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
638	LỮU PHINGJ ĐIỀN	29/11/1972		X	231 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
639	LỄ THÀNH HƯNG	01/12/1951	X		202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
640	DƯỠNG THỊ TIẾP	20/11/1967		X	202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
641	LỄ THỊ NGỌC HÂN	05/09/1997		X	202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
642	NGUYỄN THỊ THỨC	17/06/1953		X	205 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
643	NGUYỄN SỈ KHOA	14/10/1971	X		205 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
644	NGUYỄN THỊ KIM NỀN	20/02/1968		X	205 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
645	NGUYỄN THỊ TÌNH	30/06/1950		X	205 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
646	TRƯỠNG VĂN NÔ	15/05/1954	X		223 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
647	NGUYỄN THỊ THANH	20/10/1960		X	223 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
648	TRƯỠNG NGUYỄN NGỌC MINH	24/08/1989	X		223 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
649	TRƯỠNG TÂN LỘC	10/07/1984	X		223 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
650	ĐẶNG THỊ PHÁT	01/04/1957		X	227 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
651	MAI TRỌNG HIẾU	27/09/1995	X		227 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
652	TRẦN THU CÚC	16/10/1974		X	227 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
653	THÁI GIA MINH	21/07/1964	X		317 LỒ H Sư Vạn Hạnh	
654	THÁI HUỠNH KIỀU TRANG	13/03/1999		X	317 LỒ H Sư Vạn Hạnh	
655	THÁI THÀNH	03/08/1967	X		317 LỒ H Sư Vạn Hạnh	
656	THÁI LY	17/11/1970		X	317 LỒ H Sư Vạn Hạnh	
657	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/03/1956		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
658	HUỠNH THỊ KIM PHÚC	01/01/1969		X	218 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
659	NGUYỄN PHÚC THỊNH	10/09/1962		X	218 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
660	NGUYỄN THỊ THỊNH	10/09/1962		X	218 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
661	ĐẶNG THỊ MÂY	20/10/1934		X	330 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
662	LỄ MINH HÙNG	29/08/1995	X		308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
663	NGUYỄN THỊ TUYẾT BẠCH	20/11/1971		X	308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
664	LỄ XUÂN TIẾNG	07/01/1952	X		308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
665	LỄ VĂN THẢO	04/08/1966	X		308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
666	NGUYỄN THỊ MỆO	02/08/1938		X	307 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
667	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	20/12/1970		X	307 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
668	LƯƠNG PHÁT	10/09/1960	X		312 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
669	NGUYỄN THỊ KIM HÀ	16/11/1953		X	229 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
670	TRẦN THỊ BÍCH NHÂN	21/10/1951		X	229 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
671	PHAN THANH VÂN	01/07/1989		X	229 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
672	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	12/03/1949	X		224 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
673	VỠ THỊ CHỎ	09/09/1955		X	224 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
674	NGUYỄN MINH PHI	12/12/1973	X		224 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
675	NGUYỄN MINH HUY	07/06/2001	X		224 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
676	NGUYỄN THỊ MINH PHỤNG	04/12/1975		X	224 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
677	DIỆP KIM CHI	21/11/1973		X	224 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
678	TRƯỠNG THỊ TUYẾT MAI	01/05/1953		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
679	DƯỠNG MẠNH THỂ	11/09/1983	X		305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
680	TRƯỠNG NHƯ PHƯỢNG	22/12/1972		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
681	TRƯỠNG NỮ	23/05/1942		X	221 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
682	TRƯỠNG CHÂN NHẠC	30/10/1968	X		221 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
683	PHAN THỊ HÒA	05/10/1948		X	324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
684	CHU VĂN HUỆ	07/04/1955	X		324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
685	BÙI THỊ TUYẾT DUNG	27/02/1973		X	324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
686	BÙI VĂN HÙNG	09/10/1971	X		324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
687	CHU YÊN NHI	13/07/1991		X	324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
688	TRẦN ĐỨC KHANH	19/01/1962		X	204 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
689	HUỠNH UYỄN LỆ	01/04/1994		X	204 lô H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
690	CHÈ SỈU VẦY	12/09/1983	X		232 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
691	LÝ KHỈ SÊNH	14/08/1991		X	232 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
692	NGUYỄN THỊ THU	06/02/1950		X	201 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
693	LÊ QUANG MINH TRÂM	18/02/1972	X		201 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
694	TIÊU NGỌC THANH	03/04/1966		X	225 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
695	TRẦN PHỤNG	02/03/1944		X	225 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
696	THÁI MAI	09/11/1963	X		225 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
697	THÁI BỘI SAN	11/03/1993		X	225 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
698	THÁI KHNASH PHÁT	07/05/1997	X		225 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
699	THÁI BỘI LINH	11/12/1995		X	225 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
700	NGŨ MUỐI	01/04/1943		X	338 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
701	DƯƠNG QUÊ LIÊN	02/10/1997		X	338 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
702	LƯU THIỆU TRẦN	05/11/1966		X	338 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
703	LƯU THIỆU BÌNH	07/08/1972		X	338 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
704	LƯU THIỆU CHÂU	07/05/1970		X	338 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
705	NGŨ LỆ THANH	10/02/1975		X	338 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
706	LẠC NGUU	02/04/1951	X		314 LÔ S Ngõ Gia Tự	
707	NGUY CHÂN THÀNH	09/08/1963	X		235 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
708	CHỨC TUYẾT LIÊN	19/05/1972		X	235 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
709	NGUY TUYẾT HOA	04/08/1993		X	235 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
710	NGUY TUYẾT QUẾ	20/08/1995		X	235 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
711	HUỶNH VĂN VIỆT	07/04/1965	X		304 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
712	LÊ NGỌC HUYỀN	02/07/1993		X	304 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
713	LÊ THỊ TUYẾT MINH	30/09/1967		X	304 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
714	HUỶNH TRUNG HIỂU	16/11/1993	X		304 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
715	VIÊN XÚ	22/06/1939	X		316 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
716	VIÊN QUỐC SÂM	25/10/1991	X		316 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
717	TRẦN THỂ HOÀN	16/10/1940		X	008 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
718	TRẦN ÁI TỬ	07/08/1975		X	008 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
719	TRẦN ÁI LINH	14/10/1969		X	008 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
720	TRẦN ÁI NGỌC	24/08/1983		X	008 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
721	TRẦN ÁI QUỲNH	14/07/1973		X	008 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
722	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	15/06/1940	X		305 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
723	HỒ KIM HUỆ	02/10/1953		X	305 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
724	NGUYỄN VĂN HÙNG CUỒNG	10/07/1968	X		305 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
725	NGUYỄN AN CỬ	01/07/1943	X		212 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
726	TIÊU LỆ QUYỀN	21/02/1951		X	212 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
727	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/03/1975		X	212 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
728	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	10/12/1973		X	212 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
729	ĐẶNG MINH HIỂU	29/10/1977	X		212 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
730	LÊ THỊ TRUNG	01/01/1968		X	210 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
731	PHẠM TUẤN ANH	15/09/1988	X		210 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
732	ĐẶNG LỆ NGA	02/07/1969		X	205 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
733	LÊ VĂN PHƯỚC	10/06/1954	X		009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
734	LÊ THỊ LÀI	02/05/1935		X	025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
735	NGUYỄN VĂN NGÔI	30/06/1958	X		025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
736	NGUYỄN HỮU CHUNG	03/06/1974	X		025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
737	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	27/07/1971		X	025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
738	NGUYỄN THỊ MẬT	18/06/1927		X	10 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
739	LÊ HOÀNG LIÊM	13/09/1970	X		10 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
740	NGUYỄN VĂN MUỐI	18/05/1944	X		10 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
741	TẠ TÂN TRIỀU	28/11/1945	X		130 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
742	TRẦN THUY HỒNG NGA	10/08/1980		X	130 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
743	TẠ ĐỨC TÂN	05/02/1976	X		130 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
744	TẠ ĐỨC VINH	09/09/1982	X		130 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
745	TẠ ĐỨC DUY	28/08/1974	X		130 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
746	NGÔ THỊ HOÀNG YÊN	31/10/1958		X	131 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
747	NGUYỄN HOANG THUY ANH	04/11/1986		X	131 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
748	NGUYỄN ANH TUẤN	14/04/1989	X		131 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
749	NGÔ THỊ BẠCH TUYẾT	11/12/1956		X	131 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
750	NGUYỄN TÂN PHÁT	16/09/1966	X		010 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
751	LÊ THỊ HỒNG MAI	06/05/1981		X	010 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
752	NGUYỄN VŨ TÂN ĐẠT	01/10/1994	X		010 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
753	NGUYỄN THỊ TRƠN	30/04/1945		X	220 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
754	LÂM TRUNG TÍN	11/12/1996	X		220 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
755	LÂM TÂM NHƯ	10/07/2002		X	220 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
756	NGUYỄN VĂN MẠNH	12/03/1974	X		220 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
757	NGUYỄN THỊ LOAN	04/01/1969		X	220 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
758	CHÂU THIỀU KINH	23/11/1944		X	328 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
759	NGUYỄN THỊ HUỶNH NHƯ	06/12/1986		X	328 lô H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
760	CHÂU KIẾN CUỒNG	25/04/1970	X		328 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
761	CHÂU LỆ LINH	05/08/1975		X	328 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
762	CHÂU THIỀU BÌNH	25/07/1967		X	328 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
763	LƯU CHÂU	01/06/1954	X		221 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
764	LƯU GIA QUYỀN	19/04/1981	X		221 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
765	TRẦN VĂN MINH	07/09/1965	X		303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
766	PHAN MỸ HOÀNG	21/05/1970		X	303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
767	TRẦN ANH THỨ	18/10/1994		X	303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
768	TRẦN ANH TUẤN	16/11/1992	X		303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
769	LÊ NGỌC BẠCH	20/08/1958		X	023 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
770	NGUYỄN NGỌC THANH	18/04/1981		X	023 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
771	PHAN THỊ KIM HƯƠNG	20/08/1952		X	023 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
772	PHAN THỊ KIM LOAN	10/08/1949		X	023 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
773	LÊ NGỌC BẠCH TUYẾT LINH	04/07/1996		X	023 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
774	CHU VIỆT TÀI	02/11/1987	X		023 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
775	THÁI ĐỨC HÙNG	07/03/1956	X		330 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
776	THÁI THỊ TRANG THẢO	08/09/1983		X	330 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
777	THÁI THỊ MỘNG DIỆP	22/11/1980		X	330 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
778	LÂM VINH HẢO	04/02/1969	X		314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
779	LÂM VINH PHƯƠNG	11/08/1962		X	314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
780	LÂM VINH TUẤN	14/09/1971	X		314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
781	ĐOÀN THỊ THIẾT	25/02/1953		X	015 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
782	NGUYỄN VĂN CUỒNG	16/09/1970	X		015 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
783	NGUYỄN TIỀN QUỐC	08/04/1961	X		215 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
784	NGUYỄN THỊ ĐỨC HIỀN	24/04/1968		X	215 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
785	NGUYỄN ĐỨC BẢO VY	05/07/1995		X	215 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
786	NGUYỄN THỊ GIÁ	28/07/1959		X	215 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
787	LÊ THỊ THU	18/08/1966		X	122 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
788	HUỲNH THỊ KIM NGỌC	16/03/1973		X	037 LÔ T Ngõ Gia Tự	
789	LÊ HUỲNH KHƯƠNG DUY	21/01/1994	X		037 LÔ T Ngõ Gia Tự	
790	LÊ HUỲNH KHƯƠNG SANG	27/06/1999	X		037 LÔ T Ngõ Gia Tự	
791	DIỆP VĂN	27/05/1958	X		108 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
792	ĐỖ MUỘI	03/05/1959		X	108 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
793	DIỆP KIẾT MAI	19/09/1988		X	108 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
794	DIỆP TIỂU BÌNH	22/01/1983		X	108 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
795	LÊ HOÀNG VINH	05/05/1960	X		111 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
796	LỢI QUANG MINH	07/11/1952	X		106 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
797	ĐẶNG THỊ NGỌC THỦY	15/10/1949		X	014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
798	NGUYỄN ĐẶNG THIÊN KIM	11/07/1991		X	014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
799	NGUYỄN HỮU THỀM	29/04/1966	X		014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
800	NGUYỄN TẤN THANH	01/12/1967	X		014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
801	NGUYỄN ĐẶNG THANH TÒAN	11/10/1984	X		014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
802	BÙI VĂN TƯ	10/12/1952	X		014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
803	ĐẶNG VĂN SÁU	20/11/1960	X		014 - 015 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
804	ĐÀO CÔNG HẠNH	01/12/1950	X		119 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
805	ĐÀO THỊ PHƯƠNG QUYÊN	27/02/1993		X	119 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
806	ĐÀO THỊ PHƯƠNG LOAN	28/01/1982		X	119 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
807	ĐÀO CÔNG BÌNH	26/01/1978	X		119 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
808	ĐÀO CÔNG KHÁNH	19/08/1976	X		119 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
809	PHẠM VĂN THANH	07/11/1980	X		119 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
810	HUỲNH PHƯỚC HẢI	23/01/1958	X		140 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
811	NGUYỄN THỊ LAN	10/02/1965		X	140 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
812	HUỲNH THỀ ĐĂNG	23/04/1987	X		140 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
813	HUỲNH PHƯỚC LÂM	29/02/1968	X		140 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
814	VŨ ĐÌNH LONG	14/12/1921	X		132 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
815	HUỲNH PHƯỚC CẢNH	26/04/1985	X		132 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
816	HUỲNH THỊ NGỌC HƯỜNG	01/10/1983		X	132 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
817	VŨ THỊ LIÊN	28/05/1961		X	132 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
818	HUỲNH ĐĂNG QUANG	04/05/1984	X		020 LÔ T Ngõ Gia Tự	
819	NGUYỄN THỊ QUÍ	17/03/1957		X	020 LÔ T Ngõ Gia Tự	
820	NGUYỄN NGỌC THẢO	18/04/1961	X		020 LÔ T Ngõ Gia Tự	
821	HOÀNG CHỈ CHUNG	23/02/1967		X	019 lồi C/C Ngõ Gia Tự	
822	TRẦN THỊ OANH	04/01/1960		X	101 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
823	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	07/01/1984		X	101 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
824	TRẦN HỮU SANG	04/10/1986	X		101 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
825	PHẠM THỊ DIỄM PHƯƠNG	15/05/1987		X	101 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
826	NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/11/1952	X		116 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
827	TRẦN THỊ HOÀI	13/10/1954		X	116 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
828	TRỊNH MINH THƠ	26/02/1955		X	121 lô t C/C Ngõ Gia Tự	
829	DƯƠNG MÂN	24/07/1921		X	121 lô t C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
830	DƯƠNG HÀ NỮ	04/02/1952		X	121 lô t C/C Ngô Gia Tự	
831	TẮT ĐẠI TÔ	12/12/1954	X		121 lô t C/C Ngô Gia Tự	
832	MAI VĂN HÙNG	07/05/1983	X		134 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
833	ĐẶNG THÊ TRUNG	01/02/1990	X		134 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
834	PHAN ĐẶNG THÊ BÌNH	30/06/1994	X		134 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
835	PHAN THỊ TUYẾT HỒNG	17/05/1960		X	134 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
836	NGUYỄN NGỌC TÔ NGÂN	06/06/1979		X	028 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
837	NGUYỄN NGỌC TÔ PHƯƠNG	28/04/1981		X	028 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
838	TÔ HÀ	04/04/1945	X		126 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
839	DƯƠNG MUỐI	02/08/1950		X	126 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
840	TÔ MỸ NỮ	21/07/1980		X	126 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
841	DƯƠNG MINH SƠN	21/11/1965	X		115 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
842	NGUYỄN NGỌC YẾN	29/07/2002	X		115 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
843	DƯƠNG THỊ NUÔI	02/12/1961		X	115 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
844	LƯƠNG THỊ ĐIẾP	09/01/1970		X	032 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
845	VƯƠNG TUYẾT NGÂN	03/11/2000		X	032 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
846	VƯƠNG TUYẾT OANH	09/01/1996		X	032 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
847	MAI QUANG ANH	21/09/1946	X		113 lô T C/C Ngô Gia Tự	
848	TRẦN THỊ ÁNH	20/01/1978		X	113 lô T C/C Ngô Gia Tự	
849	NGÔ THỊ LANG	02/09/1949		X	113 lô T C/C Ngô Gia Tự	
850	MAI KIM NGỌC	17/06/1980		X	113 lô T C/C Ngô Gia Tự	
851	MAI QUANG LẬP	03/10/1977	X		113 lô T C/C Ngô Gia Tự	
852	ĐẶNG ĐÌNH THƯỢNG	14/12/1977	X		113 lô T C/C Ngô Gia Tự	
853	LẠI THỊ LAN	15/01/1954		X	001 LÔ T Ngô Gia Tự	
854	NGUYỄN VĂN CÁ	20/04/1929	X		021 LÔ T Ngô Gia Tự	
855	LÝ TRÍ PHONG	21/03/1992	X		021 LÔ T Ngô Gia Tự	
856	THÁI THỊ BÈ	25/06/1937		X	021 LÔ T Ngô Gia Tự	
857	NGUYỄN TÂN KỶ	21/10/1966	X		021 LÔ T Ngô Gia Tự	
858	NGUYỄN THỊ KIM VUI	17/09/1971		X	021 LÔ T Ngô Gia Tự	
859	LÊ THỊ TUYỀN	09/07/1974		X	139 lô T C/C Ngô Gia Tự	
860	VÔ THỊ THU THỦY	30/06/1962		X	005 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
861	LƯU VŨ	07/01/1990	X		005 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
862	LƯU MỸ	27/10/1988		X	005 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
863	HUỶNH PHƯỚC DỪNG	23/02/1964	X		040 LÔ T Ngô Gia Tự	
864	HUỶNH THỊ KIM THANH	09/12/1987		X	040 LÔ T Ngô Gia Tự	
865	HUỶNH THỊ KIM HẰNG	13/09/1989		X	040 LÔ T Ngô Gia Tự	
866	HUỶNH THỊ PHƯƠNG THẢO	09/02/1974		X	040 LÔ T Ngô Gia Tự	
867	HUỶNH QUANG ĐẠI	24/07/1998	X		040 LÔ T Ngô Gia Tự	
868	HUỶNH NGỌC THỦY	08/04/1956		X	040 LÔ T Ngô Gia Tự	
869	HUỶNH PHƯỚC SƠN	20/01/1966	X		040 LÔ T Ngô Gia Tự	
870	HUỶNH NGỌC PHƯỢNG	28/05/1970		X	040 LÔ T Ngô Gia Tự	
871	TRẦN THỊ HỒNG	12/07/1962		X	15 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
872	PHẠM THỊ QUẾ PHƯƠNG	21/09/1985		X	15 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
873	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	07/07/1965		X	15 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
874	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	01/01/1965		X	15 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
875	TRƯƠNG NGỌC PHÁT	28/03/1958	X		136 lô t C/C Ngô Gia Tự	
876	TRƯƠNG LỆ HỒNG	09/04/1958		X	136 lô t C/C Ngô Gia Tự	
877	PHẠM THỊ PHÂN	22/06/1937		X	031 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
878	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	17/09/1963		X	031 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
879	TRƯƠNG QUỲNH CHÁY	30/04/1967	X		127 LÔ T Ngô Gia Tự	
880	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	11/11/1971		X	127 LÔ T Ngô Gia Tự	
881	TRƯƠNG CẨM LINH	26/02/1996		X	127 LÔ T Ngô Gia Tự	
882	TRƯƠNG GIA BẢO	29/11/1991	X		127 LÔ T Ngô Gia Tự	
883	NGUYỄN NHÂN	10/09/1955		X	131 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
884	TRẦN HOÀNG	21/02/1964		X	131 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
885	TRẦN QUANG DỪNG	25/12/1961	X		131 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
886	NGUYỄN NGHỊ CƯỜNG	16/12/1965	X		131 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
887	LƯƠNG QUỐC TÂN	04/11/1962	X		035 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
888	LƯƠNG CẨM AN	23/06/1982	X		035 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
889	LƯƠNG CẨM VINH	13/11/1987	X		035 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
890	LƯƠNG CẨM QUÂN	01/07/1998	X		035 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
891	NGUYỄN VĂN THANH	27/01/1971	X		034 lô T C/C Ngô Gia Tự	
892	ĐOÀN THỊ MINH ĐAM	11/03/1981		X	034 lô T C/C Ngô Gia Tự	
893	PHAN THỊ KIM OANH	19/05/1973		X	034 lô T C/C Ngô Gia Tự	
894	NGUYỄN THỊ MỸ TRẦN	04/10/2002		X	034 lô T C/C Ngô Gia Tự	
895	NGUYỄN VĂN VẠN	01/12/1960	X		034 lô T C/C Ngô Gia Tự	
896	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	15/08/1966	X		034 lô T C/C Ngô Gia Tự	
897	PHẠM THỊ THUẬN	02/11/1964		X	102 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
898	NGUYỄN THỊ SÁNG	1925		X	102 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
899	NGUYỄN THỊ DƯ	02/04/1945		X	102 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
900	ĐỖ THỊ THÚY NGÀ	04/10/1968		X	14 lô t C/C Ngô Gia Tự	
901	NGUYỄN ANH SƠN	16/06/1960	X		14 lô t C/C Ngô Gia Tự	
902	NGUYỄN ANH HOÀNG DỪNG	06/05/1999	X		14 lô t C/C Ngô Gia Tự	
903	NGUYỄN TIỀN DỪNG	01/08/1972	X		016 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
904	PHẠM VĂN THIÊM	1955	X		036 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
905	PHẠM THỊ THANH THÚY	01/01/1979		X	036 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
906	PHẠM TUẤN KHANH	1960	X		036 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
907	PHẠM THỊ LIÊN	1937		X	036 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
908	LỘC VĂN HÙNG	05/12/1970	X		003 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
909	GIP THỊ MINH NGUYỆT	20/04/1971		X	003 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
910	TRẦN CHÍ HOA	01/09/2000	X		003 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
911	LỘC THỊ MINH	15/11/1955		X	003 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
912	LỘC THỊ HIỀN	19/03/1967		X	003 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
913	PHẠM VĂN ĐƯỢC	17/08/1960	X		19 lô t C/C Ngô Gia Tự	
914	NGUYỄN VĂN TƯƠI	08/01/1965	X		19 lô t C/C Ngô Gia Tự	
915	HUỖNH TỔ NỮ	30/12/1932		X	114 LÔ T Ngô Gia Tự	
916	HUỖNH MỸ LINH	12/07/1974		X	114 LÔ T Ngô Gia Tự	
917	DIỆP VĂN NGỌC	22/02/1971	X		122 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
918	CHÂU TUẤN HOA	21/04/1996	X		122 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
919	NGUYỄN THỊ NGÀ	30/01/1965		X	021 LÔ T Ngô Gia Tự	
920	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	19/05/1990		X	021 LÔ T Ngô Gia Tự	
921	NGUYỄN MINH VÂN	07/11/2000	X		021 LÔ T Ngô Gia Tự	
922	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	29/10/1992		X	021 LÔ T Ngô Gia Tự	
923	CHẾ SIU MÃN	16/12/1969		X	135 LÔ T Ngô Gia Tự	
924	VŨ THỊ KIM	03/08/1952		X	132 lô t C/C Ngô Gia Tự	
925	TRẦN THỊ DIỆU MINH	18/07/1968		X	22 lô t C/C Ngô Gia Tự	
926	TRƯƠNG CẨM PHƯỚC	05/11/2000	X		22 lô t C/C Ngô Gia Tự	
927	TRẦN QUỐC BẢO	01/01/1970	X		22 lô t C/C Ngô Gia Tự	
928	ĐỖ PHÚ	12/10/1961	X		125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
929	CHU THỊ MY	29/01/1992		X	125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
930	CHU QUỐC HẢI	19/03/1998	X		125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
931	ĐỖ MỸ LIÊN	21/10/1969		X	125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
932	TRẦN NGỌC YÊN	17/11/1979		X	014 LÔ T Ngô Gia Tự	
933	TRẦN TỔ NỮ	04/03/1949		X	014 LÔ T Ngô Gia Tự	
934	KHA CHÍ HUY	29/09/1979	X		014 LÔ T Ngô Gia Tự	
935	KHA CHÍ HÙNG	09/11/1981	X		014 LÔ T Ngô Gia Tự	
936	TRẦN THỰC PHẦN	16/11/1972		X	014 LÔ T Ngô Gia Tự	
937	TRẦN CHÍ CUỒNG	26/07/1974	X		014 LÔ T Ngô Gia Tự	
938	ĐỖ PHỐI LIÊN	06/10/1981		X	125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
939	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	20/04/2001	X		125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
940	ĐỖ HUỆ LIÊN	24/06/1984		X	125 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
941	TRƯƠNG MỸ PHỤNG	15/10/1963		X	320 lô H C/C Ngô Gia Tự	
942	NGUYỄN NGỌC MAI	10/09/1998		X	320 lô H C/C Ngô Gia Tự	
943	TRƯƠNG THUẬN HUYỀN	09/08/2000		X	320 lô H C/C Ngô Gia Tự	
944	TRƯƠNG KIM HÙNG	10/10/1974	X		320 lô H C/C Ngô Gia Tự	
945	TRƯƠNG MỸ HOA	08/08/1971		X	320 lô H C/C Ngô Gia Tự	
946	TRƯƠNG KIM PHỤNG	11/05/1973		X	320 lô H C/C Ngô Gia Tự	
947	NGUYỄN THỊ VUI	06/04/1947		X	329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
948	NGUYỄN HOÀNG LONG	03/11/2000	X		329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
949	NGUYỄN THỊ THU	18/01/1977		X	329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
950	NGUYỄN VĂN DỪNG	01/05/1970	X		329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
951	NGUYỄN VĂN HIỆP	20/05/1974	X		329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
952	HÀNG VĂN HIỀN	15/09/1967	X		329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
953	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	05/04/1979		X	329 lô H C/C Ngô Gia Tự	
954	NGUYỄN THỊ MẠNH	01/03/1948		X	11 lô t C/C Ngô Gia Tự	
955	ĐỖ QUANG MINH	11/02/1971	X		11 lô t C/C Ngô Gia Tự	
956	NGUYỄN VĂN TÔM	15/03/1928	X		026 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
957	NGUYỄN MINH TẤN	31/12/1987	X		026 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
958	NGUYỄN THỊ NGỌC THOM	21/12/1971		X	026 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
959	DƯƠNG THỊ THANH NGÀ	20/10/1959		X	111 lô H C/C Ngô Gia Tự	
960	LẠI VĂN ĐỀ	10/05/1956	X		130 LÔ T Ngô Gia Tự	
961	LẠI NGUYỄN THANH NGÂN	22/01/1995		X	130 LÔ T Ngô Gia Tự	
962	CAO THỊ NGỌC HUỆ	07/04/1958		X	008 LÔ T Ngô Gia Tự	
963	LƯU THỊ MỸ HƯƠNG	09/09/1977		X	008 LÔ T Ngô Gia Tự	
964	LƯU MỸ THANH	01/12/1982		X	008 LÔ T Ngô Gia Tự	
965	HỒNG TẤN ĐẠT	11/07/1963	X		314 lô H C/C Ngô Gia Tự	
966	HỒNG PHƯƠNG VŨ	20/04/1970	X		314 lô H C/C Ngô Gia Tự	
967	MÃ MỸ NGỌC	20/08/1950		X	024 LÔ T Ngô Gia Tự	
968	TRỊNH CẨM HỒNG	19/07/1987		X	024 LÔ T Ngô Gia Tự	
969	TRỊNH CUỒNG	07/02/1984	X		024 LÔ T Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
970	TRINH NGUYỄN	16/08/1977	X		024 LÔ T Ngõ Gia Tự	
971	PHAN VĂN SANH	16/04/1952	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
972	PHAN THỊ TRÚC LINH	25/03/2000		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
973	TRẦN THỊ CHÂN	30/04/1953		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
974	PHAN MINH HIỀN	24/09/1973	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
975	CHUNG ANH HÙNG	19/02/1966	X		103 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
976	TRẦN THỊ MỸ LỆ	05/03/1985		X	103 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
977	CHUNG ANH DUY	17/06/1993	X		103 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
978	LÊ HOÀNG MINH	13/01/1962		X	017 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
979	LÊ THỊ THU TRANG	07/07/1990		X	017 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
980	LÊ QUỐC BẢO	26/08/1991	X		017 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
981	THẠCH LEM	30/05/1990	X		017 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
982	LÊ KHÁNH LINH	30/09/1996		X	117 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
983	LÝ THANH TRÚC	21/09/1959	X		117 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
984	LÝ THỊ BẠCH TUYẾT	21/04/1962		X	117 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
985	LÝ THANH TÙNG	23/12/1950	X		117 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
986	PHẠM ANH	27/05/1966	X		008 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
987	PHẠM THỊ XUÂN TRANG	05/07/1972		X	008 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
988	PHAN HOÀNG VŨ	04/10/1963	X		106 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
989	CAO THỊ TUYẾT	04/06/1973		X	106 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
990	PHAN HOÀNG BẢO	10/03/1995	X		106 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
991	TÔ SIÊU PHƯƠNG	14/10/1963		X	131 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
992	TÔ TRÂM ANH	28/10/2001		X	131 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
993	TÔ NGỌC LAN	28/07/1989		X	131 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
994	TÔ KIỀU	16/06/1983		X	131 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
995	NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT	08/01/1963		X	131 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
996	HUỲNH CẨM HÒA	17/12/1988		X	131 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
997	NGUYỄN THÀNH CÔNG	30/08/1955	X		026 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
998	NGUYỄN THỊ DINH	08/06/1952		X	115 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
999	NGÔ THỊ QUỲNH MAI	13/04/1978		X	115 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1000	NGÔ THỊ ĐAN PHƯƠNG	25/05/1981		X	115 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1001	NGUYỄN THỊ DUNG	03/08/1950		X	115 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1002	TRẦN THỊ KÍNH	31/05/1957		X	006 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1003	VŨ NGỌC MAI TRÂM	13/08/1991		X	006 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1004	VŨ NGỌC PHƯƠNG TRÂM	10/09/1988		X	006 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1005	TRẦN NGỌC CHIẾN	14/11/1962	X		006 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1006	NGUYỄN HỮU ĐỨC	30/04/1957	X		105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1007	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	10/06/1992		X	105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1008	NGUYỄN HỮU TÂM	20/06/1987	X		105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1009	NGUYỄN HỮU NHÂN	26/08/1983	X		105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1010	ĐIỆP XUÂN DỪNG	15/09/1959	X		022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1011	DƯƠNG THANH TÂM	27/03/1968		X	022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1012	ĐIỆP XUÂN DUY	01/01/1979	X		022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1013	ĐIỆP THANH TRÚC	24/02/1968		X	022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1014	ĐIỀU PHI HÙNG	27/07/1963	X		023 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1015	LÊ THỊ ĐẠM	06/09/1981		X	023 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1016	NGUYỄN THỊ PHI THUY	20/07/1972		X	023 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1017	NGUYỄN THỊ PHI LOAN	19/02/1967		X	023 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1018	NGUYỄN PHI SƠN	20/03/1971	X		023 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1019	LÂM VĂN THUẬN	11/11/1959	X		025 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1020	LÂM NGỌC ĐIỆP	30/03/1953	X		025 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1021	LÂM THỊ NGỌC HẠNH	17/04/1963		X	025 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1022	CHUNG QUANG TƯỜNG	13/01/1971	X		116 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1023	CHUNG MINH TĂNG	23/09/1981	X		116 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1024	CHUNG MINH LIỆT	10/12/1998	X		116 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1025	THÔNG LÊ THẢO	26/10/1972		X	116 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1026	CHUNG TỔ NỮ	20/05/1955		X	116 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1027	DƯƠNG VĂN LÂM	15/08/1944	X		002 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1028	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	10/09/1991		X	002 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1029	DƯƠNG TUẤN BẢO	20/10/1979	X		002 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1030	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	01/04/1963		X	130 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1031	LÂM NGỌC SƠN	20/05/1957	X		130 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1032	LÊ THỊ HIẾU	15/07/1959		X	129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1033	NGUYỄN VIỆT THỨC	13/07/1985	X		129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1034	LƯU THỊ THANH HƯƠNG	29/09/1976		X	129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1035	NGUYỄN ĐÌNH CÁT TƯỜNG	20/08/1998		X	129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1036	NGUYỄN THỊ CÚC	30/10/1969		X	129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1037	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	21/12/1958		X	129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1038	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	01/05/1963	X		129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1039	NGUYỄN VĂN THUẬN	18/11/1973	X		129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1040	NGUYỄN KIM HUỆ	22/07/1954		X	129 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1041	LÊ THỊ BÉ BA	18/04/1952		X	018 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1042	NGUYỄN ĐỨC MINH QUÂN	22/06/2001	X		018 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1043	TRƯỜNG VĂN HUỆ	15/10/1942	X		018 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1044	LÊ THỊ BÉ HẠI	15/01/1943		X	018 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1045	TRẦN THỊ GÁI	20/10/1956		X	120 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1046	LÊ THỊ DIỄM TRINH	1988		X	120 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1047	DƯƠNG NGỌC HOÀNG ANH	24/11/1979	X		120 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1048	DƯƠNG NGỌC KIM ANH	12/01/1984		X	120 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1049	CHU THỊ GIAO	20/02/1938		X	127 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1050	LÝ NGỌC LAN	12/01/1964		X	127 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1051	NGUYỄN THỊ NGA	17/04/1960		X	105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1052	NGÔ THỊ MỸ LIÊN	13/10/1990		X	105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1053	NGÔ THỊ MỸ LOAN	19/05/1999		X	105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1054	TRẦN THỊ LỆ HẰNG	14/09/1946		X	122 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1055	ĐINH VĂN PHÚC	29/03/1973	X		009 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1056	ĐINH VĂN HƯNG	12/11/1976	X		009 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1057	TÀNG HỮU TRIỆU	27/01/1952		X	003 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1058	LÊ BAO CƯỜNG	17/09/1995	X		003 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1059	KHƯƠNG HẠ CHÁY	31/05/1948	X		003 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1060	TÀNG HOA	03/08/1963	X		003 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1061	TÀNG NGÂN THÈ	04/06/1958		X	003 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1062	CHÂU AN HÙNG	24/01/1957	X		029 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1063	TRƯỜNG NGỌC ĐĂNG KHOA	25/12/1988		X	029 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1064	TRẦN THỊ THANH THỦY	01/01/1962		X	029 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1065	CHÂU TRẦN VĨNH THỨC	11/11/1984	X		029 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1066	CHÂU NHẬT HUY	11/08/1993	X		029 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1067	LÊ VĂN MÙI	31/05/1935	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1068	PHAN THỊ MINH HÒA	06/09/1975		X	124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1069	VÕ THỊ NỐ	06/03/1972		X	124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1070	LÊ MINH NHẬT	07/02/1998	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1071	NGUYỄN QUỐC TUẤN	16/11/1992	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1072	LÊ THỊ THỦY TIỀN	10/12/1996		X	124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1073	TRẦN THỊ MAI	12/04/1939		X	124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1074	LÊ THANH BÌNH	15/10/1971	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1075	LÊ VĂN SƠN	22/04/1961	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1076	LÊ THỊ TUYẾT LAN	22/09/1968		X	124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1077	LÊ THANH TÙNG	11/10/1975	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1078	THÁI KIM THANH	01/04/1950		X	112 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1079	ĐẶNG PHỤNG LINH	15/12/1978		X	112 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1080	ĐẶNG PHỤNG NHI	14/09/1980		X	112 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1081	ĐẶNG SIẾC KỶ	07/11/1978	X		112 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1082	LÊ THỊ TUYẾT NGA	06/02/1952		X	109 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1083	NGUYỄN THỊ KIM ANH	15/07/1956		X	109 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1084	LÊ TUYẾT VÂN	25/03/1993		X	109 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1085	TRẦN TRIỀU HOA	12/06/1957		X	011 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1086	LÊ THANH SANG	08/11/1995	X		011 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1087	DƯƠNG NGỌC NỐ	15/05/1936		X	102 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1088	DƯƠNG THÈ VŨ	13/09/1966	X		102 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1089	DƯƠNG THÈ LONG	19/01/1962	X		102 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1090	LÊ QUỐC VƯỢNG	29/11/1972	X		007 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1091	HỒ THỊ HÒA BÌNH	05/06/1975		X	007 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1092	LÊ QUỐC PHONG	09/11/2002	X		007 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1093	HOÀNG THỊ MINH	05/06/1963		X	016 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1094	TRẦN HOÀNG QUÂN	23/06/1994	X		016 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1095	TRẦN HOÀNG CHƯƠNG	29/12/1998	X		016 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1096	LƯU THỊ THANH NHÂN	15/05/1957		X	105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1097	NGUYỄN HÙNG SƠN	12/02/1987	X		105 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1098	LÂM BÍCH NGHĨA	19/09/1960		X	101 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1099	LÂM BÍCH YẾN	31/10/1961		X	101 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1100	LÊ KIM PHƯƠNG	14/06/1957		X	111 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1101	NGUYỄN ĐẮC QUANG	04/09/1959	X		111 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1102	NGUYỄN ĐẮC NAM GIAO	22/01/1992		X	111 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1103	NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG THƯ	02/10/1989		X	111 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1104	TÔ VĂN BẦY	12/10/1971	X		302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1105	TÔ MINH THẮNG	30/04/1986	X		302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1106	TÔ THỊ KIỀU DIỄM	27/08/1990		X	302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1107	TÔ THỊ THÚY QUYỀN	07/07/1983		X	302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1108	NGUYỄN THỊ THÚY	08/03/1974		X	302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1109	TÔ VĂN NĂM	05/11/1967	X		302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1110	TÔ VĂN SÁU	15/10/1969	X		302 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1111	TÔN NGỌC ĐẠT	12/08/1967	X		213 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1112	TÔN THỊ NGỌC TIỀN	18/02/1959		X	213 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1113	HUỶNH THỊ BÍCH VÂN	12/10/1957		X	302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1114	HUỶNH MINH KHÁNH	05/11/1986		X	302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1115	HUỶNH CÔNG CẦN	22/04/1951	X		302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1116	HUỶNH MINH CHÂU	16/11/1984		X	302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1117	HUỶNH CÔNG PHÚC	24/07/1994	X		302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1118	HUỶNH CAO DŨNG	10/05/1963	X		302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1119	ĐÀO THỊ MAI	25/08/1932		X	005 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1120	NGUYỄN THỊ NHUNG	16/05/1941		X	108 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1121	NGUYỄN TRỌNG QUÝ	05/06/1965	X		108 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1122	NGUYỄN QUÝ HIỀN	13/08/1962	X		108 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1123	DIỆP NGỌC PHỤNG	11/11/1970		X	308 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1124	LƯU QUỐC HÂN	23/06/1967	X		308 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1125	LƯU HỮU MAI	08/05/1961		X	308 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1126	LƯU TAM MUỘI	01/08/1965		X	308 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1127	LƯU LỆ MAI	14/06/1963		X	308 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1128	LA MÚI	15/07/1938		X	127 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1129	NGÔ THỊ HỒNG DIỆP	03/11/1985		X	127 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1130	LA TÂM	11/07/1974	X		127 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1131	VƯƠNG NHÂN NGHĨA	11/10/1968	X		127 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1132	LA HÒA	30/08/1971	X		127 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1133	TRẦN THỊ HOA	21/07/1969		X	322 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1134	LƯU A DỌN	30/03/1968	X		322 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1135	LƯU HUỆ PHƯỢNG	24/10/1992		X	322 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1136	LƯU HUỆ LINH	17/05/1989		X	322 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1137	NGUYỄN THỊ CHÚC	31/05/1952		X	026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1138	PHẠM THANH SANG	13/11/1995	X		026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1139	PHẠM THỊ KIM DUNG	21/06/1973		X	026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1140	PHẠM THỊ NGHĨA	02/12/1978		X	026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1141	PHẠM HỮU HỒ	09/04/1983	X		026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1142	TRẦN VĂN TÂM	10/01/1963	X		209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1143	LÊ THỊ HẠ	25/08/1957		X	209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1144	TRẦN KHÁNH DUY	29/09/1987	X		209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1145	TRẦN THÁI PHONG	03/12/1983	X		209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1146	TRƯƠNG THANH TÙNG	15/05/1952	X		214 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1147	TRƯƠNG THU KIỀU	03/12/1980		X	214 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1148	TRƯƠNG THANH PHONG	20/05/1974	X		214 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1149	VÕ ANH KIẾT	23/10/1979	X		214 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1150	NGUYỄN VĂN CAO	08/12/1961	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1151	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	24/01/1968		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1152	QUÁCH VINH GIAI	1945	X		203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1153	VÕ KIM QUYÊN	23/05/1983		X	203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1154	TRƯƠNG NGỌC TIỀN	01/01/1958		X	203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1155	QUÁCH KIM LAN	30/10/1983		X	203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1156	QUÁCH KIM THANH	18/07/1997		X	203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1157	QUÁCH KIM PHỤNG	17/08/1985		X	203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1158	QUÁCH CHÍ TRUNG	10/07/1981	X		203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1159	HUỶNH HỮU HẢI	29/03/1972	X		203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1160	HỒ THỊ MỸ LINH	28/07/1962		X	001 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1161	HUỶNH VĂN PHƯỚC	27/05/1962	X		001 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1162	HUỶNH HỒ CẨM TÚ	01/07/1984		X	001 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1163	HUỶNH HỒ CẨM SAN	11/09/1988		X	001 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1164	TRẦN MINH TIỀN	02/12/1985	X		001 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1165	LÊ THỊ HÒA	22/02/1966		X	115 lô r C/C Ngõ Gia Tự	
1166	LƯU VĨ PHONG	05/12/1998	X		115 lô r C/C Ngõ Gia Tự	
1167	VĂN NGUYỆT NGÀ	19/03/1952		X	313 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1168	VĂN NGUYỆT HỒNG	07/08/1948		X	313 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1169	LÝ THỊ KIM DUNG	28/08/1968		X	006 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1170	NGUYỄN PHÚ SANG	01/09/2000	X		006 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1171	LÂM HÀ	12/02/1960	X		004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1172	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	01/04/1995		X	004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1173	TRẦN LAN PHƯỢNG	12/04/1959		X	004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1174	LÂM ĐẠO THUẬN	23/10/1988	X		004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1175	LÂM ĐẠO LỢI	18/12/1993	X		004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1176	LÂM THỰC NGHI	03/06/1990		X	004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1177	TRẦN MUỘI	16/07/1936		X	113 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1178	HỒNG MỸ ANH	02/07/1956		X	113 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1179	NGUYỄN TIỀN DŨNG	14/05/1960	X		016 lô R C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1180	HUỖNH THỊ NGỌC ANH	18/10/1989		X	016 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1181	TRẦN KIM VÂN	21/11/1963		X	016 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1182	NGUYỄN THÀNH NHÂN	01/01/1989	X		016 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1183	TRẦN KIM CƯỜNG	05/04/1947	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1184	TRẦN CẨM PHƯỚC	04/04/2002	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1185	TRẦN CẨM TOÀN	04/04/2002	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1186	TRẦN THỊ KIM LIÊN	18/05/1969		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1187	TRẦN THỊ KIM MỸ	08/10/1973		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1188	TRẦN QUỲNH TRẦN	17/04/1998	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1189	NGUYỄN THỊ CA	14/04/1948		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1190	HÀ THỊ NGUYỆT	12/10/1929		X	204 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1191	HÀ VĂN LONG	25/04/1963	X		204 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1192	HÀ TRỌNG THẢO	22/07/1970	X		204 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1193	LÂM MINH ĐỨC	19/05/1963	X		307 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1194	HỒNG MỸ LỆ	01/11/1964		X	307 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1195	LÂM QUỐC CƯỜNG	29/06/1990	X		307 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1196	LÂM QUỐC HÒA	24/07/1992	X		307 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1197	TRẦN THỊ ĐÔI	18/10/1935		X	011 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1198	VÕ PHẠM NGỌC CHÂU	08/08/1998		X	011 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1199	VÕ VĂN TRẦN	23/09/1959	X		011 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1200	VÕ NHỰT TUẤN	28/09/1971	X		011 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1201	PHÙNG VĂN HỢP	03/12/1967	X		101 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1202	NGUYỄN VĂN AN	03/01/1963	X		101 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1203	PHAN THỊ ĐÀO	01/05/1970		X	105 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1204	WANG QUỐC THÁI	16/07/1999	X		105 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1205	HUỖNH THANH THẮNG	27/10/1982	X		003 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1206	HUỖNH THANH KHÔI	14/02/1942	X		003 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1207	VĂN NGỌC TƯỜNG	25/05/1941	X		202 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1208	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	03/01/1971		X	202 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1209	VĂN NGỌC THANH TÙNG	25/05/2002	X		202 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1210	VĂN NGỌC TRƯỜNG	27/10/1970	X		202 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1211	DƯƠNG LINH	09/04/1951		X	208 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1212	NGUYỄN THỊ NHÂN	24/04/1953		X	207 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1213	LÊ VĂN ĐỨC	06/06/1950	X		207 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1214	LÊ NGUYỄN ĐỨC MINH	11/03/1985	X		207 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1215	LÊ VĂN LÝ	01/11/1952	X		102 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1216	TRẦN THỊ THANH TÂM	02/04/1980		X	102 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1217	LÊ PHẠM TUẤN	22/08/1980	X		102 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1218	NGUYỄN THỊ MỪNG	19/03/1927		X	113 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1219	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	11/04/1955		X	103 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1220	NGÔ ĐĂNG KHOA	07/04/1984	X		103 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1221	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	30/03/1956		X	103 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1222	DƯƠNG HỒNG	08/03/1959		X	116 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1223	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	07/01/1947		X	112 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1224	TRẦN THỊ XUÂN HƯƠNG	22/03/1966		X	112 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1225	NGUYỄN MINH CƯỜNG	15/11/1960	X		104 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1226	HỒ THỊ KIM CÚC	26/05/1964		X	104 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1227	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	25/09/1987		X	104 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1228	LƯU PHẤT	03/12/1943	X		007 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1229	HỒ THỊ CHÚT	25/09/1937		X	012-013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1230	TÔ THỊ KIM LIÊN	15/02/1976		X	012-013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1231	HỒ THỊ THU HỒNG	08/09/1972		X	012-013 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1232	TRẦN THỊ PHƯỢNG	03/04/1964		X	012 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1233	LÂM MINH THUẬN	25/07/2001	X		012 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1234	LÂM MINH TÚ	02/04/1992	X		012 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1235	NGUYỄN BẢO AN	01/03/1994	X		012 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1236	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	11/10/1964		X	012 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1237	TRẦN ĐÌNH MÙI	20/02/1967	X		012 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1238	NGUYỄN THUY NGỌC HIẾU	04/09/1982		X	134 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1239	LÊ THỊ BỘI	25/12/1955		X	134 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1240	NGUYỄN NGỌC CHÂN	20/10/1938	X		134 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1241	NGUYỄN NGỌC HÙNG	10/04/1981	X		134 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1242	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	28/09/1973		X	107 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1243	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ	24/01/1952		X	107 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1244	TRẦN TUẤN ĐẠT	10/07/1978	X		107 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1245	HUỖNH THỊ XUÂN TRANG	29/11/1981		X	120 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1246	TỪ VĨNH BIỂU	15/06/1958	X		129 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1247	LÂM VĨNH HIỆP	15/08/1988	X		129 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1248	LÂM SIÊU HUỆ	04/04/1957		X	129 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1249	HUỖNH VĂN TÂM	13/07/1960	X		019 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1250	VŨ THỊ HOA	20/11/1963		X	019 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1251	HUỲNH VŨ ĐỨC	04/03/1986	X		019 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1252	HUỲNH VŨ THĂNG	03/11/1989	X		019 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1253	HUỲNH VŨ MAI ĐÀO	31/03/1992		X	019 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1254	TRƯƠNG VĨNH QUÂN	19/03/1960	X		203 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1255	ĐÀO THỊ ÁNH	21/01/1963		X	203 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1256	TRƯƠNG THỦY VI	01/12/1991		X	203 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1257	HÀ THỊ KIM PHƯƠNG	04/10/1976		X	216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1258	PHẠM ĐĂNG PHƯƠNG	09/04/1961	X		216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1259	BUI THỊ HÂN	15/04/1932		X	323 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1260	HOÀNG VĂN THỤY	27/06/1953	X		323 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1261	HOÀNG THỊ KIM LIÊN	27/09/1964		X	323 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1262	NGUYỄN THỊ KIM ANH	28/05/1949		X	222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1263	LÊ THỊ DIỆU HƯƠNG	06/05/1980		X	222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1264	PHẠM KỶ TRUNG	14/06/1971	X		222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1265	ĐẶNG NHƯÔNG	01/01/1932	X		304 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1266	LÊ THỊ BEO	02/02/1948		X	304 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1267	ĐẶNG THỊ THU THỦY	22/01/1980		X	304 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1268	ĐẶNG THUỜNG	10/02/1977	X		304 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1269	ĐẶNG MINH DŨNG	09/12/1982	X		304 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1270	ĐẶNG THÁI BẢO	24/11/1955	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1271	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	12/09/1972		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1272	TRẦN THỊ HẢI	20/11/1946		X	202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1273	NGÔ THỊ THU HƯƠNG	06/07/1970		X	202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1274	NGÔ ANH TUẤN	15/05/1982	X		202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1275	NGUYỄN HỮU HÒA	11/05/1981	X		311 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1276	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	20/03/1983		X	311 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1277	NGUYỄN THỊ XUÂN ĐÀO	29/01/1951		X	302 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1278	NGUYỄN VĂN TÀI	08/02/1974	X		302 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1279	NGUYỄN THỊ KIỂM DUNG	29/05/1985		X	302 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1280	VÕ THỊ TƯƠI	10/11/1942		X	326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1281	NGUYỄN HỮU MINH	15/09/1952	X		231 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1282	LÊ HOÀNG TÔ QUYÊN	21/09/1995		X	231 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1283	PHẠM THỊ SÁNG	08/08/1953		X	231 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1284	NGUYỄN VĂN THÀNH	15/04/1975	X		231 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1285	PHẠM THỊ NGỌC	23/12/1973		X	231 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1286	NGUYỄN VĂN TUẤN	11/01/1977	X		231 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1287	LÊ THỊ LANG	01/01/1943		X	212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1288	HUỲNH CÔNG PHÚC	18/03/1971	X		212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1289	HUỲNH THỊ TUYẾT HOA	24/09/1966		X	212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1290	HUỲNH THỊ TUYẾT HẠNH	15/02/1968		X	212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1291	HUỲNH THỊ TUYẾT NGÀ	14/06/1964		X	212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1292	HUỲNH CÔNG TÂM	27/02/1963	X		212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1293	HUỲNH CÔNG KHẢI	03/05/1973	X		212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1294	HỨA TRẦN	05/08/1934	X		209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1295	TÀNG A SÊNH	05/07/1979		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1296	HỨA CHÚC THÔNG	02/04/1999		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1297	HỨA CHÚC DUYỀN	14/09/1997	X		209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1298	CHÔNG CHÂN KIU	01/01/1941		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1299	HỨA QUÊ MUỘI	12/05/1972		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1300	HỨA QUÊ LIÊN	25/12/1960		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1301	HỨA QUÊ HƯƠNG	21/01/1963		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1302	HỨA QUÊ CHÂU	21/10/1970		X	209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1303	HỨA PHÚ ĐƯỜNG	16/06/1966	X		209 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1304	NGUYỄN THỊ LIÊN	01/01/1929		X	225 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1305	NGUYỄN NGỌC CHÂU	06/12/1951	X		225 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1306	MẠCH MUỘI	23/04/1939		X	307 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1307	LƯU KIẾT NGHI	15/04/1964		X	307 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1308	LƯU KIẾT THỊNH	25/06/1966		X	307 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1309	LÊ THỊ HUỆ	31/05/1956		X	314 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1310	TRẦN THÀNH KHÔI NGUYỄN	14/02/1994	X		314 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1311	LÊ KIM CHI	22/01/1973		X	314 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1312	PHẠM THÁI ĐĂNG	27/07/1962	X		108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1313	LA KIẾN THÀNH	19/09/1993	X		108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1314	LA KIẾN TÀI	13/09/1995	X		108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1315	PHẠM CẨM DÂN	27/07/1967		X	108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1316	PHẠM HOÀNG DÂN	27/07/1964	X		108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1317	PHẠM THỦY DÂN	17/07/1968		X	108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1318	TRẦN THỊ TỐT	09/09/1953		X	226 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1319	THÁI HÙNG LUÔNG	27/07/1948	X		226 lô I C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1320	THÁI HỮU PHÚC	16/08/1979	X		226 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1321	ĐINH THỊ MAI ANH	20/06/1969		X	217 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1322	DƯƠNG MINH TRIẾT	25/11/1986	X		217 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1323	DƯƠNG THÁI NGUYỄN	22/01/1955	X		217 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1324	DƯƠNG THÁI BÌNH	14/05/1964	X		217 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1325	LƯU LÊ BÌNH	02/03/1966		X	223 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1326	LƯU GIA PHỐI	20/11/1983		X	223 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1327	LƯU QUÍ QUYỀN	21/09/1977	X		223 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1328	LƯU TỔ HÀ	09/05/1952	X		223 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1329	NGUYỄN THỊ ỒM	26/07/1936		X	221 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1330	TRẦN MINH SƠN	05/11/1958	X		221 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1331	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	03/09/1964		X	221 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1332	TRẦN VĂN HIỂN	07/08/1962	X		221 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1333	ĐẶNG VĂN XÂY	1926	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1334	MAI THỊ BÉ NĂM	19/03/1977		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1335	ĐẶNG THÁI THIÊN	17/01/1963	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1336	ĐẶNG THÁI DỪNG	24/03/1971	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1337	LÊ HOÀNG KHANH	26/05/1967	X		204 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1338	LÊ HOÀNG DỪNG	14/11/1973	X		204 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1339	HÀ LIỄN	08/12/1960		X	318 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1340	TÔ QUÂN NGHI	24/11/1981		X	318 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1341	TÔ DIỄN QUÂN	20/09/1983		X	318 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1342	TÔ DIỄN THIÊN	03/01/1986	X		318 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1343	TRẦN THỊ KIẾN	08/03/1934		X	231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1344	PHẠM VĂN HÓA	14/01/1957	X		231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1345	PHẠM THỊ HOA	29/08/1965		X	231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1346	TRẦN THỊ HOÀNG	08/08/1970		X	231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1347	PHẠM VĂN LỢI	17/05/1959	X		231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1348	HUỲNH QUỐC DỪNG	25/09/1966	X		322 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1349	TRƯƠNG TÂN PHỤNG	15/11/1954	X		329 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1350	BÙI THỊ REM	11/03/1957		X	329 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1351	TRƯƠNG KIM THẢO	17/09/1981		X	329 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1352	TRƯƠNG NHẬT MINH	12/05/1984	X		329 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1353	TRẦN VINH LANG	02/04/1951		X	316 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1354	DIỆP A TỬ	26/02/1952	X		316 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1355	DIỆP VĨ KHÔN	19/10/1977	X		316 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1356	DIỆP HUỆ NHI	04/07/1976		X	316 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1357	NGUYỄN VĂN CHỜ	09/11/1947	X		206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1358	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	19/08/1955		X	206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1359	NGUYỄN THANH LONG	28/02/1982	X		206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1360	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	05/05/1984		X	206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1361	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/09/1960		X	206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1362	NGUYỄN THỊ CÚC	05/02/1957		X	206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1363	LÝ KIM THANH	27/01/1948		X	012 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1364	LÝ VĂN NGHĨA	08/10/1968	X		012 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1365	LÝ MINH HÙNG	08/10/1975	X		012 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1366	LÝ VĂN HIỂU	24/07/1967	X		012 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1367	LÝ KIM NGÂN	10/07/1972		X	012 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1368	NGUYỄN THỊ KIM LÀI	15/07/1955		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1369	LÂM NGỌC TRÂM	12/06/2000		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1370	NGUYỄN THỊ THANH THU	07/04/1991		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1371	NGUYỄN THANH SANG	08/04/1987	X		303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1372	NGUYỄN THỊ THANH TRANG	17/06/1974		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1373	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	08/10/1982		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1374	ĐOÀN VĂN ON	20/10/1951	X		127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1375	NGUYỄN THỊ ỨT	25/03/1953		X	127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1376	ĐOÀN THỊ THU HÀ	16/08/1973		X	127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1377	ĐOÀN VĂN VÀNG	23/07/1990	X		127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1378	LÊ MINH HẢI	24/04/1963	X		306 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1379	HỒ THỊ HỒNG	04/04/1962		X	306 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1380	LÊ HUY MINH	02/11/1994	X		306 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1381	LÊ MINH HUY	14/02/1989	X		306 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1382	TRÁC THUẬN Y	04/09/1939		X	132 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1383	LỤC YẾN ĐỆ	17/03/1965		X	132 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1384	LỤC DIỄN NGUYỄN	21/10/1971	X		132 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1385	LÊ MINH HÀ	05/07/1966	X		305 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1386	NGUYỄN ĐỨC	18/09/1965	X		312 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1387	LÊ VĂN THANH	31/01/1969	X		012 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1388	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	21/09/1974		X	012 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1389	NGUYỄN THỊ HUỠNG	15/08/1950		X	324 lô I C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1390	PHAN NGOC HUONG	21/10/1975		X	324 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1391	NGUYỄN HỮU KHANH	29/10/1972	X		324 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1392	PHAN HỒNG CHUÔNG	13/10/1955	X		134 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1393	LA ĐỨC MUỘI	02/09/1934		X	325 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1394	LA ĐIỀU HỒNG	06/05/1944		X	325 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1395	NGUYỄN THỊ THANH	02/10/1958		X	302 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1396	PHAN MINH TRIỆU	22/05/1957	X		104 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1397	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	02/11/1989		X	104 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1398	PHẠM THỊ THANH SANG	13/07/1986		X	104 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1399	DƯƠNG HỒNG NGỌC	22/07/1956		X	104 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1400	PHAN MINH HOÀNG	28/11/1981	X		104 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1401	PHAN MINH TRÍ	13/09/1984	X		104 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1402	NGUYỄN ĐĂNG HÀ	09/06/1947	X		017 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1403	NGUYỄN THỊ XÊ	19/03/1950		X	017 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1404	NGÔ UYÊN BÌNH	29/09/1958		X	312 lô s C/C Ngô Gia Tự	
1405	PHÙNG HUỆ DINH	18/03/1987		X	312 lô s C/C Ngô Gia Tự	
1406	PHÙNG HUỆ DAO	10/04/1989		X	312 lô s C/C Ngô Gia Tự	
1407	NGUYỄN NGỌC KHANH	20/12/1989	X		312 lô s C/C Ngô Gia Tự	
1408	VÕ THỊ TÌNH	01/02/1928		X	109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1409	PHẠM THỊ NGỌC TRẦN	23/05/1991		X	109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1410	ĐOÀN VĂN SƠN	25/12/1957	X		109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1411	ĐOÀN VĂN LÂM	19/05/1960	X		109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1412	ĐOÀN THỊ THÚY	09/09/1965		X	109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1413	ĐOÀN THỊ THÂN	26/05/1968		X	109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1414	ĐOÀN VĂN THI	16/07/1963	X		109 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1415	NGUYỄN THỊ BÁU	15/02/1957		X	316 LÔ T Ngô Gia Tự	
1416	NGUYỄN THỊ HUỆ	10/10/1933		X	316 LÔ T Ngô Gia Tự	
1417	NGUYỄN VĂN TUÂN	15/09/1976	X		316 LÔ T Ngô Gia Tự	
1418	NGUYỄN ANH HUY	28/07/1978	X		316 LÔ T Ngô Gia Tự	
1419	NGUYỄN SƠN TUYẾT NHUNG	28/11/1988		X	316 LÔ T Ngô Gia Tự	
1420	NGUYỄN VĂN QUÁ	18/11/1960	X		316 LÔ T Ngô Gia Tự	
1421	HỒANG THỊ THU MAI	05/06/1965		X	017 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1422	LÊ HỮU TRÍ	15/07/1989	X		017 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1423	TÔN THẮT TRUNG	01/12/1966	X		017 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1424	TÔN THẮT HẬU	12/09/1997	X		017 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1425	TÔN NỮ THU HUYỀN	14/05/1992		X	017 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1426	LỤC HUỆ CƯỜNG	24/09/1964	X		220 LÔ T Ngô Gia Tự	
1427	LỤC HUỆ BẢO	11/07/1970	X		220 LÔ T Ngô Gia Tự	
1428	LỤC HOA AN	17/12/1973	X		220 LÔ T Ngô Gia Tự	
1429	VŨ THỊ MAI HUƠNG	06/10/1966		X	305 LÔ T Ngô Gia Tự	
1430	ĐÀO THỊ THANH	16/11/1962		X	301 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
1431	ĐÀO LÊ PHƯƠNG KHANH	15/05/1987		X	301 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
1432	ĐÀO THỊ NGÀ	30/12/1958		X	301 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
1433	TRẦN HUỖN MINH	17/12/1949	X		326 LÔ T Ngô Gia Tự	
1434	PHAN THỊ HỒNG	28/03/1952		X	326 LÔ T Ngô Gia Tự	
1435	TRẦN ANH KHOA	08/08/1972	X		326 LÔ T Ngô Gia Tự	
1436	TRẦN THỊ TUYẾT TRÂM	13/10/1983		X	326 LÔ T Ngô Gia Tự	
1437	NGUYỄN TÂN THANH	08/02/1969	X		315 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1438	TRẦN THỊ BẾ	12/12/1962		X	315 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1439	NGUYỄN TÂN PHÁT	12/12/1970	X		315 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1440	HỒ THỊ TIẾT HỒNG	18/11/1959		X	325 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1441	TRẦN ĐỨC TÀU	12/11/1979	X		325 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1442	NGUYỄN NHẢ NGHỊ	20/07/1984		X	227 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1443	NGUYỄN VĂN TRUNG	15/12/1958	X		227 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1444	TRƯƠNG THỊ PHAN	30/12/1934		X	227 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1445	NGUYỄN NHẢ LÊ	13/09/1986		X	227 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1446	THIỆU HÂN HUY	02/06/1976	X		2/3 LÔ T Ngô Gia Tự	
1447	ĐẶNG NGUYỆT ĐÌNH	11/07/1980		X	2/3 LÔ T Ngô Gia Tự	
1448	HUYNH DUNG ĐỆ	30/12/1940		X	236 LÔ T Ngô Gia Tự	
1449	LÊ NHƯ TỬ	30/07/2000		X	236 LÔ T Ngô Gia Tự	
1450	HUỖNH THỊ TÂN HỒNG	11/10/1975		X	236 LÔ T Ngô Gia Tự	
1451	LÊ HOÀNG VĨNH PHƯỚC	28/05/1974	X		236 LÔ T Ngô Gia Tự	
1452	TRẦN LAN	14/11/1958		X	309 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1453	TRẦN THIÊN THANH	18/07/1986		X	309 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1454	NGUYỄN TRẦN KHÁNH VÂN	07/01/1989		X	309 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1455	LÊ THỊ QUẾ	01/01/1946		X	318 LÔ T Ngô Gia Tự	
1456	PHẠM THỊ MINH TƠ	22/02/1989		X	318 LÔ T Ngô Gia Tự	
1457	NGUYỄN ĐỨC HUY	02/06/1999	X		318 LÔ T Ngô Gia Tự	
1458	TRẦN THỊ HIỀN LINH	20/05/1974		X	318 LÔ T Ngô Gia Tự	
1459	TRẦN THỊ MỸ HIỀN	04/01/1981		X	318 LÔ T Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1460	TRẦN HOÀNG TRÍ	13/08/1983	X		318 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1461	NGUYỄN QUÍ LINH	21/10/1986	X		318 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1462	PHAN VĂN LIÊM	02/01/1941	X		219 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1463	HUỲNH NHỰT BẢO	08/09/1981	X		337 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1464	HUỲNH NHỰT KHÁNH LINH	14/03/1979		X	337 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1465	HUỲNH THANH GIANG	23/04/1977		X	337 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1466	TRẦN THỊ KIM ÁNH	15/08/1965		X	211 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1467	HỒ CHÍ DỪNG	18/02/1959	X		211 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1468	HỒ TRẦN TỬ TRINH	20/05/1993		X	211 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1469	HỒ TRẦN TỬ HUỆ	16/10/1985		X	211 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1470	LƯƠNG TỔ HÀ	03/07/1960	X		225 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1471	LƯƠNG THUY BÌNH	18/07/1985		X	225 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1472	LƯƠNG THUY MINH	19/10/1988		X	225 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1473	VŨ THỊ NHUNG	30/12/1937		X	205 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1474	NGUYỄN CÔNG THÀNH ĐẠT	18/02/1994	X		205 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1475	NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO	15/11/1967		X	205 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1476	NGUYỄN THÀNH NÔNG	08/04/1958	X		205 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1477	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/06/1954		X	228 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1478	TRẦN TRUNG CHÁNH	14/02/1946	X		228 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1479	NGÔ VĂN THÁI	04/06/1953	X		328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1480	NGÔ THỊ DIỄM HẰNG	09/08/1978		X	328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1481	NGÔ QUANG HIỀN	21/07/1976	X		328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1482	NGÔ VĂN TƯ	04/05/1972	X		328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1483	NGÔ QUANG HẬU	05/03/2001	X		328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1484	NGÔ QUANG HÙNG	29/02/1996	X		328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1485	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	01/01/1979		X	328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1486	NGÔ QUANG HẢI	08/12/1980	X		328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1487	NGÔ THỊ HƯƠNG	04/02/1948		X	328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1488	SÁI THỊ BÌNH	10/07/1956		X	328 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1489	LÂM THỊ HIỆP	18/08/1941		X	201 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1490	TRẦN THỊ MINH TRIỀU	27/07/1974		X	201 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1491	DƯƠNG BẢO VÂN	17/07/2002		X	201 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1492	DƯƠNG BẢO LINH	07/06/2000		X	201 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1493	DƯƠNG CHÍ CƯỜNG	20/07/1974	X		201 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1494	LÊ VĂN MƯỜI	14/03/1934	X		307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1495	LÊ PHƯƠNG DUY VŨ	26/04/1991	X		307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1496	LÊ KHÁNH VY	20/02/2000		X	307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1497	PHẠM THÀNH CÔNG	06/04/2002	X		307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1498	LÊ THỊ MINH NGỌC	12/04/1968		X	307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1499	LÊ THANH THỦY	05/06/1965		X	307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1500	LÊ THỊ MINH CHÂU	02/11/1971		X	307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1501	LÊ THANH HỮU	01/05/1963	X		307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1502	DIỆP KIẾN PHƯƠNG	21/11/1934		X	327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1503	TỬ LÊ PHÂN	21/02/1962		X	327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1504	TRẦN NGUYỆT QUYÊN	28/03/1960		X	327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1505	VƯƠNG TỬ KIỆN	22/08/2001	X		327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1506	VƯƠNG THỰC SANG	30/07/2000		X	327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1507	VƯƠNG QUÊ BẢO	06/11/1966	X		327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1508	VƯƠNG QUÊ HOA	19/05/1963	X		327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1509	VƯƠNG CHÍ HUNG	13/10/1956	X		327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1510	VƯƠNG NGOẠI TÔN	23/11/1957	X		327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1511	VƯƠNG QUÊ CƯỜNG	15/07/1965	X		327 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1512	NGUYỄN THỊ NỖ	15/03/1948		X	338 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1513	DƯƠNG THỊ THANH TUYỀN	12/01/1998		X	338 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1514	DƯƠNG NGUYỄN CQUO61C TIỀN	05/11/1977	X		338 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1515	PHAN NGUYỄN THỊ ĐỨC LỘC	25/01/1987		X	338 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1516	TỪ MUỐI	10/06/1944		X	214 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1517	LÂM Ý BÌNH	07/11/1975		X	214 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1518	DƯƠNG NHẢ VÂN	16/11/1998		X	214 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1519	DƯƠNG QUỲ THỊNH	19/05/2000	X		214 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1520	DƯƠNG CHẤN HUNG	02/06/1975	X		214 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1521	TRẦN THỊ VỊ	08/08/1944		X	336 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1522	TRẦN MINH TÂM	05/04/1997		X	336 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1523	TRẦN MINH CHUỐC	29/04/1971	X		336 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1524	TRẦN MINH ĐỨC	17/01/1976	X		336 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1525	ĐO THỊ PHƯỢNG	06/10/1947		X	326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1526	BUI THỊ THANH TUYỀN	24/01/1982		X	326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1527	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VI	15/08/2002		X	326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1528	VÕ THÊ NGỌC ANH	09/10/1975	X		326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1529	VÕ VĂN NĂNG	27/08/1972	X		326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1530	VÔ THÊ NGỌC DUNG	29/06/1974		X	326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1531	VÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	29/04/1968		X	326 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1532	DƯƠNG HOÀ AN	30/10/1975	X		030 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1533	DƯƠNG TRƯỜNG GIANG	17/03/1977	X		030 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1534	DƯƠNG DŨNG SỸ	25/12/1968	X		030 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1535	TRẦN VĨ THÂM	29/10/1972	X		232 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1536	NGUYỄN THỊ THU TRÂM	08/06/1973		X	232 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1537	TRẦN THỊ THU TRANG	26/01/2001		X	232 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1538	TRẦN QUANG HUY	04/09/2002	X		232 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1539	TRẦN THỊ THU THÚY	22/02/1992		X	232 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1540	TẶNG THỊ THẢO	01/02/1970		X	334 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1541	DƯƠNG NGỌC HUỆ	06/05/1999		X	334 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1542	DƯƠNG SÙNG HẢO	1966	X		334 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1543	DƯƠNG ĐỀ	11/02/1972	X		334 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1544	NGUYỄN VĂN TIẾN	07/09/1951	X		209 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1545	VŨ THỊ THANH HẰNG	09/11/1954		X	209 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1546	NGUYỄN BÍCH NGÀ	27/02/1980		X	209 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1547	NGUYỄN BÍCH THẢO	15/09/1992		X	209 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1548	VŨ ĐỒNG SƠN	10/02/1951	X		218 lô t c/c Ngõ Gia Tự	
1549	NGUYỄN THỊ BÍCH HẠ	20/08/1954		X	218 lô t c/c Ngõ Gia Tự	
1550	VŨ QUANG HUY	02/02/1975	X		218 lô t c/c Ngõ Gia Tự	
1551	NGUYỄN HẢO HIỆP	18/07/1967	X		304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1552	NGUYỄN THỊ HỒNG LAN	06/07/1970		X	304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1553	NGUYỄN TRẦN VĂN THỨ	01/11/1990	X		304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1554	NGUYỄN TRẦN ANH THỨ	17/10/1989		X	304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1555	LÊ THỊ QUYÊN	07/03/1954		X	240 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1556	ĐOÀN NGỌC ANH PHỤNG	19/09/1982		X	240 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1557	HỨA TIỂU MÙI	06/09/1949		X	223 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1558	HÒANG THỊ PHƯƠNG NAM	17/05/1957		X	221 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1559	HÒANG THỊ PHƯƠNG DUNG	26/10/1996		X	221 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1560	VŨ THỊ HỒNG LIÊN	10/02/1982		X	221 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1561	PHAN THỊ ĐIỆP	31/05/1957		X	238 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1562	TRƯỜNG THỊ CHUNG	05/05/1948		X	331 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1563	TRẦN THỊ MỸ DUYỀN	15/04/1988		X	331 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1564	NGUYỄN HÙNG VIỆT	12/10/1947	X		331 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1565	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	17/07/1990	X		331 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1566	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT THÀNH	29/12/1981	X		331 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1567	TRẦN THÀNH	26/06/1950	X		210 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1568	DƯƠNG THỊ SÁU	01/10/1949		X	210 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1569	TRẦN THUY NGỌC PHƯƠNG	08/12/1983		X	210 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1570	NGUYỄN THẾ ĐẠT	23/12/1954	X		202 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1571	NGUYỄN VĨNH KHANG	02/04/1991	X		202 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1572	TRẦN TỔ NỮ	02/12/1957		X	001 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1573	VƯƠNG KHÁNH CƯỜNG	05/10/1961	X		001 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1574	ĐOÀN THỊ KIM THANH	12/07/1961		X	209 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1575	TRỊNH VĨNH NINH	24/08/2000	X		209 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1576	TRỊNH VĨNH KHANG	27/07/1999	X		209 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1577	ÂU KIẾT BÌNH	01/09/1958		X	104 lô q c/c Ngõ Gia Tự	
1578	VƯƠNG HUỆ HẠ	13/08/1955		X	104 lô q c/c Ngõ Gia Tự	
1579	VƯƠNG MỸ ẮN	10/12/1980		X	104 lô q c/c Ngõ Gia Tự	
1580	NGÔ THỊ PHẤN	27/05/1937		X	103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1581	NGUYỄN VĂN BÙN	12/07/1940	X		103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1582	NGUYỄN THANH AN	25/05/1973	X		103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1583	NGUYỄN THỊ THANH MỸ	18/06/1975		X	103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1584	ĐU THỊ ĐIỀU	12/12/1955		X	009 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1585	ĐU THỊ ĐIỀU	12/12/1957		X	009 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1586	ĐU VĂN ĐẠT	19/12/1963	X		009 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1587	VŨ THỊ HÓA	18/09/1949		X	113 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1588	NGUYỄN MINH TRIẾT	01/02/1998	X		113 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1589	NGUYỄN THỊ ĐOÀN TRANG	10/08/1975		X	113 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1590	NGUYỄN VĂN SỸ NGHIỆM	08/02/1973	X		113 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1591	TRẦN THỊ RÀNH	08/03/1952		X	215 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1592	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG HIẾU	03/05/1975		X	215 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1593	NGUYỄN THẾ HẢO	03/07/1983	X		215 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1594	NGUYỄN TRUNG HÒA	22/04/1977	X		215 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1595	NGUYỄN THẾ HÙNG	03/12/1978	X		215 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1596	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ	15/04/1970		X	013 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1597	HÀNG MINH ĐỨC	05/06/1990	X		013 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1598	HÀNG THỊ BÍCH TRÂM	22/12/1988		X	013 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1599	HÀNG TUẦN ĐẠT	17/03/1995	X		013 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1600	NGUYỄN NỮ	11/05/1948		X	110 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1601	PHAN NỮ HẠ UYÊN	20/06/1980		X	110 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1602	NGÔ VĂN TIẾT	11/05/1949	X		110 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1603	NGÔ VĂN DŨNG	03/11/1975	X		110 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1604	ĐẶNG PHƯỚC HIỂN VINH	24/05/1983	X		314 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1605	ĐẶNG THỊ BÍCH THẢO	31/08/1976		X	314 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1606	ĐẶNG THỊ BÍCH NHUNG	01/09/1978		X	314 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1607	ĐẶNG THỊ BÍCH HẰNG	20/06/1970		X	314 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1608	NGÔ VĂN TRUNG	01/04/1924	X		111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1609	TRƯỜNG QUỲNH NHƯ	30/06/1996		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1610	NGUYỄN THỊ KHOAN	15/07/1937		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1611	NGÔ THỊ HOÀNG YẾN	30/07/1964		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1612	NGUYỄN THỊ KIM CHI	08/08/1966		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1613	HUỲNH THỊ GIÀU	11/03/1955		X	006 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1614	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/07/1988		X	006 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1615	LƯU THANH HẢI	11/11/1981	X		006 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1616	LƯU THANH GIANG	04/04/1991	X		006 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1617	TRẦN KHẮC HẬU	19/09/1986	X		208 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1618	PHẠM THỊ EM	17/08/1954		X	208 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1619	TRẦN KHẮC BÉ	15/06/1954	X		208 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1620	NGUYỄN THỊ THỆ	08/03/1945		X	112 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1621	HUỲNH NGỌC TUYẾT DUNG	02/04/1999		X	112 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1622	LÂM VĂN BẢO	30/04/1931	X		112 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1623	LÂM NGỌC HỒNG	31/05/1975		X	112 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1624	LÂM NGỌC ÁNH	09/09/1968		X	112 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1625	PHAN THỊ THU HƯƠNG	10/01/1964		X	212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1626	NGUYỄN THANH SUY	09/09/1994	X		212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1627	DƯƠNG THỊ NĂM	10/01/1964		X	212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1628	PHAN THỊ XUÂN HOÀNG	25/09/1962		X	212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1629	PHAN THỊ THU VÂN	06/09/1960		X	212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1630	PHAN THỊ THU TRANG	23/08/1958		X	212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1631	DƯƠNG VĂN ĐỨC	03/08/1966	X		212 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1632	MẠCH ÁI NỮ	11/08/1948		X	105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1633	LƯU QUỐI	20/09/1942	X		105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1634	LƯU VĨ TOÀN	16/02/1985	X		105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1635	LƯU MỸ OANH	07/04/1981		X	105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1636	LƯU BỘI TIẾN	05/07/1986	X		105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1637	LƯU HUỆ TÂM	08/08/1978		X	105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1638	LƯU VĨ PHÚ	21/03/1983	X		105 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1639	HUỲNH MUỐI	19/09/1953		X	108 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1640	VƯƠNG SỬ HÁ	06/04/1949	X		108 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1641	VƯƠNG NGỌC YẾN	25/06/1990		X	108 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1642	NGUYỄN THỊ TUYẾT	03/04/1958		X	010 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1643	NGUYỄN THỊ MAI	18/04/1956		X	010 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1644	LƯU THỊ HÈN	10/12/1947		X	312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1645	NGUYỄN LƯU XUÂN CẦU	02/10/1990	X		312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1646	ĐỖ NGỌC LINH	20/08/1966		X	307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1647	TRẦN ĐỖ ĐẠT	18/04/1995	X		307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1648	DƯƠNG THỊ KIM DUNG	24/07/1987		X	307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1649	ĐỖ QUÍ ANH	17/07/1970		X	307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1650	ĐỖ CHÍ DŨNG	21/02/1968	X		307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1651	NGUYỄN THỊ	10/12/1965	X		210 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1652	TRẦN NGỌC HÌNH	07/1941		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1653	HỒ THỊ HIỀN	30/12/1978		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1654	ĐỒNG TUẤN LỘC	06/05/1990	X		003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1655	LƯU PHƯƠNG KHANH	18/09/1985	X		003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1656	NGUYỄN ANH TUẤN	29/07/1993	X		003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1657	TRẦN QUỐC BẢO	17/02/1976	X		003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1658	TRẦN THỊ MỸ PHƯƠNG	30/05/1965		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1659	TRẦN THỊ BÍCH HẰNG	27/11/1972		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1660	TRẦN THỊ BÍCH THUY	27/07/1971		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1661	LÊ THỊ NGÀ	08/03/1954		X	114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1662	LÂM THỊ DIỆU	02/04/1976		X	114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1663	LÂM GIA HUY	31/12/1997	X		114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1664	LÂM KIM TUẤN	20/04/1951	X		114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1665	LÂM KIM LONG	30/03/1976	X		114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1666	LÂM KIM OANH	27/08/1980		X	114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1667	LÊ THỊ ÁNH	01/06/1965		X	114 lôQ C/C Ngõ Gia Tự	
1668	LƯU VĂN NGỌC	21/01/1956	X		116 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1669	LƯU HUỲNH NGỌC DŨNG	30/03/1980	X		116 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1670	PHẠM THỊ SẴN	17/10/1939		X	201 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1671	PHẠM MINH HIẾU	14/04/1990	X		201 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1672	LÊ THỊ NGỌC TÂM	07/10/1974		X	201 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1673	PHẠM ĐỨC PHÁT	14/01/1968	X		201 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1674	PHẠM ĐỨC TUẤN	05/06/1965	X		201 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1675	LÊ THỊ NGỌC DUNG	09/06/1972		X	201 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1676	TRẦN THỊ HẠNH	01/09/1936		X	002 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1677	PHẠM THANH THẢO	13/07/1974		X	002 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1678	TRẦN PHẠM THANH TRÚC	17/11/1997		X	002 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1679	TRẦN THẢO ANH	30/04/2000		X	002 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1680	TRẦN QUỐC HÙNG	17/10/1960	X		002 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1681	NGUYỄN THÙY HƯƠNG	10/03/1962		X	013 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1682	CAO XẢO NGUYỆT	23/11/1931		X	016 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1683	HUỲNH ĐẮC MINH	10/06/1992	X		016 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1684	NGUYỄN THỊ THANH	03/06/1945		X	206 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1685	NGUYỄN THỊ KIM THOÀ	05/05/1970		X	206 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1686	TRẦN NGHĨA NGÀ	25/02/1948		X	311 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1687	VÕ VĂN TRIỆU	28/02/1968	X		311 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1688	HUỲNH VĂN QUANG	11/09/1973	X		012 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1689	HUỲNH BỬU XUYỀN	04/02/1946	X		012 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1690	HỒ THỊ MINH HƯƠNG	07/01/1980		X	012 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1691	HUỲNH VĂN HƯƠNG	13/09/1972		X	012 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1692	VÕ THỊ SIÊNG	15/12/1959		X	216 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1693	TRẦN PHƯƠNG HẢI	16/05/1978	X		216 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1694	TRẦN THU NGUYỆT	03/05/1961		X	102 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1695	TRẦN HẢI SƠN	22/04/1968	X		003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1696	NGUYỄN NGỌC NGÂN	11/06/1996		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1697	NGUYỄN THỊ KIM THỦY	15/12/1969		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1698	TRẦN PHÚC HIỀN	01/08/1993	X		003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1699	TRẦN THUY THỤC ĐOÀN	10/12/2001		X	003 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1700	HUỲNH VĂN TÙNG	04/09/1967	X		005 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1701	HUỲNH NGỌC TUYẾT NGÂN	19/11/1992		X	005 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1702	LẠI THỊ TÍCH	23/01/1961		X	007 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1703	LẠI MINH YẾN	25/09/1995		X	007 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1704	LẠI THỊ CỎ	20/11/1962		X	007 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1705	LẠI MINH THANH	25/09/1999		X	007 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1706	LẠI VĂN MỒ	10/04/1970	X		007 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1707	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	23/02/1969		X	212 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1708	NGUYỄN VĂN ĐỨC	23/05/1967	X		212 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1709	NGUYỄN VĂN HẢO	09/11/1971	X		212 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1710	HÀ THỊ PHƯƠNG	1960		X	310 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
1711	BUI ĐỨC ĐẠI	04/11/1993	X		310 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
1712	TRẦN QUANG DŨNG	07/02/1964	X		102 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1713	TRẦN HOÀNG THY TRẦN	02/02/1997		X	102 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1714	LÂM NỮ	01/10/1947		X	321 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1715	LƯ' ĐỆ	1954		X	328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1716	NGUYỄN KIM THỦY	1987		X	328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1717	TẮT NGỌC CHÂU	2002		X	328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1718	NGUYỄN TẮT NGỌC SƠN	1999	X		328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1719	TẮT LẬP	1941	X		328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1720	LƯ' QUỲNH CƯỜNG	1974	X		328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1721	TẮT TỔ NỮ	1976		X	328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1722	TẮT VĨNH HẢI	1985	X		328 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1723	BUI THỊ NHƠN	15/08/1948		X	324 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1724	NGÔ THỊ ĐỒNG	04/01/1973		X	324 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1725	BUI NGỌC THANH TÂM	22/02/2000		X	324 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1726	BUI NGỌC ANH THƯ'	23/09/1993		X	324 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1727	BUI THÁI THANH TÙNG	26/03/1970	X		324 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1728	LÂM XUÂN MAI	20/01/1968		X	004 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1729	TẦN LANG	08/03/1956		X	011 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1730	TẦN THIỂU TRINH	12/02/1959		X	011 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1731	THẠCH KIM TUYỀN	21/07/1973	X		207 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1732	THẠCH PHƯỚC LỢI	18/03/1985	X		207 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1733	THẠCH BỬU CẨM	18/04/1977		X	207 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1734	QUÁCH KIM XUÂN	08/08/1938		X	207 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1735	NHAN THỊ KIM PHỤNG	09/02/1964		X	207 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1736	LƯU DUY THANH	20/05/1942	X		201 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1737	NGYỄN THỊ THANH THẢO	17/09/1986		X	201 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1738	LƯU DUY THẮNG	11/12/1998	X		201 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1739	LƯU DUY PHƯƠNG THI	12/06/1992		X	201 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1740	ĐỖ ĐẠT ĐỨC	29/05/2000	X		201 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
1741	DƯƠNG THU HẰNG	23/06/1948		X	201 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
1742	LƯU DUY HÙNG	02/11/1969	X		201 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
1743	LƯU THỊ THU LAN	14/09/1954		X	201 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
1744	LƯƠNG TÂN ĐỨC	10/03/1966	X		329 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1745	HÀ NỮ	20/02/1958		X	227 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1746	THÔI TÔ TỬ	22/02/1942	X		227 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1747	THÔI PHỤNG NGUYỄN	22/12/1989		X	227 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1748	THÔI BÌNH HOAN	08/07/1985	X		227 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1749	NGUYỄN THỊ LOAN	14/03/1959		X	219 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1750	CHUNG QUANG MINH	07/05/1956	X		219 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1751	CHUNG QUANG VINH	18/10/1990	X		219 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1752	CHUNG QUANG NHẬT	30/03/1994	X		219 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1753	NGUYỄN THỊ THÚY	04/07/1969		X	219 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1754	NGUYỄN VĂN AN	14/04/1972	X		219 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1755	NGUYỄN THỊ TÁC	07/03/1970		X	13 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1756	LÂM YÊN NHI	17/09/1999		X	13 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1757	TRỊNH NGỌC TUYÊN	04/09/1997		X	13 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1758	TRỊNH PHÁT	22/01/2000	X		13 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1759	LÂM XAO THANH	11/02/1963		X	13 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1760	MỤC KIẾT VÂN	29/10/1954		X	212 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1761	NGÔ VĂN THÀNH	07/04/1959	X		234 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1762	NGÔ ĐĂNG HỒNG NGỌC	18/12/1998		X	234 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1763	NGÔ THỊ NGỌC THAO	10/10/1999		X	234 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1764	TRẦN HUỆ	10/07/1946		X	316 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1765	NGÔ MINH CƯỜNG	23/03/1982	X		316 lô H C/C Ngô Gia Tự	
1766	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	20/05/1972		X	319 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1767	QUAN TUÂN KIẾN	28/08/2000	X		319 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1768	VÕ THỊ LOAN	08/03/1970		X	216 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
1769	HUYỀN CẨM XƯƠNG	26/10/1964	X		216 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
1770	ĐỖ NHƯ NHẬT	22/09/1970	X		038 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1771	ĐỖ NGỌC QUỲNH NHƯ	30/04/2000		X	038 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1772	ĐỖ NHƯ KHÂM	02/09/1942	X		038 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1773	ĐỖ MẠNH QUÂN	01/01/1968	X		038 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1774	ĐỖ THỊ NGỌC ĐIỆP	02/08/1972		X	038 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1775	DANH THỊ ĐĂNG	17/02/1949		X	221 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1776	NGUYỄN THUY BÍCH HÀ	23/08/1982		X	221 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1777	HOÀNG CAO HÙNG	23/04/1983	X		221 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1778	HÒANG THỊ NGỌC HẠNH	18/11/1976		X	221 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1779	DƯƠNG THỊ NGỌC HUYỀN	08/01/1996		X	221 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1780	HÒANG THỊ NGỌC HIỀN	08/11/1980		X	221 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
1781	LA TÔ HÀ	14/10/1950		X	233 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1782	LA KIẾT HIỀN	21/04/1974		X	233 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1783	TRẦN MỸ HÀ	01/09/1975		X	233 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1784	LA KIẾT HỒNG	20/06/1969		X	233 lô T C/C Ngô Gia Tự	
1785	NGÔ MỸ	24/08/1962		X	231 LÔ T Ngô Gia Tự	
1786	DIỆC VĨ LÂM	15/11/1991	X		231 LÔ T Ngô Gia Tự	
1787	TRƯƠNG THỊ SÁNG	10/06/1932		X	333 lô T c/c Ngô Gia Tự	
1788	NHAN HÙNG DŨNG	04/07/1969	X		333 lô T c/c Ngô Gia Tự	
1789	PHAN BÍCH PHƯỢNG	03/03/1967		X	033 LÔ T Ngô Gia Tự	
1790	DƯƠNG PHAN BÍCH PHƯƠNG	19/11/2000		X	033 LÔ T Ngô Gia Tự	
1791	VÕ NGỌC LỢI	06/06/1961		X	201 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1792	NGUYỄN VĂN SÁU	15/02/1932	X		201 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1793	NGUYỄN MINH TÂM	13/04/1991	X		201 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1794	NGUYỄN NGỌC THU THẢO	02/03/1999		X	201 lô R C/C Ngô Gia Tự	
1795	CHÁNH HỒNG THỦY	20/05/1986		X	230 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1796	CHÁNH HỒNG PHƯỚC	06/11/1953	X		230 lô I C/C Ngô Gia Tự	
1797	TẮT VINH THUẬN	30/09/1968	X		331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1798	TRẦN THỊ MỸ DUNG	21/01/1978		X	331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1799	QUANG THIỀU ANH	23/08/1974		X	331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1800	TẮT THẢI MY	05/12/1995		X	331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1801	TẮT NGỌC MY	03/07/2000	X		331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1802	TẮT VIỄN MY	09/11/2000		X	331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1803	TẮT VIỆT HÙNG	14/05/1967	X		331 Lô I C/C Ngô Gia Tự	
1804	GIANG CẨM HẢO	22/09/1982	X		323 LÔ T Ngô Gia Tự	
1805	NGUYỄN THẾ THUẬN	15/09/1983	X		201 LÔ I C/C Ngô Gia Tự	
1806	LƯƠNG THỊ PHƯỚC	22/06/1961		X	201 LÔ I C/C Ngô Gia Tự	
1807	NGUYỄN THỊ DUỐNG	29/04/1937		X	238 LÔ S Ngô Gia Tự	
1808	LÂM VĂN KHIÊM	16/12/1971	X		238 LÔ S Ngô Gia Tự	
1809	LÂM NGỌC ĐIỆP	05/02/1960		X	238 LÔ S Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1810	NGUYỄN TRẦN	16/10/1961		X	235 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1811	HUỲNH ĐỨC XƯƠNG	07/04/1992	X		235 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1812	LÂM HUỆ CHÁNH	01/01/1960		X	235 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1813	HUỲNH NGUU CHÁY	28/07/1956	X		235 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1814	NGUYỄN CHẤN BÀN	11/03/1970	X		235 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1815	ĐOÀN THỊ PHẤN	25/12/1955		X	202 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1816	VŨ THU TRANG	17/01/2001		X	202 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1817	ĐOÀN THỊ ĐÀO	24/12/1966		X	202 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1818	ĐOÀN THỊ SON	18/03/1960		X	202 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1819	LÂM THỊ LOAN	10/08/1967		X	108 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1820	ĐOÀN VĂN DUYÊN	25/06/1965	X		108 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1821	ĐOÀN NGỌC LINH	31/07/1993		X	108 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1822	ĐOÀN LÂM KHAI	04/08/2001	X		108 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1823	HUỲNH THỊ THU	01/06/1967		X	110 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1824	HUỲNH HỮU TIỀN	09/02/1994	X		110 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1825	TRẦN THỊ HOA	27/07/1956		X	226 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1826	NGUYỄN VĂN GIÀU	07/03/1954	X		226 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1827	NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC	10/07/1991		X	226 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1828	LÝ THIỀU VI	26/05/1955	X		315 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1829	PHẠM THỊ PHẾT	07/02/1959		X	315 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1830	NGÔ THỊ NGÔN	17/07/1955		X	328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1831	NGUYỄN THỊ LƯỢM	20/09/1985		X	328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1832	NGUYỄN THỊ THU THẢO	30/05/1982		X	328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1833	VÕ VĂN MƯỜI BA	20/12/1950	X		328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1834	VÕ VĂN THANH TUẤN	18/12/1975	X		328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1835	VÕ THỊ HỒNG PHƯỢNG	25/08/1983		X	328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1836	VÕ VĂN THANH ĐIỀN	15/09/1986	X		328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1837	VÕ VĂN THANH PHONG	14/01/1978	X		328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1838	VÕ THỊ HỒNG CÚC	07/11/1981		X	328 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1839	TRẦN NGỌC ĐỐI	08/09/1939	X		309 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1840	VƯƠNG NHẬN NHI	07/02/1961	X		032 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1841	VƯƠNG TUYẾT MAI	27/08/1991		X	032 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1842	NGUYỄN VĂN TỐT	18/12/1988	X		222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1843	NGUYỄN THỊ KIM ANH	04/04/1992		X	222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1844	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	01/09/1954		X	222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1845	CHU VIỆT THỊNH	10/10/1928	X		316 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1846	NGUYỄN MINH TUẤN	03/10/2002	X		316 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1847	NGUYỄN NGỌC MINH TRANG	21/03/1998		X	316 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1848	CHU THỊ NGỌC YẾN	25/10/1975		X	316 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1849	CHU XUÂN LÙNG	14/07/1964	X		316 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1850	CHU VĂN NAM	01/01/1963	X		316 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1851	HUỲNH THỊ THU HÀ	28/10/1952		X	309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1852	LƯU MỸ HÙNG	29/10/1948		X	204 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1853	ĐỒNG LẠC CHÁNH	07/07/1976		X	204 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1854	ĐỒNG VY HẢO	02/07/1977	X		204 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1855	VƯƠNG PHÚC PHƯỚC	23/08/1958	X		309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1856	NGUYỄN THỊ MỸ LƯƠNG	02/10/1960		X	309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1857	VƯƠNG LỘC MINH	08/01/1983	X		309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1858	ĐỖ THỊ TỬ	01/11/1936		X	215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1859	ĐỖ THỊ KIM LANG	02/12/1940		X	215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1860	LƯU GIA YẾN	15/12/1993		X	310 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1861	VÕ THỊ NGỌC LAN	17/09/1972		X	310 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1862	LƯU TÔN KIẾT	30/04/1965	X		310 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
1863	PHAN THỊ MINH DUNG	13/10/1971		X	301 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1864	PHAN THỊ MINH HẠNH	15/05/1968		X	301 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1865	VÕ TRẦN TRUNG HIẾU	18/11/2000	X		123 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1866	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	04/07/1972		X	315 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1867	NGUYỄN VĂN TÂM	02/05/1972	X		315 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1868	NGUYỄN THÀNH LỘC	02/02/1999	X		315 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1869	LÊ NGỌC AN	24/04/1992	X		315 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1870	CHÂU BÓN ĐÌNH	10/08/1966	X		313 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1871	HOÀNG THỊ MINH CHÂU	14/07/1968		X	313 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1872	CHÂU QUÍ NGỌC	10/12/1993		X	313 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1873	CHÂU THUẬN HÙNG	13/09/1996	X		313 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1874	HUỲNH THU ĐỨC	09/02/1953	X		124 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1875	HUỲNH THỊ HƯƠNG	30/07/1967		X	221 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1876	TRẦN HUỲNH BÍCH TUYỀN	19/02/2001		X	221 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1877	TRẦN HUỲNH THANH TÂM	06/11/1996	X		221 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1878	TRẦN VĂN TÂM	08/02/1968	X		221 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1879	DƯƠNG MINH	01/10/1958	X		203 lô T C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1880	HÀ KIM PHỤNG	04/07/1991		X	203 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1881	LÂM NGỌC THƠ	02/09/1961		X	203 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1882	DƯƠNG MINH MẦN	24/07/1991	X		203 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1883	DƯƠNG NGỌC CẨM HÀNG	07/11/1985		X	203 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1884	ĐẶNG HỮU HẢO	14/06/1948		X	208 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1885	HUỲNH VĂN TUẤN	05/11/1978	X		208 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1886	PHẠM THỊ THANH HIỀN	09/10/1972		X	031 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1887	PHẠM THỊ LỘC	10/06/1926		X	031 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1888	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRANG	14/02/1976		X	328 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1889	NGUYỄN THỊ TỶ	21/03/1947		X	328 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1890	ĐỒNG VÔ KIM PHỤNG	05/10/1991		X	029 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1891	TẠ LY NỈ	02/12/1975		X	224 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
1892	NGUYỄN THẢO MAI THY	02/01/1989		X	224 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
1893	TRẦN THỊ NGỌC NUÔNG	13/11/1945		X	234 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1894	TRẦN HOÀNG THANH	20/10/1970	X		234 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
1895	PHAN THỊ DỖ	18/07/1953		X	107 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1896	LẠC QUAN DUNG	03/04/1940	X		107 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1897	LẠC QUANG DẬU	07/05/1988	X		107 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1898	LẠC QUANG ĐIỀN	01/08/1985		X	107 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1899	LẠC QUANG ĐIỂM	21/02/1990		X	107 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1900	PHẠM THỊ LIÊN	02/09/1969		X	235 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1901	TRẦN THANH HUY	19/07/1997	X		235 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
1902	HUỲNH VĂN HÙNG	28/02/1961	X		203 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
1903	LIÊU CHÍ VINH	09/10/1987	X		230 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1904	LIÊU KIẾN HÒA	08/08/1951	X		230 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1905	LIÊU CHÍ HẢO	07/06/1991	X		230 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1906	PHẠM THỊ THỂ	03/03/1944		X	309 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1907	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	13/02/1971	X		309 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1908	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	25/01/1974	X		309 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1909	NGUYỄN QUỲNH TRÂM	25/07/1982	X		309 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1910	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	18/02/1970		X	309 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
1911	NGUYỄN THỊ HAI	12/01/1950		X	019 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1912	LÊ VĂN PHƯỚC	1955	X		019 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1913	NGUYỄN ĐẮC TIỀN	20/03/1958	X		304 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1914	NGUYỄN THỊ THANH HOA	28/04/1960		X	304 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1915	NGUYỄN ĐẮC NHÃ	27/12/1981	X		304 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1916	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	03/12/1979		X	304 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
1917	NGUYỄN THỊ HUY HƯỜNG	17/11/1966		X	106-107 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1918	TẦN THỊ KIM HÀNG	05/12/1992		X	106-107 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1919	TẦN THỊ KIM HÂN	14/11/2000		X	106-107 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1920	TRƯƠNG VĂN ĐƯỢC	03/07/1965	X		314 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1921	NGUYỄN THỊ ÁNH	12/09/1957		X	314 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1922	TRƯƠNG THỊ ÁNH HÀNG	10/07/1993		X	314 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1923	NGUYỄN THỊ HUỆ	02/09/1949		X	237 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1924	TRẦN THỊ LUẬN	23/07/1981		X	237 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1925	VÔ NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	17/05/1983	X		237 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1926	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	05/04/1965	X		237 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1927	NGUYỄN HIẾU MÙI	21/01/1956	X		237 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1928	NGUYỄN THỊ TUYẾT	22/09/1951		X	237 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
1929	LÊ MINH TRÍ	15/09/1963	X		229 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
1930	TRẦN KIM NGỌC	13/01/1968		X	229 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
1931	LÊ MINH TRIỆU	22/08/1997	X		229 lô S c/c Ngõ Gia Tự	
1932	TRẦN NGỌC LOAN	26/01/1960		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1933	TRẦN QUỐC HUY	19/12/1981	X		219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1934	NGUYỄN MINH BÌNH	16/09/1984	X		219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1935	TRƯƠNG THỊ KIM ANH	21/05/1985		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1936	PHẠM THỊ HỒNG	08/09/1952		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1937	TRẦN THỊ THANH TUYẾT	15/12/1976		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1938	TRẦN THỊ THANH LỆ	29/04/1975		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1939	LƯU MỸ THANH	27/03/1972		X	118 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1940	LƯU QUÊ HƯƠNG	12/06/1997		X	118 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1941	LƯU CHÍ MINH	09/09/1961	X		118 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1942	LƯU CHÍ VĂN	31/08/1963	X		118 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1943	NGUYỄN VĂN VINH	04/09/1965	X		110 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1944	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	06/11/1970		X	110 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1945	NGUYỄN QUANG HUY	01/03/1999	X		110 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1946	NGUYỄN THANH QUANG	26/08/1992	X		110 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1947	NGUYỄN NGỌC DUNG	07/01/1985		X	139 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1948	HỒ THỊ HẠNH	24/12/1964		X	139 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1949	NGUYỄN NGỌC THẨM	12/05/1983		X	139 lô S C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
1950	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	21/10/1991		X	139 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1951	TÔN QUANG TUẤN	13/09/1982	X		139 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1952	LAI PHẠM MAI KHANH	10/03/2002		X	122 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1953	LAI THỊ TỎ TRINH	24/05/1970		X	122 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1954	LAI THỊ KIỀU OANH	10/05/1960		X	122 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1955	LAI THỊ TUYẾT VÂN	30/11/1965		X	122 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1956	LAI ĐỨC QUÍ	27/08/1971	X		122 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1957	PHAN ANH TUẤN	29/11/1958	X		119 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1958	LÊ THỊ THANH THÚY	01/01/1964		X	119 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1959	PHAN TUẤN HUY	28/08/1991	X		119 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1960	PHAN THANH THÚY QUYÊN	24/05/1986		X	119 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1961	YÊN CHỈ DỪNG	04/06/1974	X		011 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1962	PHAN TUỆ NHÂN	15/04/1972		X	011 LÔ S Ngõ Gia Tự	
1963	VÕ THANH NỞ	02/08/1954	X		311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1964	PHAN VÕ MỸ NGỌC	27/01/1976		X	311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1965	VÕ THỊ SƯƠNG	26/09/1942		X	311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1966	VÕ THỊ HỒNG	01/07/1957		X	311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1967	LƯƠNG THU VINH	13/08/1975		X	208 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1968	NGUYỄN NGỌC HÒA	23/09/1972	X		208 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1969	NGUYỄN LƯƠNG CHÍ BÌNH	03/02/2000	X		208 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1970	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	16/11/1957		X	324 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1971	ÔNG TẮT NĂNG	1937	X		324 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1972	HUỖNH GIA HÒA	28/09/1990	X		324 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1973	HUỖNH HUỆ BÌNH	26/08/1983		X	324 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1974	DIỆP THIỀU PHƯỢNG	07/02/1978		X	015 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1975	ẬU TỔ MUỐI	01/10/1950		X	015 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1976	DIỆP ĐÔNG	14/06/1941	X		015 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1977	DIỆP PHÚ THÀNH	30/10/1981	X		015 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1978	TẶNG DẦN	29/11/1964	X		002 - 102 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1979	ĐẶNG QUỐC THẢO	28/06/1993	X		002 - 102 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1980	ĐẶNG VĂN LỰC	01/11/1960	X		002 - 102 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1981	TẶNG THANH	04/09/1960		X	002 - 102 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1982	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	17/11/1959		X	027 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1983	PHAN NGỌC	01/07/1954		X	315 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1984	VIÊN QUỐC KIẾT	17/10/1993	X		315 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
1985	NGUYỄN THỊ DUNG	28/08/1946		X	215 Lô T Ngõ Gia Tự	
1986	ĐẶNG DUY TIẾN	26/10/1964	X		215 Lô T Ngõ Gia Tự	
1987	ĐẶNG NGỌC MINH	10/03/1971	X		215 Lô T Ngõ Gia Tự	
1988	NGUYỄN HỮU THANH SƠN	27/10/1968	X		128 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1989	NGUYỄN THỊ KIM HƯỜNG	27/10/1968		X	128 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1990	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	09/11/1989		X	128 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
1991	TRẦN NHỊ MUỐI	13/08/1948		X	222 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1992	GIANG GIA LINH	25/06/1995		X	222 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1993	TRẦN NGŨ NỮ	23/08/1954		X	222 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
1994	ĐOÀN THỊ VÂN	10/04/1966		X	226 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1995	ĐOÀN LÊ TƯỜNG VY	09/10/2001		X	226 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
1996	HỒ NGỌC DIỆP	21/02/1970	X		004 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1997	TRƯƠNG HOÀN PHI YẾN	23/11/1985		X	004 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1998	LƯU THỊ THANH	22/08/1969		X	004 LÔ T Ngõ Gia Tự	
1999	TRẦN THỊ TUYẾT	07/07/1948		X	224 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2000	NGUYỄN NGÔ MINH CHÂU	16/01/1993		X	224 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2001	VIÊN THỦY NGHI	28/04/1976		X	126 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2002	NGUYỄN ANH TUẤN	05/02/1974	X		329 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2003	NGUYỄN THANH VÂN PHƯỢNG	12/08/1953		X	329 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2004	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	13/09/1992	X		329 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2005	TRẦN THUY THANH TRÚC	22/09/1990		X	002lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2006	TRẦN QUỐC ĐẠI	10/04/1988	X		002lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2007	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	12/04/1954		X	138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2008	TRẦN MINH THÀNH	03/03/1991	X		138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2009	TRẦN THỊ KIM MAI	30/10/1984		X	138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2010	TRƯƠNG HOÀNG LONG	03/08/2000	X		138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2011	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	12/09/1966		X	138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2012	NGUYỄN THANH CÀN	25/04/1960	X		138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2013	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	10/07/1970		X	138 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2014	TRƯƠNG QUỐC THUẬN	17/12/1970	X		113 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2015	CAO THỊ HỒNG NHUNG	05/05/1972		X	113 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2016	TRƯƠNG THỂ VŨ	30/01/1993	X		113 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2017	TRƯƠNG MẦN NHI	20/07/2000		X	113 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2018	PHAN PHƯỢNG BÌNH	06/09/1970		X	029 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2019	ĐOÀN MINH THÔNG	20/08/1995	X		029 LÔ T Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2020	VŨ VIỆT CHÂU	25/08/1963	X		332 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2021	VŨ ĐỨC TÂN	31/10/1994	X		332 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2022	VŨ ĐỨC BÌNH	15/11/1989	X		332 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2023	TRƯƠNG NỮ	12/10/1955		X	032 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2024	TRỊNH BỘI BỘI	24/12/1993		X	032 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2025	TRẦN BÙU LINH	28/09/1987		X	032 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2026	TRẦN HỒNG XƯƠNG	27/10/1989	X		032 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2027	TRẦN PHƯỢNG LINH	13/03/1986		X	032 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2028	TRẦN HỒNG PHÁT	21/01/1994	X		032 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2029	DƯƠNG THUẬN DƯ	31/12/1931		X	319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2030	HỒ TỔ HÀ	30/05/1950	X		319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2031	HỒ BÁ PHƯỚC	01/01/1961	X		319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2032	DƯƠNG THUẬN TRIỆT MAI	17/12/1975		X	319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2033	HUỲNH THỊ RẠNG	06/08/1953		X	319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2034	CAO PHƯỚC THỌ	06/02/1953	X		001 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2035	VĂN NGỌC ĐIỆP	09/10/1952		X	21 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2036	BÙI QUANG TÂN	13/10/1951	X		21 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2037	BÙI ÁNH TRẦN	05/05/1986		X	21 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2038	LÝ LONG	05/03/1959	X		124 Lô I Ngõ Gia Tự	
2039	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02/09/1955		X	124 Lô I Ngõ Gia Tự	
2040	LÝ MINH CHIẾN	29/09/1983	X		124 Lô I Ngõ Gia Tự	
2041	NGUYỄN THIÊN KHANH	06/10/1959	X		301 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2042	DƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	1959		X	301 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2043	NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH NHI	18/08/1986		X	301 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2044	NGUYỄN THIÊN QUỐC HUY	27/09/1996	X		301 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2045	LÊ DUY	21/12/1984	X		301 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2046	NGUYỄN VĂN THẮNG	04/02/1960	X		323 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2047	HUỲNH THỊ HẾT	12/12/1961		X	323 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2048	NGUYỄN HUỲNH QUỐC TOÀN	28/07/1988	X		323 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2049	NGUYỄN HUỲNH QUỐC THIÊN	12/03/1990	X		323 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2050	NGUYỄN THỊ BÉ AN	12/02/1960		X	206 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2051	ĐẶNG THỊ THANH LOAN	03/04/1950		X	321 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2052	ĐẶNG MINH CHƯƠNG	13/02/1971	X		321 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2053	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	14/07/1968		X	030 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2054	TRẦN HỮU MINH	04/08/1960	X		106 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2055	LÊ THỊ HƯỜNG	03/02/1969		X	106 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2056	TRẦN TRÂM ANH	04/12/1995		X	106 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2057	TRẦN THỊ VÂN ANH	11/06/1992		X	106 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2058	NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG	03/04/1963		X	306 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2059	LÊ QUANG KIM	01/01/1960	X		306 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2060	LÊ BỘI KHUYÊN	23/07/1994		X	306 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2061	LÊ PHỤNG KHANH	07/06/1990		X	306 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2062	NGUYỄN HOA ĐĂNG	22/07/1988	X		304 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2063	NGUYỄN THỊ HOA HỒNG	19/03/1991		X	304 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2064	NGUYỄN TRỌNG KHANH	05/05/1965	X		202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2065	NGÔ THỊ LỆ XUÂN	25/12/1964		X	202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2066	NGUYỄN MINH TRÍ	09/04/1997	X		202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2067	NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU	04/11/1989		X	202 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2068	LÂM ÍCH PHONG	23/03/1973	X		123 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2069	LÂM TRƯỞNG THỌ	20/07/2001	X		123 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2070	TRẦN BÁ PHƯƠNG	10/04/1975	X		007 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2071	LƯU BÌNH SƠN	25/10/1964	X		105 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2072	TRẦN THỊ MỘNG VÂN	25/11/1966		X	105 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2073	PHẠM THỊ CHÓN	02/01/1956		X	021 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2074	PHAN THỊ MINH THƯƠNG	21/03/1981		X	021 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2075	HUỲNH NGỌC ÁNH	27/04/1946		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2076	HUỲNH NGỌC TỔ NHƯ	24/07/1989		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2077	LÊ NGỌC TÌNH TRẦN	18/02/1993		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2078	HUỲNH NGỌC TRẢ MY	09/07/1983		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2079	HUỲNH TỔ TRINH	18/08/1967		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2080	PHÙNG THẮT MUỘI	02/08/1951		X	211 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2081	VIỄN GIA MẦN	16/11/1961		X	211 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2082	NGUYỄN THỊ THU DIỄM	07/06/1962		X	322 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2083	HOÀNG TRỌNG QUYẾN	10/02/1964	X		322 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2084	HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	03/04/2000		X	322 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2085	HOÀNG DIỄM UYÊN	22/11/1994		X	322 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2086	MAI NGỌC ẮN	02/04/1948	X		329 lô I c/c Ngõ Gia Tự	
2087	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	04/02/1961		X	213 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2088	TRẦN NGỌC THANH THẢO	25/08/1993		X	213 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2089	TRẦN TRỌNG HIỂU	27/08/1987	X		213 lô R C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2090	NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN	17/12/1964		X	034 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2091	TRẦN VĂN HÙNG	01/05/1964	X		321 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2092	TRƯƠNG MỸ THOẠI	03/09/1966		X	321 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2093	TRẦN TUYẾT NHI	16/09/1999		X	321 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2094	TRẦN VĨ THÀNH	05/10/1996	X		321 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2095	TRƯƠNG HỮU PHI	10/12/1967	X		324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2096	DIỆP THỊ KIM QUYÊN	30/06/1966		X	324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2097	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	07/10/1998	X		324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2098	TRƯƠNG THỤY PHI PHƯỢNG	1991		X	324 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2099	QUAN MINH PHÚ	18/12/1963	X		019 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2100	LAI THANH THANH	19/12/1971		X	019 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2101	QUAN CẨM TÚ	20/10/1994		X	019 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2102	QUAN ANH THƯ	10/06/2000		X	019 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2103	NGUYỄN NGỌC THANH	27/12/1958		X	134 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2104	LÊ THỤY THỦY VI	26/11/1997		X	134 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2105	MAI THỦY KHÁNH TRANG	27/07/1980		X	134 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2106	MAI KHÁNH DUY	05/12/1987	X		134 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2107	MAI THỦY KHÁNH ĐOÀN	19/08/1978		X	134 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2108	TRẦN THỊ KEN	08/03/1944		X	032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2109	NGUYỄN THỊ THỦY HỒNG	05/08/1971		X	032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2110	BÙI TRUNG HIỆU	18/10/1992	X		032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2111	BÙI THỊ THỦY HẰNG	09/03/1996		X	032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2112	TRẦN THÀNH NHÂN	25/11/1999	X		032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2113	TRẦN MINH PHƯƠNG THAO	03/01/1992		X	032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2114	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	30/12/1986		X	032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2115	TRẦN NHÂN HẬU	03/10/2001	X		032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2116	TRẦN TÍN NGHĨA	21/11/1971	X		032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2117	TRẦN MINH TRUNG	06/09/1967	X		032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2118	TRẦN TRUNG TÍN	29/07/1970	X		032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2119	TRẦN THỊ TÚ TRINH	10/03/1974		X	032 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2120	LÃ THỊ GÁI	11/11/1959		X	209 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2121	PHẠM THỊ KÍNH	10/05/1951		X	036 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2122	NGUYỄN PHẠM KIM KHÁNH	17/09/1999		X	036 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2123	NGUYỄN PHẠM MẠNH CƯỜNG	06/06/1994	X		036 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2124	NGUYỄN PHẠM HOÀNG DUY	22/08/1987	X		036 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2125	TÔ THỊ BA	19/12/1962		X	140 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2126	VŨ ĐÌNH KHOAN	16/12/1984	X		140 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2127	TÔ THỊ HAI	20/06/1961		X	140 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2128	ĐỖ THỊ KIM CHÂU	14/09/1934		X	239 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2129	NGUYỄN THỊ THU HÀ	06/11/1968		X	239 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2130	NGUYỄN NGỌC CÂN	07/06/1941	X		219 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2131	TRẦN THỊ THU	09/09/1946		X	219 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2132	NGUYỄN QUỐC HÙNG	01/10/1981	X		219 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2133	VŨ THỊ KHÁNH MINH	08/04/1966		X	206 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2134	DIỆP QUỐC VIỆT	20/01/1958	X		206 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2135	DIỆP QUỐC HOÀNG HUY	12/10/1995	X		206 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2136	LÝ TUYẾT VÂN	15/05/1950		X	320 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2137	DIỆC MỸ LINH	29/11/1977		X	320 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2138	DIỆC CẨM MINH	1985	X		320 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2139	DIỆC CẨM TUẤN	1993	X		320 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2140	DIỆC MINH TỬ	1948	X		320 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2141	LÝ TUYẾT PHƯƠNG	1951		X	320 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2142	LẠI VĂN KUÔNG	02/03/1972	X		303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2143	HUỲNH BÁ HỒNG	25/10/1974		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2144	LẠI HUỲNH THANH HƯƠNG	09/08/1998		X	303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2145	LẠI HUỲNH NHẬT TÂN	30/03/2001	X		303 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2146	PHẠM THỊ GIANG	14/03/1967		X	036 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2147	NGUYỄN NGỌC MINH TÂM	25/04/1997		X	036 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2148	VƯƠNG HOAN CƯỜNG	12/01/1964	X		314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2149	TRẦN THỊ HOA	08/03/1967		X	314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2150	VƯƠNG MỸ NGỌC	31/12/2000		X	314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2151	VƯƠNG KIM TÀI	09/12/1996	X		314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2152	VƯƠNG KIM HẢI	26/01/1990	X		314 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2153	TỬ KHẨN HOA	15/01/1960	X		238 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2154	PHẠM THANH LIÊM	21/12/1963	X		311 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2155	NGUYỄN THỊ KIM HÀ	05/08/1965		X	311 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2156	PHẠM HỒNG NGỌC	29/03/1999		X	311 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2157	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	20/05/1966	X		327 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2158	PHẠM VĂN HÙNG	10/10/1949	X		137 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2159	PHẠM VĂN DỪNG	08/05/1967	X		137 LÔ S Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2160	LÂM TỰ NGỌC	09/12/1960		X	229 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2161	GAING MINH HIẾU	16/04/1998	X		229 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2162	GIANG CẨM CHIỂU	25/05/1967	X		229 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2163	LÂM THANH TÂM	21/12/1989		X	229 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2164	DƯƠNG CHẤN NAM	17/10/1977	X		217 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2165	LƯƠNG VIÊN DŨ	17/11/1979		X	217 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2166	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	26/02/1954		X	118 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2167	HUỲNH THỊ LAI	10/02/1953		X	311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2168	PHẠM HUỲNH ĐÔNG PHƯƠNG	07/04/1976		X	311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2169	LÊ NGỌC HƯƠNG	07/11/1953		X	010 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2170	VÔ THỊ THU HUYỀN	18/03/1980		X	010 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2171	NGUYỄN THỊ VÂN NGA	21/12/1968		X	313 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2172	HUỲNH TUYẾT MỸ	24/05/1992		X	313 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2173	HUỲNH CẨM BANG	14/02/1967	X		313 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2174	HUỲNH VĨ TUẤN	13/11/1993	X		313 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2175	TẠ ÁI LINH	22/08/1967		X	220 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2176	TRÌNH KIM LOAN	07/09/2001		X	220 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2177	PHỦ THỊ LIÊN	10/05/1936		X	220 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2178	TRÌNH THÊ VIÊN	02/03/1961	X		205 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2179	NGUYỄN THỊ NGA	21/07/1964		X	205 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2180	TRÌNH TUẤN HIỀN	27/06/1999	X		205 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2181	TRÌNH GIA NGỌC	05/12/1989		X	205 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2182	LÊ NGỌC PHÚ	08/03/1954		X	202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2183	ĐÀO THANH HẰNG	04/09/1996		X	202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2184	NGUYỄN VĂN CỨ	02/09/1949	X		202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2185	LÊ NGỌC TIỀN	16/11/1993	X		202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2186	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	02/05/1991	X		202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2187	NGUYỄN NGỌC TÀI	04/02/1988	X		202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2188	TRẦN VĂN NA MỘT	25/12/1965	X		316 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2189	NGÔ TỬ NGA	02/05/1965		X	316 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2190	TRẦN MINH TÀI	12/08/1992	X		316 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2191	TẠ HỮU LIỆT	20/09/1968	X		266 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2192	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	02/09/1975		X	266 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2193	CHEA THIÊN HẢO	03/02/1995	X		266 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2194	TẠ BÍCH NHƯ	26/11/1999		X	266 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2195	LÊ THỊ THANH LOAN	03/08/1974	X		110 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2196	LÊ GIA LINH	21/04/1999		X	110 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2197	LÝ PHÚC MINH	31/07/1977	X		206 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2198	ĐÀO MỸ	05/06/1957		X	206 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2199	TRẦN KHIẾT BẰNG	24/03/1976		X	206 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2200	DƯƠNG BẢO	08/01/1962	X		008 - 108 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2201	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	06/05/1974		X	008 - 108 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2202	DƯƠNG TẤN HÙNG	11/06/1998	X		008 - 108 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2203	DƯƠNG ÁI VÂN	15/11/1996		X	008 - 108 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2204	DƯƠNG TẤN HẢI	25/04/1999	X		008 - 108 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2205	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	11/07/1973		X	021 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2206	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	26/08/1997		X	021 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2207	NGUYỄN KHÁC CƯỜNG	15/03/2000	X		021 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2208	DƯƠNG THỊ MỸ LIÊN	10/03/1964		X	126 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2209	NGUYỄN VĂN TƯƠI	11/11/1960	X		126 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2210	NGUYỄN DƯƠNG TUẤN TRUNG	05/10/1994	X		126 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2211	NGUYỄN DƯƠNG HUY HIẾU	20/06/1997	X		126 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2212	LÊ THỊ NHẬN	02/07/1971		X	320 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2213	NGUYỄN THỊ KIM HOÀNG	01/01/1957		X	10 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2214	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	19/07/1975		X	10 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2215	LÊ THỊ NGỌC PHÚC	21/11/1977		X	10 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2216	VŨ THỊ HAI	18/01/1959		X	132 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2217	HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	1983		X	132 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2218	VŨ PHAN PHÚ HUỲNH	05/06/1987	X		132 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2219	VŨ THỊ LIÊN	1961		X	132 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2220	VŨ MINH SƠN	08/09/1977	X		132 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2221	NGUYỄN BÌNH HOÀNG QUỶ	25/11/1994	X		132 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2222	TÀNG TAM MUỘI	03/04/1958		X	117 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2223	PHẠM THỊ TỐT	01/01/1936		X	117 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2224	NGUYỄN KIM HƯƠNG GIANG	11/08/1997		X	117 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2225	LÊ KIM NGỌC	28/01/1947		X	116 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2226	TRẦN TIÊU HƯƠNG	10/02/1975		X	116 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2227	NGUYỄN TRẦN QUANG	01/10/1972	X		116 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2228	TŨ THỊ HUẤN	08/11/1944		X	113 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2229	LÊ VĂN THÀNH	1957	X		211 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2230	LÊ VŨ	05/05/1990	X		211 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2231	TRƯƠNG THỊ THANH THỦY	12/12/1963		X	216 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2232	ĐOÀN ANH NGỌC	01/01/1966	X		216 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2233	ĐOÀN NGỌC UYÊN THI	21/04/1993		X	216 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2234	ĐOÀN NGỌC TIỀN	08/06/1993		X	302 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2235	TẠ MUỘI	29/06/1951		X	302 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2236	TẠ GIA THANH	22/06/1976	X		302 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2237	TẠ NGỌC PHƯƠNG	13/12/1978		X	302 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2238	HOÀNG THỊ KIM TUYẾN	07/10/1973		X	109 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2239	THÁI KIẾN MINH	22/03/1955	X		203 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2240	THÁI KIẾN VIỆT	25/12/1964	X		203 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2241	NGUYỄN LÂM VŨ	06/10/1979	X		037 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2242	NGUYỄN THỊ THỦY LOAN	15/07/1977		X	037 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2243	NGÔ HẮN MINH	10/11/1978	X		123 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2244	LẠC TÔ HÀ	1961	X		032 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2245	LẠC THỤ HÙNG	13/12/1997	X		032 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2246	LẠC ĐAN THANH	30/08/1996		X	032 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2247	LẠC MUỐI	07/12/1951		X	032 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2248	NGUYỄN THỊ THÚY HOA	07/07/1974		X	335 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2249	TRẦN NGUYỄN TÂN HƯNG	13/03/2001	X		335 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2250	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	26/05/1961	X		013 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2251	ONG THỰC QUÂN	21/06/1983		X	013 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2252	PHAN THỊ HIỀN	29/06/1963		X	013 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2253	NGUYỄN THÁI HỌC	25/07/1984	X		013 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2254	NGUYỄN THÁI TÂN	18/03/1989	X		013 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2255	TRẦN QUỐC NAM	16/09/1960	X		123 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2256	TRẦN LỆ CHI	28/01/1967		X	123 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2257	TRẦN PHƯƠNG QUỲNH	08/11/1992		X	123 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2258	TRẦN PHƯƠNG QUANG	17/11/1994	X		123 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2259	TRẦN NAM PHƯƠNG	12/03/1989		X	123 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2260	TRẦN PHƯƠNG LINH	05/09/1997		X	123 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2261	LÂM VĂN TÀI	27/04/1965	X		110 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2262	TRẦN THỊ XUÂN THỦY	28/12/1967		X	110 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2263	LÂM HOÀNG PHƯƠNG NGÂN	08/05/2000		X	110 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2264	LÂM GIA ĐỨC	08/08/1996	X		110 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2265	HUỲNH KIẾN HÙNG	30/06/1969	X		322 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2266	PHẠM THỊ THU KIỀU	03/08/1970		X	322 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2267	HUỲNH KIỀU KHANH	16/01/1996		X	322 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2268	NGUYỄN NGỌC HIỂU	24/04/1967	X		332 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2269	ĐẶNG THỊ THANH MAI	01/12/1957		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2270	ĐẶNG NGỌC HIỀN	22/05/1998		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2271	ĐẶNG GIA KHÁNH	01/09/2002	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2272	ĐẶNG THUY TRANG	08/12/1996		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2273	NGUYỄN THỊ NGỌC	08/07/1970		X	005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2274	ĐẶNG THÁI THANH	07/02/1959	X		005 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2275	ĐỖ THANH TÀI	29/09/1969	X		023 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2276	TỬ NGỌC ANH	15/02/1954		X	107 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2277	TRẦN THỊ KIM HOÀNG	12/03/1966		X	312 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2278	NGUYỄN VĂN HOÀNG	17/10/1959	X		312 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2279	TRẦN MINH CƯỜNG	20/06/1987	X		312 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2280	TRẦN NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	08/02/1996		X	312 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2281	LÊ VĂN ẮN	26/12/1962	X		014 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2282	NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU	16/10/1987		X	014 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2283	NGUYỄN THỊ HOA	05/02/1964		X	014 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2284	LÊ HOÀNG THANH	08/06/1983	X		014 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2285	LÊ HOÀNG TÙNG	20/08/1985	X		014 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2286	NGUYỄN THỊ VƯƠNG KHÁNH	14/11/1977		X	028 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2287	ĐỖ THỊ PHI LONG	06/05/1959		X	313 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2288	LÊ VĂN TÂM	02/06/1961	X		315 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2289	MAI THỊ CẨM NHUNG	20/12/1972		X	315 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2290	LÊ MINH TUYẾN	13/04/1993	X		315 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2291	LÊ MINH TỬ	11/10/1990	X		315 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2292	TRẦN MINH SANG	12/03/1989	X		213 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2293	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	02/03/1969		X	213 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2294	TRẦN VĂN MINH	24/03/1962	X		213 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2295	TRẦN MINH TRỌNG	20/11/1996	X		213 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2296	TRẦN THỊ TUYẾN	22/03/1953		X	013 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2297	PHẠM THỦY HỒNG	25/03/1974		X	306 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2298	NGUYỄN HOÀNG ANH DUY	06/01/2001	X		306 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2299	HỮA KIM HOA	27/09/1963		X	232 lô s c/c Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2300	NGUYỄN THỊ KIM ANH	23/06/1991		X	232 lô s c/c Ngô Gia Tự	
2301	LÊ NGỌC TRANG	18/11/1967		X	324 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2302	ĐẶNG NGỌC DUYỀN	18/01/1978		X	324 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2303	TRẦN THÀNH THỌ	30/08/1997	X		324 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2304	LƯU YẾN	26/04/1965		X	002 LÔ Q C/C Ngô Gia Tự	
2305	TRẦN NGỌC XEM	20/12/1950	X		002 LÔ Q C/C Ngô Gia Tự	
2306	TRẦN HỮU VINH	16/06/1996	X		002 LÔ Q C/C Ngô Gia Tự	
2307	NGÔ NGỌC HOA	03/08/1982		X	015 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2308	TRẦN NỮ	01/04/1956		X	015 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2309	NGÔ HỒN VINH	19/07/1989	X		015 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2310	VŨ THỊ HOA	08/07/1957		X	319 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
2311	VŨ HOÀI PHƯỚC	19/07/1994	X		319 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
2312	HUỲNH THỊ NHÂN	06/06/1958		X	018 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
2313	TÔ THỊ HƯƠNG	13/10/1963		X	316 LÔ T Ngô Gia Tự	
2314	NGUYỄN VĂN XINH	09/05/1963	X		316 LÔ T Ngô Gia Tự	
2315	NGUYỄN THANH THẢO	26/12/1984		X	316 LÔ T Ngô Gia Tự	
2316	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	26/12/1984		X	316 LÔ T Ngô Gia Tự	
2317	VŨ XUÂN LÂM	06/02/1954	X		109 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2318	HỒ THỊ CHÚC	07/01/1956		X	109 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2319	VŨ ĐỨC CHUNG	15/01/1992	X		109 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2320	ĐOÀN ANH VŨ	01/01/1971	X		117 LÔ T Ngô Gia Tự	
2321	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	20/06/1975		X	117 LÔ T Ngô Gia Tự	
2322	ĐOÀN VŨ HẢO	28/09/2002	X		117 LÔ T Ngô Gia Tự	
2323	NGUYỄN LÊ ANH TUẤN	13/08/1978	X		014 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2324	VŨ THỊ ÁI	30/12/1965		X	302 LÔ T Ngô Gia Tự	
2325	NGUYỄN HOÀNG VŨ	04/06/1985	X		302 LÔ T Ngô Gia Tự	
2326	NGUYỄN MINH NHẬT	14/01/1991	X		302 LÔ T Ngô Gia Tự	
2327	LÊ VĂN SÁU	19/05/1956	X		013 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2328	LỢI THỊ NGỌC UYÊN	15/07/1975		X	104 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2329	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	07/03/1979		X	104 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2330	PHẠM THỊ NHUNG	22/09/1949		X	339 LÔ S Ngô Gia Tự	
2331	TÀO THÀNH	27/02/1953	X		339 LÔ S Ngô Gia Tự	
2332	TÀO MỸ KIM	08/08/1991		X	339 LÔ S Ngô Gia Tự	
2333	TÀO MỸ LINH	18/09/1987		X	339 LÔ S Ngô Gia Tự	
2334	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	30/01/1960		X	039 LÔ S Ngô Gia Tự	
2335	NGUYỄN ĐẶNG ĐAN THÙY	07/08/1975		X	017 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2336	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	03/07/1985		X	304 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2337	NGUYỄN TÂN THÀNH	18/12/1967	X		008 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2338	NGUYỄN TÂN TÀI	14/10/2001	X		008 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2339	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	10/05/1976		X	008 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2340	TRẦN NGỌC QUÝ	01/01/1976	X		008 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2341	VÕ PHI CƯỜNG	15/04/1967	X		330 LÔ S Ngô Gia Tự	
2342	LÂM HOÀNG HẢI	09/05/1981	X		111 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2343	ĐOÀN THỊ HỒNG THÙY	21/04/1984		X	111 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2344	NGUYỄN THỊ KIM OANH	1969		X	016 LÔ I Ngô Gia Tự	
2345	TRẦN THỊ ĐÀO	1940		X	016 LÔ I Ngô Gia Tự	
2346	NGUYỄN THỊ KIM CHI	17/10/1974		X	016 LÔ I Ngô Gia Tự	
2347	LÊ THỊ HUỆ	03/03/1955		X	328 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2348	VÕ THỊ KIM THOA	28/12/1984		X	328 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2349	PHẠM VĂN HÙNG	03/05/1966	X		017 LÔ S Ngô Gia Tự	
2350	VŨ THỊ OANH	17/06/1966		X	017 LÔ S Ngô Gia Tự	
2351	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	22/03/1992		X	017 LÔ S Ngô Gia Tự	
2352	PHẠM THỊ VĂN ANH	26/08/1987		X	017 LÔ S Ngô Gia Tự	
2353	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	13/05/1963		X	323 lô S c/c Ngô Gia Tự	
2354	LÊ THANH HẢI	23/12/1966	X		026 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2355	LÊ THANH HÙNG	09/06/1993	X		026 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2356	TRỊNH HỒN MINH	25/02/1984	X		020 LÔ S Ngô Gia Tự	
2357	NGUYỄN THỊ TÂM	29/06/1989		X	020 LÔ S Ngô Gia Tự	
2358	TRỊNH NGỌC MAI	31/07/1994		X	020 LÔ S Ngô Gia Tự	
2359	HUỲNH KHIÊN THÀNH	16/02/1961	X		202 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2360	NGÔ THỊ THU HÀ	12/12/1967		X	202 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2361	HUỲNH TUYẾT PHƯƠNG	20/12/1994		X	202 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2362	VÕ HUỲNH PHƯƠNG THẢO	14/02/1983		X	312 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2363	VÕ THÊ ANH	09/08/1984	X		312 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2364	LÊ THỊ KIM PHƯƠNG	27/10/1969		X	319 LÔ S Ngô Gia Tự	
2365	NGUYỄN THỊ KHÍCH	10/03/1940		X	107 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2366	LÊ THỊ KIM NĂNG	16/04/1987		X	107 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2367	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	10/05/1978	X		107 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2368	NGUYỄN VĂN HẢI	22/02/1987	X		107 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2369	NGUYỄN THIÊN NAM	10/03/1980	X		107 lô R C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2370	NGUYỄN THỊ DI NỮ	17/07/1982		X	107 lô R C/C Ngô Gia Tự	
2371	ĐƯƠNG THỊ THU HUYỀN	22/01/1978		X	207 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2372	TÔ MỸ DUNG	1984		X	237T Ngô Gia Tự	
2373	ĐƯƠNG CHÍ VINH	12/10/1998	X		237T Ngô Gia Tự	
2374	ĐƯƠNG VI MINH	1977	X		237T Ngô Gia Tự	
2375	PHẠM THỊ THỦY HIỀN	1983		X	237T Ngô Gia Tự	
2376	VÕ NGỌC HÀ	01/10/1966	X		232 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2377	TỬ THỊ ĐIỂM LỆ	10/11/1972		X	232 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2378	VÕ NGỌC THỦY LAN	26/11/1996		X	232 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2379	TẠ THỊ LIÊN	20/04/1968		X	132 LÔ S Ngô Gia Tự	
2380	KHÔNG THỊ MINH CHÂU	25/12/1977		X	015 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2381	HUỶNH LÊ MINH	09/07/1970		X	032 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2382	LÃNG THANH NGỌC	28/06/1952		X	032 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2383	LÃNG QUÂN CƯỜNG	24/12/1966	X		032 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2384	LÃNG TUÂN HÙNG	05/04/2000	X		032 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2385	LÃNG HUỆ NHI	25/04/1998		X	032 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2386	ĐẶNG CÔNG VẬN	12/10/1964	X		330 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2387	CAO THỊ TỶ	08/03/1970		X	330 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2388	ĐẶNG CÔNG BÌNH	05/07/2001	X		330 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2389	NGUYỄN ĐỨC LIÊM	07/08/1958	X		205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2390	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	04/07/1988		X	205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2391	NGUYỄN VĂN TƯ	15/08/1924	X		205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2392	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	11/02/1964		X	205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2393	NGUYỄN KHOA NAM	06/01/1991	X		205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2394	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	30/08/1987	X		205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2395	NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY	10/05/1993		X	205 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2396	QUANG VĂN TRUNG	16/06/1969	X		128 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2397	PHAN THỊ NGỌC YẾN	03/08/1969		X	128 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2398	QUANG BẢO TRẦN	16/11/1998		X	128 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2399	QUANG BẢO CHÂU	04/08/2000		X	128 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2400	TRINH THU ANH	03/12/1979		X	314 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
2401	TRẦN PHI	20/05/1962	X		315 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2402	LƯ THỊ MUỐI	20/08/1971		X	315 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2403	TRẦN HỒNG PHÁT	30/10/1991	X		315 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2404	TRẦN MINH CHÂU	26/08/1996		X	315 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2405	NGUYỄN VĂN ĐỨC	26/06/1964	X		317 LÔ T Ngô Gia Tự	
2406	TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG	04/02/1960		X	317 LÔ T Ngô Gia Tự	
2407	ĐƯƠNG MINH TUẤN	15/03/1965	X		308 LÔ S Ngô Gia Tự	
2408	ĐƯƠNG THỊ KIM YẾN	20/10/1992		X	308 LÔ S Ngô Gia Tự	
2409	ĐƯƠNG THỊ KIM QUYÊN	30/08/1996		X	308 LÔ S Ngô Gia Tự	
2410	NGUYỄN KIM LIÊN	15/11/1969		X	308 LÔ S Ngô Gia Tự	
2411	LÊ THỊ PHỤNG	13/07/1961		X	107 LÔ S Ngô Gia Tự	
2412	DIỆP LÊ MINH HOÀNG	18/07/1990	X		107 LÔ S Ngô Gia Tự	
2413	DIỆP LÊ CHÍ KHANG	30/12/1992	X		107 LÔ S Ngô Gia Tự	
2414	DIỆP LÊ THỦY HẰNG	13/03/1996		X	107 LÔ S Ngô Gia Tự	
2415	MAI THỊ HỒNG NĂM	20/12/1962		X	128 lô S C/C Ngô Gia Tự	
2416	HUỶNH VĂN CẢNH	10/09/1965	X		128 lô S C/C Ngô Gia Tự	
2417	HUỶNH THỊ HỒNG	10/04/1997		X	128 lô S C/C Ngô Gia Tự	
2418	HUỶNH THỊ PHÚC	10/04/1997		X	128 lô S C/C Ngô Gia Tự	
2419	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	27/08/1977	X		219 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
2420	TRẦN THỊ MỸ PHÚC	15/11/1983		X	219 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
2421	ĐỖ HUY TÂN	29/01/1974	X		231 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2422	PHAN THỊ XUÂN HUYỀN	03/02/1976		X	231 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2423	BÙI MINH DŨNG	16/10/1971	X		218 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2424	ĐOÀN THỊ HUỆ	12/12/1969		X	218 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2425	BÙI NGỌC QUỲNH NHƯ	12/06/2000		X	218 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2426	TRƯƠNG THANH TUẤN	12/12/1959	X		229 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2427	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	22/05/1966		X	229 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2428	TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN TÂM	19/10/1997	X		229 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2429	NGUYỄN THỊ XUM	01/01/1940		X	016 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2430	NGUYỄN VĂN BÉ	19/05/1940	X		016 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2431	NGUYỄN VĂN TRÍ	08/05/1973	X		016 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2432	NGUYỄN VĂN HIỀN	06/12/1978	X		016 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2433	NGUYỄN VĂN ĐẠT	17/05/1975	X		016 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2434	NGUYỄN VĂN LÂM	07/11/1963	X		016 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2435	NGUYỄN VĂN LAI	18/08/1954	X		206 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2436	BÙI THỊ MỸ HUYỀN	06/07/1985		X	206 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2437	TRƯƠNG THỊ QUÍ	30/01/1960		X	206 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2438	NGUYỄN VĂN THANH	03/12/1984	X		206 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2439	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÚC	19/11/1987		X	206 lô I C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2440	NGUYỄN NGỌC TOÀN	26/01/1977	X		039 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2441	TRẦN THỊ THÀNH	01/09/1981		X	039 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2442	NGUYỄN NỮ CÁT TƯỜNG	17/03/2001		X	039 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2443	NGUYỄN NỮ AN TƯỜNG	14/11/2002		X	039 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2444	TÀNG NGỌC ANH	18/01/1986		X	022 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2445	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	01/05/1980		X	203 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2446	ĐỖ THANH HẢI	23/03/1976	X		215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2447	NGUYỄN HIẾU THẢO	01/01/1985		X	215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2448	HÀ NỮ HOÀNG VY	01/07/1987		X	215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2449	ĐỖ THANH HÀ	23/07/1979		X	215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2450	ĐỖ THANH SƠN	13/06/1978	X		215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2451	ĐỖ THANH THẢO	16/09/1981		X	215 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2452	NGUYỄN HOÀNG DỊU	26/01/1967	X		104 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2453	LÊ NGỌC DỪNG	02/08/1960	X		204 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2454	VŨ THỊ KIM LOAN	05/03/1961		X	204 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2455	LÊ VŨ THANH QUANG	23/11/1993	X		204 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2456	LÊ VŨ THANH TOÀN	10/10/1982	X		204 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2457	MAI BẢ HUY	28/08/1996	X		223 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2458	NGUYỄN THỊ DIỄM THỦY	29/07/1973		X	223 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2459	MAI BẢ HOÀNG	01/01/1969	X		223 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2460	LÝ THANH LONG	28/10/1969	X		117 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2461	THÁI THỊ THANH THỦY	19/06/1973		X	117 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2462	LÝ THANH THAO VY	12/03/2002		X	117 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2463	TRẦN THỊ THU TRANG	28/03/1981		X	106 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2464	DƯƠNG VĂN TIẾP	20/02/1978	X		106 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2465	LÊ THỊ HẠNH TIỀN	01/06/1973		X	312 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2466	LƯƠNG VĨNH TUẤN	18/11/1999	X		312 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2467	LƯƠNG BỘI SANG	26/05/1993		X	312 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2468	NGÔ THỊ NHÀN	27/10/1960		X	234 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2469	LÊ NGUYỄN MINH QUẢN	06/10/1980	X		031 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2470	NGUYỄN TẤN TRUNG	10/05/1965	X		008 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2471	TRẦN KIẾN TRUNG	12/12/1954	X		309 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2472	NGUYỄN HƯƠNG QUỲNH	13/08/1990		X	309 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2473	TRẦN THỊ NGỌC ANH	17/04/1965		X	309 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2474	TRẦN DIỆU QUANG	24/10/1984	X		309 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2475	TRẦN TỬ LINH	16/11/1986		X	309 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2476	TRẦN DIỆU CƯỜNG	16/05/1991	X		309 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2477	ĐỖ KHIÊM QUANG	01/11/1960	X		301 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2478	NGUYỄN THỊ LỆ THI	29/07/1961		X	301 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2479	ĐỖ NGUYỄN THANH VY	09/12/1984		X	301 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2480	ĐỖ NGUYỄN NHẬT VY	30/03/1997		X	301 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2481	TÔ QUẢN HẢO	06/01/1959		X	131 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2482	NGUYỄN THẾ HÙNG	19/06/1977	X		131 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2483	BÙI THỊ NGỌC HƯƠNG	02/04/1960		X	333 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2484	TRƯƠNG CÔNG TIỀN	12/02/1981	X		333 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2485	DƯƠNG QUANG HÒA	01/12/1965	X		116 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2486	PHÙNG THỰC TRINH	08/11/1974		X	116 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2487	DƯƠNG GIA QUYỀN	21/06/2001	X		116 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2488	DƯƠNG MÃN ĐÀO	28/06/1999		X	116 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2489	NGUYỄN VĂN MUỘN	26/12/1950	X		204 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2490	TRẦN THỊ THANH NGUYỄN	28/05/1958		X	204 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2491	NGUYỄN TRẦN NHỰT MINH	15/05/1992	X		204 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2492	NGUYỄN TRẦN ĐỒNG PHƯƠNG	24/11/1986		X	204 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2493	LÊ THỊ TƯ	20/05/1955		X	121 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2494	TRẦN TUYẾT VÂN	22/09/1987		X	121 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2495	TRẦN PHỤNG CHI	09/06/1982		X	121 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2496	TRẦN GIA NGHI	26/09/1989		X	121 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2497	TRẦN THỰC QUYỀN	04/12/1992		X	121 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2498	TRẦN VĂN HOÀNG	20/10/1968	X		302 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2499	HUỶNH THỊ LOAN	24/04/1973		X	302 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2500	TRẦN HUỶNH HOÀNG YẾN	14/05/1992		X	302 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2501	CHU PHỦ LỰC	23/03/1968	X		016 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2502	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	01/11/1971		X	016 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2503	CHU PHÚC LỘC	05/08/1992	X		016 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2504	CHU PHÚC LÂM	12/03/1999	X		016 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2505	VŨ VĂN THẮNG	01/02/1963	X		121 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2506	NGUYỄN THỊ HUYỀN	09/11/1981		X	121 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2507	VŨ QUỲNH TRANG	05/06/2001	X		121 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2508	VŨ MẠNH DỪNG	01/11/1999	X		121 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2509	KHƯƠNG QUANG	04/04/1946	X		003 lô I C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2510	NGUYỄN THỊ DUNG	15/06/1955		X	003 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2511	KHƯƠNG PHÔI HỮU	23/02/1983		X	003 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2512	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	1978		X	124 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2513	ĐẶNG KIM NGÀ	15/01/1967		X	215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2514	LƯU THUY NGOC THAO	12/01/1996		X	215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2515	LƯU HOÀNG ANH THƯ	26/01/2000		X	215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2516	ĐẶNG DUY HÙNG	09/10/1960	X		215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2517	NGUYỄN THỊ MINH THU	07/03/1973		X	215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2518	ĐẶNG NGUYỄN LAN ANH	02/09/2002		X	215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2519	ĐẶNG THÚY VY	21/10/1997		X	215 LÔ T C/C Ngô Gia Tự	
2520	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	08/05/1987		X	128 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
2521	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	10/07/1973		X	216 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2522	NGUYỄN DŨNG TIẾN	19/04/1984	X		013 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2523	NGUYỄN DŨNG CHINH	24/03/1994	X		013 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2524	DƯƠNG HỮU NGHĨA	15/03/1967	X		111 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2525	NGÔ THỊ THANH TÂM	14/07/1973		X	111 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2526	DƯƠNG HỮU TUẤN	21/05/1998	X		111 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2527	TRẦN MAI PHƯỢNG	19/07/1958	X		219 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2528	NGUYỄN THỊ KHỎE	12/01/1962		X	219 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2529	TRẦN THỊ THU HIỀN	07/07/1987		X	219 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2530	NGUYỄN VĂN MINH	08/05/1982	X		219 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2531	TRẦN THANH NHỰT	23/08/1984	X		219 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2532	MAI THỊ BÉ	01/01/1956		X	210 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
2533	TRẦN CAO ĐẠT	19/10/1996	X		210 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
2534	TÔ DÔNG TIẾN	11/02/1954	X		210 LÔ S C/C Ngô Gia Tự	
2535	BÙI THỊ BÉ	12/06/1953		X	006 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2536	TRẦN NGỌC TRƯỜNG	19/02/1980	X		006 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2537	TÔN THỊ NGỌC HÀ	12/10/1956		X	213 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2538	TÔN THỊ NGỌC THANH	26/03/1980		X	213 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2539	ĐÀO THỊ NGỌC HUYỀN	26/12/1994		X	213 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2540	ĐÀO CÔNG PHI	16/02/1990	X		213 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2541	NGUYỄN VĂN HOÀNG	30/12/1966	X		308 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2542	NGUYỄN THỊ BẠCH NHAN	02/05/1966		X	308 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2543	NGUYỄN HOÀNG Ý NHI	26/06/1993		X	308 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2544	NGUYỄN HOÀNG LONG	22/05/2000	X		308 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2545	ĐẶNG THỊ THU	08/12/1966		X	332 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2546	ĐẶNG THANH HÙNG	27/07/1993	X		332 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2547	ĐẶNG THANH HẢI	08/04/1992	X		332 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2548	ĐẶNG THU VÂN	11/09/1963		X	332 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2549	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	24/11/1953		X	301 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
2550	TRẦN NGUYỄN VĨNH NGHIÊM	08/10/1985	X		301 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
2551	DƯƠNG CÔNG DANH	13/06/1971	X		111 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
2552	ĐINH THỊ THÚY	01/01/1967		X	111 Lô H C/C Ngô Gia Tự	
2553	NGUYỄN ANH DŨNG	08/08/1963	X		030 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
2554	ĐỖ THỊ TUYẾT	30/10/1974		X	030 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
2555	NGUYỄN VĂN QUANG	31/05/1968	X		030 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2556	NGÔ TRẦN KHÁNH ĐIỂM	26/04/1971		X	030 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2557	NGUYỄN NGÔ KHÁNH VY	22/09/1999		X	030 lô H C/C Ngô Gia Tự	
2558	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	23/10/1966	X		304 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2559	BÙI THỊ THẠNH LỆ	28/02/1967		X	304 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2560	NGUYỄN TẤN NHU	14/09/1991	X		304 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2561	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	01/04/1997		X	304 lô Q C/C Ngô Gia Tự	
2562	HUỲNH PHƯỚC HÙNG	03/03/1962	X		040 Lô T c/c Ngô Gia Tự	
2563	LÊ THANH LONG	13/06/1969		X	040 Lô T c/c Ngô Gia Tự	
2564	NGUYỄN THỊ THANH TÍNH	05/05/1965		X	205 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
2565	LÊ THỊ KIỀU GIANG	27/11/1986		X	205 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
2566	PHẠM CHÍ HẠU	24/06/1983	X		205 Lô T C/C Ngô Gia Tự	
2567	NGUYỄN THUY TÚ UYÊN	04/12/1987		X	205 Lô T c/c Ngô Gia Tự	
2568	NGUYỄN THỊ TÀI	07/07/1961		X	205 Lô T c/c Ngô Gia Tự	
2569	NGUYỄN TRUNG QUÂN	11/11/1990	X		205 Lô T c/c Ngô Gia Tự	
2570	NGUYỄN HUỲNH ĐÔNG NHẬT	28/07/1987	X		205 LÔT Ngô Gia Tự	
2571	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	22/08/1959		X	205 LÔT Ngô Gia Tự	
2572	NGUYỄN HUỲNH NHẬT QUANG	26/07/1989	X		205 LÔT Ngô Gia Tự	
2573	NGUYỄN VĂN DANH	26/06/1967	X		005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2574	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	17/02/1992		X	005 Lô S C/C Ngô Gia Tự	
2575	PHAN QUANG THÙY	26/10/1958	X		211 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2576	PHẠM THỊ HỒNG ANH	17/06/1972		X	211 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2577	PHAN TRƯỜNG AN	26/03/1999	X		211 lô I C/C Ngô Gia Tự	
2578	PHAN THẾ PHÁT	01/08/1974	X		203 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	
2579	PHAN THANH VI	02/10/2000		X	203 LÔ H C/C Ngô Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2580	PHAN THỊ YÊN PHƯƠNG	08/08/1971		X	203 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2581	PHAN QUỐC KHÁNH	02/09/1979	X		203 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2582	PHAN THỊ THANH PHƯƠNG	18/07/1972		X	203 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2583	HỒ TẤN LỘC	06/10/1966	X		209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2584	ÔNG THỊ YẾN	01/04/1969		X	209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2585	HỒ THỊ THU HIỀN	16/06/1999		X	209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2586	HỒ THỊ MINH HIỀU	28/01/2002		X	209 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2587	TRƯƠNG MỸ YẾN	30/01/1972		X	010 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2588	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	09/11/2002		X	010 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2589	NGUYỄN THỊ THANH NGUYỄN	13/03/1993		X	010 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2590	TRẦN THỊ HUỆ	01/01/1960		X	108 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2591	NGUYỄN NGỌC THANH TUYỀN	10/08/1996		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2592	NGUYỄN NGỌC TUYẾT ANH	13/09/1999		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2593	HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	13/09/1977		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2594	LÝ QUANG ĐỨC	27/11/1991	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2595	PHẠM MẠNH CUỒNG	03/02/1974	X		327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2596	HUỲNH THỊ TƯƠI	08/06/1962		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2597	BÙI THỊ BẾ SÁU	14/05/1981		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2598	NGŨ VĂN LUNG	08/12/1947	X		006 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2599	BÙI THỊ MỸ TIỀN	30/12/1970		X	006 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2600	NGŨ QUỐC BẢO	20/01/2000	X		006 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2601	TRỊNH MUỘI	29/01/1952		X	006 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2602	NGŨ THANH DANH	07/04/1973	X		006 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2603	NGŨ THANH PHONG	30/05/1970	X		006 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2604	LÊ THỊ NGỌC HOA	23/08/1969		X	010 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2605	NGUYỄN LÊ THỦY TRANG	22/07/1996		X	010 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2606	LÊ THỊ NGỌC DANH	18/06/1963		X	010 LÔ T c/c Ngõ Gia Tự	
2607	TRỊNH LÊ HOÀNG THY	24/07/1991		X	010 LÔ T c/c Ngõ Gia Tự	
2608	TRẦN ĐỨC TÔN	28/10/1991	X		010 LÔ T c/c Ngõ Gia Tự	
2609	TRẦN CHẤN THẬT	13/05/1970	X		110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2610	NGUYỄN THỊ THỦY PHƯỢNG	20/02/1977		X	110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2611	TRẦN TOÀN CHƠN	15/02/1995	X		110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2612	NGUYỄN THỊ XUÂN	13/04/1959		X	021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2613	PHẠM TUẤN DANH	27/02/1987	X		021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2614	NGUYỄN THỊ THỦY UYÊN	02/11/1985		X	021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2615	TRƯƠNG NGỌC MINH	14/02/1966	X		119 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2616	TRẦN THỊ HƯỜNG	29/07/1968		X	119 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2617	TRƯƠNG NGỌC LÂM	10/08/1998	X		119 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2618	TRƯƠNG NGỌC LONG	09/08/1996	X		119 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2619	TRƯƠNG NGỌC HẢI	27/05/1994	X		119 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2620	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	16/01/1974		X	220 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2621	NGUYỄN NGỌC NINH	10/06/2002		X	220 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2622	LÊ THỊ THUẬN	01/05/1968		X	102 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2623	DƯƠNG NGỌC OANH	03/05/1980		X	110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2624	TRẦN CHƠN CHÍNH	14/03/1974	X		110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2625	DƯƠNG NGỌC ÁNH XUÂN	04/07/2000		X	110 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2626	LƯƠNG KIỆM	05/03/1973	X		312 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2627	NGUYỄN TRÚC QUÂN	15/03/1974	X		310 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2628	ĐỒNG THỊ THÚY LIÊU	22/10/1975		X	310 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2629	NGUYỄN THỊ THỰC	12/11/1977		X	207 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2630	NGUYỄN DUY HẠNH	03/02/1970	X		207 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2631	NGUYỄN HUỲNH BẢO YẾN	19/06/1983		X	232 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2632	HUỲNH THỊ BÍCH THUY	23/12/1955		X	232 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2633	HUỲNH NGỌC HỘI	07/04/1952	X		004 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2634	LÊ THỊ KIM VÂN	28/01/1952		X	004 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2635	HUỲNH NGỌC KIM YẾN	17/04/1989		X	004 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2636	NGÔ QUANG HIỆP	09/04/1983	X		328 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2637	TRẦN THỊ NGỌC THỦY	20/10/1983		X	328 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2638	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	06/05/1968	X		304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2639	LÂM HOÀNG UYÊN	01/10/1969		X	304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2640	NGUYỄN LÂM ANH NGHĨA	18/09/2001	X		304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2641	NGUYỄN NGỌC HUYNH NHƯ	26/07/1997		X	304 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
2642	DIỆP PHI LONG	15/06/1961	X		022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2643	LƯƠNG THỊ THỦY	30/07/1972		X	022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2644	DIỆP ANH KHOA	09/08/2002	X		022 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2645	NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	23/07/1965	X		305 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2646	LÊ THỊ THANH	20/05/1970		X	305 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2647	NGUYỄN LÊ PHÚC MINH	06/04/1994	X		305 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2648	LẠI THỊ CÚC	07/03/1959		X	112 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2649	HUỲNH THỊ NGÂN HÀ	14/08/1999		X	112 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2650	ĐÀO KIM LIÊN	16/05/1973		X	005 Lô R c/c Ngõ Gia Tự	
2651	ĐÀO NGỌC AN	27/11/1961	X		005 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2652	TRƯỜNG HUỆ NHI	23/06/1969		X	315 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2653	NGUYỄN THỊ MỸ NHI	28/12/1994		X	315 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2654	LÊ HAI ẬU	04/05/1995		X	315 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2655	NGUYỄN ĐỨC DUY	02/10/1992	X		315 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2656	NGUYỄN ĐỨC QUANG	25/08/1993	X		315 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2657	TRƯỜNG THỂ NGỌC	27/02/1976		X	315 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2658	NGUYỄN TRƯỜNG NGỌC TRANG	03/09/2002		X	315 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2659	NGUYỄN THỊ THANH ĐẠM	30/06/1968		X	121 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2660	NGUYỄN HOÀI THANH	11/11/1993	X		121 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2661	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊU	26/09/1970		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2662	LƯU TÔN HĂNG	15/06/1968	X		307 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2663	ĐẶNG YẾN HƯNG	05/09/1969		X	307 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2664	LƯU GIA BỬU	02/09/2002		X	307 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2665	NGUY CHẤN ANH	26/05/1958	X		235 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2666	NGÔ TÚ LINH	10/05/1961		X	235 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2667	NGUY ĐỨC BÌNH	17/10/1995	X		235 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2668	TRẦN HOÀNG LONG	08/07/1973	X		234 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2669	HUYNH THỊ CẨM NHUNG	30/05/1978		X	234 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2670	TRẦN HOÀNG PHÚC	14/10/2002	X		234 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2671	TRẦN NGỌC DỪNG	12/07/1972	X		309 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2672	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	25/12/1962		X	309 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2673	VƯƠNG KIM THUY	29/10/1980		X	309 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2674	TRẦN VƯƠNG BẢO THANH	16/10/2002	X		309 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2675	NGUYỄN CAO SƠN	02/02/1968	X		328 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2676	TRẦN THANH THUY	25/05/1966		X	328 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2677	NGUYỄN MINH QUẢN	28/10/2001	X		328 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2678	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	30/07/1992		X	328 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2679	NGUYỄN VĂN TỈNH	16/10/1975	X		103 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
2680	VÕ HỒNG YẾN	20/05/1976		X	103 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
2681	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	29/10/1998	X		103 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
2682	HUYNH PHƯỚC HOÀNG	12/02/1973	X		040 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2683	LÊ THỊ LIÊN	29/09/1969		X	040 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2684	NGUYỄN THỊ BÉ	26/02/1959		X	312 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2685	LÊ NGỌC HANH	23/06/1990		X	312 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2686	PHẠM QUANG THIÊN	30/10/1994	X		312 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2687	TRƯỜNG NGỌC GIÀU	28/11/1981		X	136 lôT c/c Ngõ Gia Tự	
2688	VÕ MINH QUẢN	16/01/1998	X		136 lôT c/c Ngõ Gia Tự	
2689	TRƯỜNG MINH HOÀNG	01/11/1965	X		316 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2690	CHU PHÙNG KIỀU	23/03/1970		X	316 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2691	TRƯỜNG TẤN TÀI	08/01/1995	X		316 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2692	ĐOÀN VĂN HOÀNG	23/02/1955	X		109 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2693	PHAN THỊ THANH	19/06/1959		X	109 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2694	ĐOÀN MINH PHÚC	20/02/1982	X		109 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2695	ĐOÀN MINH HẬU	19/08/1984	X		109 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2696	NGUYỄN HÙNG DŨ	14/03/1983	X		305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2697	THÁI KIM THẢO	11/11/1980		X	222 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2698	NGUYỄN THỊ TRANG	05/07/1966		X	307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2699	LÊ NGUYỄN THANH HUY	16/12/1994	X		307 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2700	LỢI TÔNG HỮU	25/03/1965	X		306 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2701	LỢI NGỌC YẾN	23/06/1991		X	306 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2702	LỢI QUỐC CUỒNG	05/06/1985	X		306 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2703	HUYNH PHƯỚC NGÂN	28/06/1954	X		040 LÔ T c/c Ngõ Gia Tự	
2704	VŨ THỊ LIÊN	28/05/1961		X	040 LÔ T c/c Ngõ Gia Tự	
2705	HUYNH THỊ NGỌC HƯỜNG	01/10/1983		X	040 LÔ T c/c Ngõ Gia Tự	
2706	NGUYỄN THỊ KIM HÀ	12/04/1963		X	021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2707	HUYNH VĂN SƠN	27/08/1965	X		021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2708	NGÔ THỊ KIM TUYẾN	01/03/1962		X	021 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2709	ĐỖ TRI	10/04/1961	X		021 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2710	ĐỖ THANH TÂM	05/07/1991		X	021 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2711	ĐỖ THỰC NHI	05/07/1992		X	021 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2712	LÝ QUỐC CUỒNG	24/06/1967	X		127 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2713	PHAN TUYẾT TRINH	05/01/1975		X	127 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2714	LÝ THANH THANH	15/04/1992		X	127 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2715	LÝ GIA BỬU	08/03/2002	X		127 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2716	HÀ VĨ VÂN	13/08/1976	X		118 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2717	LÊ THỊ MỘNG THUY	28/03/1985		X	118 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2718	NGUYỄN VĂN QUÝ	21/10/1977	X		202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2719	HUYNH THỊ KIM LOAN	02/03/1983		X	202 lô H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2720	NGUYỄN VĂN PHI	15/01/1979	X		305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2721	NGUYỄN THỊ TÂM	07/07/1977		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2722	LẠI THỊ HƯƠNG	03/12/1968		X	206 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2723	NGUYỄN TRỌNG LƯỢNG	11/10/1965	X		206 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2724	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	24/12/2000		X	206 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2725	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	14/10/1987	X		206 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2726	NGÔ VĂN THANH	24/08/1976	X		314 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2727	TRƯƠNG THỊ KIM ANH	17/02/1977		X	314 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2728	LÊ THỊ THUY HƯƠNG	20/11/1970		X	207 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2729	NGUYỄN ĐỨC THẢO VY	14/11/1997		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2730	NGUYỄN ĐÌNH YẾN THẢO	17/07/1965		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2731	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	20/09/1992	X		327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2732	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	09/04/1996	X		327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2733	LỘ CÔNG HOÀ	05/11/1975	X		136 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2734	PHAN THỊ QUYỀN	26/07/1970		X	136 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2735	LỘ THỊ THU HIỀN	23/07/2000		X	136 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2736	NGUYỄN THIÊN BÌNH	20/10/1973	X		301 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
2737	PHẠM THANH HIỀN	14/07/1969	X		227 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2738	NGUYỄN THỊ KIM QUYỀN	28/04/1975		X	227 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2739	NGUYỄN THẾ THUẬN	15/09/1983	X		201 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2740	HUỖNH VĂN ANH	26/11/1983		X	201 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2741	PHẠM THẾ SƠN	20/09/1967	X		008 LỒ I C/C Ngõ Gia Tự	
2742	NGUYỄN THỊ LIỄU	20/09/1969		X	008 LỒ I C/C Ngõ Gia Tự	
2743	HUỖNH GIA LỆ	31/10/1979		X	027 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2744	CAO HOÀNG HIỂU	22/07/1974	X		221 Lô T Trần Nhân Tôn	
2745	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	08/05/1972		X	221 Lô T Trần Nhân Tôn	
2746	HOÀNG THỊ NGỌC HÂN	17/11/2000		X	221 Lô T Trần Nhân Tôn	
2747	LÊ QUỐC THAI	18/07/1976	X		340 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2748	HUỖNH THỊ ÉP	01/01/1967		X	212 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2749	LÊ THỊ TÚ TRINH	03/11/1993		X	212 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2750	NGUYỄN THỊ THUY VƯƠNG	14/11/1991		X	212 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2751	MỤC BẢO CUỒNG	03/05/1988	X		212 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2752	MỤC BẢO TÀI	26/04/1990		X	212 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2753	LỘC VĂN HẢI	08/01/1964	X		003 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2754	CHUNG HUỆ CHÂU	05/04/1967		X	003 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2755	LỘC HUỆ HOA	18/11/2000		X	003 LỒ T C/C Ngõ Gia Tự	
2756	BÙI QUỐC QUẢN	10/05/1986	X		310 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2757	TRỊNH THỊ LÃO	03/09/1992		X	310 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2758	BÙI THỊ HỒNG QUYỀN	18/05/1989		X	310 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2759	TRƯƠNG LỆ YẾN	27/10/1978		X	209 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2760	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	16/02/1974	X		209 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2761	LÝ KIM NGỌC	17/03/1982		X	012 LỒ R C/C Ngõ Gia Tự	
2762	PHAN VĂN CẢNH	15/05/1983	X		012 LỒ R C/C Ngõ Gia Tự	
2763	NGUYỄN THỊ ĐIỂM KIỀU	26/10/1983		X	307 LỒ H C/C Ngõ Gia Tự	
2764	NGUYỄN TÂN PHÚC	1970	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2765	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	21/02/1970		X	206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2766	NGUYỄN ĐĂNG QUANG VŨ	14/12/1995	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2767	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	14/11/1994	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2768	ĐẶNG VĂN THẮNG	21/05/1957	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2769	ĐẶNG ĐÌNH TRUNG	27/01/1988	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2770	ĐẶNG TRUNG HIỂU	21/05/1991	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2771	ĐẶNG TRUNG THÀNH	11/09/1993	X		206 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2772	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	13/07/1976		X	014 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2773	HOÀNG THỊ HUỆ	07/12/1982		X	211 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2774	NGUYỄN VĂN CUỒNG	25/06/1985	X		211 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2775	LÂM VĂN HOÀNG	06/12/1966	X		025 LỒ I C/C Ngõ Gia Tự	
2776	LA HUỆ PHƯƠNG	03/08/1978		X	025 LỒ I C/C Ngõ Gia Tự	
2777	LÂM QUỐC HẢO	28/10/1997	X		025 LỒ I C/C Ngõ Gia Tự	
2778	LÊ VĂN THUẬN	09/07/1971	X		106 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2779	NGÔ THỊ KIM TƯƠI	1977		X	106 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2780	TRƯƠNG THU TUYẾT	05/03/1973		X	214 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2781	LÂM TRƯỜNG THANH	07/07/1974	X		214 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2782	VƯƠNG VĨ VĂN	25/12/1981	X		332 Lô H c/c Ngõ Gia Tự	
2783	HUỖNH MINH LÂM	01/06/1968	X		124 LỒ S C/C Ngõ Gia Tự	
2784	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	20/11/1967		X	124 LỒ S C/C Ngõ Gia Tự	
2785	KHUU THỊ HUỆ	29/07/1968		X	004 LỒ S C/C Ngõ Gia Tự	
2786	VÕ HÙNG	26/01/1966	X		004 LỒ S C/C Ngõ Gia Tự	
2787	VÕ NGỌC QUỲNH	31/01/1992		X	004 LỒ S C/C Ngõ Gia Tự	
2788	ĐẶNG THỊ THU BÍCH CHÂU	10/09/1972		X	031 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2789	TRƯƠNG THU KIỀU	03/12/1980		X	214 lô R C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2790	VÔ ANH KIỆT	23/10/1979	X		214 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2791	LƯU THỊ NỔI	05/05/1956		X	312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2792	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG NGỌC	30/04/1987		X	312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2793	ĐINH VĂN LANG	31/07/1955	X		312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2794	ĐINH THỊ CẨM TÚ	01/11/1979		X	312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2795	ĐINH THỊ THẢO NHƯ	28/11/1977		X	312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2796	ĐINH ANH TÀI	10/08/1985	X		312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2797	ĐINH THỊ BÍCH VÂN	05/10/1983		X	312 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2798	LƯU THỊ THANH PHƯỢNG	30/10/1972		X	312 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
2799	TRẦN TÂM HÙNG	10/11/1961	X		106 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2800	NGÔ THỊ THU VÂN	28/12/1969		X	106 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2801	TRẦN DIỄM SA	09/12/1988		X	106 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2802	TRẦN MÂN KHIẾT	19/03/1996	X		106 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2803	TRẦN DIỄM SƯƠNG	20/11/1994		X	106 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2804	LÊ NGỌC VŨ	08/10/1966	X		311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2805	TRẦN THỊ BÍCH VÂN	02/07/1966		X	311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2806	LÊ TUẤN ANH	08/04/1990	X		311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2807	LÊ TUẤN MINH	08/05/1998	X		311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2808	LÊ TUẤN LÂM	12/08/2001	X		311 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2809	LÊ BÍCH THAO	19/04/1974		X	327 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2810	TRẦN QUỐC VẠN	08/02/2001	X		327 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2811	TRẦN NGỌC HÙNG	19/06/1971	X		327 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2812	HUỲNH KIẾN TẤN	1965	X		308 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2813	TRƯƠNG THỊ LÊN	25/04/1978		X	308 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2814	HUỲNH KIẾN TƯỜNG	27/10/1999	X		308 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2815	LỢI NGỌC SƠN	02/08/1978	X		109 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2816	LÝ LỆ NGÂN	08/07/1982		X	218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2817	HUỲNH THỊ NỮ	30/06/1960		X	218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2818	LÝ KIM ĐỨC	15/04/1959	X		218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2819	LÝ LỆ PHƯƠNG	26/08/1979		X	218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2820	LÝ LỆ MAI	09/11/1980		X	218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2821	LÝ LỆ TUYẾT	22/03/1994		X	218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2822	LÝ LỆ HÀ	22/06/1986		X	218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2823	LÝ CẨM CƯỜNG	02/05/1984	X		218 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2824	TRƯƠNG ĐÀO HỒNG NGỌC	11/02/1985		X	230 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2825	NGUYỄN DUY HÙNG	21/08/1985	X		230 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2826	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	22/12/1995		X	034 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2827	NGUYỄN THỊ THANH HẬU	23/04/2001		X	034 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2828	LÊ THỊ DIỄM HUYỀN	06/06/1960		X	205 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2829	LÊ KIỀU GIÁNG TIỀN	22/01/1993		X	205 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2830	LÂM VINH TUẤN	14/09/1971	X		314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2831	NGUYỄN THỊ LÂM	10/08/1975		X	314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2832	DƯƠNG TIÊU MY	26/02/1979		X	137 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2833	NGUYỄN THANH HÒA	06/04/1983	X		106 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2834	NGUYỄN TÂN LỘC	18/06/1983	X		133 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2835	NGUYỄN THỊ TỔ HUỆ	16/02/1949		X	133 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2836	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THAO	28/08/1983		X	133 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2837	NGUYỄN TRẦN TUYẾT THANH	19/06/1989		X	133 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2838	LÝ CHỈ TRUNG	21/03/1974	X		305 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2839	LƯƠNG THIÊN TÂM	08/11/1992		X	305 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2840	HỒ BÁ ĐÀI	10/04/1969	X		321 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2841	LÊ THỊ LIÊN THANH	02/10/1977		X	321 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2842	NGUYỄN TIỀN HOAN	11/11/1967	X		229 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2843	TỬ HUỆ PHƯỢNG	15/07/1962		X	309 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2844	LÊ HOÀNG DŨNG	14/11/1973	X		204 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2845	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	21/08/1974		X	204 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2846	LÊ HOÀNG PHI HÙNG	31/12/1999	X		204 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2847	NGUYỄN TÂN TRÌ	02/04/1970	X		021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2848	TRẦN THỊ SÁNG	01/02/1981		X	021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2849	NGUYỄN THỊ KIM ANH	20/01/2002		X	021 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2850	TRẦN THÚY LIÊU	10/10/1967		X	306 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2851	PHẠM VĂN HIỀN	18/11/1963	X		306 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2852	PHẠM ĐĂNG KHOA	28/08/1995	X		306 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2853	ĐẶNG THUY TRANG	23/02/1980		X	222 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2854	HỮA BẠC ẸN	01/01/1962		X	308 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2855	LÂM SƯ DƯƠNG	29/04/1999	X		308 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2856	TRƯƠNG THU SƯƠNG	14/10/1976		X	214 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
2857	VÔ ĐÌNH KỶ SANH	01/11/1976	X		214 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
2858	NGUYỄN VĂN SÁU	15/10/1959	X		134 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2859	PHAN ÁNH TUYẾT	12/06/1960		X	134 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2860	NGUYỄN THÀNH LỘC	01/08/1989		X	134 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2861	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGỌC	26/06/1994		X	134 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2862	NGUYỄN THANH HIỀN	27/01/1996	X		134 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2863	NGUYỄN HỮU THỌ	05/04/1991	X		134 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2864	NGUYỄN THỊ HỘI	01/10/1983		X	006 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2865	TRẦN THỊ MINH BẠCH	20/07/1948		X	234 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2866	TRẦN THỊ MỸ LOAN	07/05/1995		X	234 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2867	LƯƠNG KIM NGỌC	16/12/2000		X	234 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2868	TRẦN THỊ MỸ LAN	19/10/1973		X	234 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2869	HUYỀN THỊ HUỆ	02/10/1965		X	218 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2870	NGUYỄN THỊ HOA	13/10/1953		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2871	LÊ THỊ NGỌC CHÂU	24/09/1981		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2872	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	08/04/1976		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2873	HỒ THANH NGUYỆT	21/08/2000		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2874	HỒ NGUYỄN TUẤN THÀNH	14/10/2000	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2875	HỒ TẤN NGHĨA	20/11/1979	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2876	HỒ VĂN HIẾU	23/04/1974	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2877	HỒ XUÂN THẢO	20/09/1984	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2878	HỒ VĂN TRUNG	07/09/1972	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2879	TRẦN QUỐC HUY	12/02/1987	X		111 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2880	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	26/11/1976		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2881	BÙI CẢNH TUYẾN	14/03/2002		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2882	TRƯƠNG PHỤNG LAN	19/10/1961		X	320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2883	LÊ THANH HƯNG	15/10/1982	X		320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2884	LÊ THANH LONG	02/04/1989	X		320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2885	TRƯƠNG THỂ	05/02/1960		X	320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2886	LƯ ĐỨC QUYỀN	22/03/1957	X		320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2887	LƯ QUỐC ĐIỀU	13/10/1987	X		320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2888	LƯ QUẢN	23/09/1985		X	320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2889	LƯ GIA MÃN	07/03/1993		X	320 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2890	NGUYỄN VĂN HỒNG	24/12/1982	X		116 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2891	VŨ THỊ KIM LOAN	08/08/1981		X	116 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2892	NGUYỄN CÔNG	27/06/1963	X		312 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2893	TRƯƠNG THỊ THU LINH	10/10/1971		X	312 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2894	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	10/06/1995	X		312 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2895	NGUYỄN TRỌNG HUY	03/08/2002	X		312 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2896	NGUYỄN NGỌC TRUNG	26/12/1973	X		317 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2897	NGUYỄN TRẦN NGỌC LINH	04/02/2001		X	317 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2898	LƯƠNG SANG	06/01/1966	X		225 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2899	LƯƠNG THỦY VY	13/04/2000		X	225 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2900	LƯƠNG THỦY PHỤNG	28/05/2002		X	225 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2901	LÂM VINH HƯƠNG	19/11/1965		X	314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2902	NGUYỄN NGỌC TRINH	23/11/1992		X	314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2903	NGUYỄN NGỌC CHÂU	14/01/1996		X	314 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2904	ĐÀO KIM HỒNG	07/05/1959		X	005 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2905	THÁI THUY BÍCH ĐÀO	08/03/1985		X	005 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2906	TRƯƠNG THANH TÂM	10/09/1979		X	229 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2907	THẠCH HUY HOÀNG	01/01/1973	X		229 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2908	TRƯƠNG THANH THỂ	25/01/1982	X		229 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2909	ĐẶNG THỊ HIỀN	15/09/1979		X	225 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2910	TRẦN THỊ THỦY VÂN	17/06/1984		X	009 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2911	VÕ ĐĂNG MINH ĐỨC	28/01/1989	X		305 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2912	NGUYỄN THỊ LINH GIANG	13/03/1982		X	331 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2913	LÊ THỊ LANG	02/12/1963		X	1.03 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2914	PHAN LÊ PHƯƠNG ANH	13/07/1998		X	1.03 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2915	PHAN LÊ TUYẾT TRÂM	21/11/1988		X	1.03 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2916	TÔ THỊ NỞ	30/12/1939		X	316 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2917	TRỊNH PHƯƠNG THANH	27/02/1992		X	316 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2918	NGUYỄN THỊ NGỌC	14/05/1968		X	316 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2919	HUYỀN THỊ NGỌC HUỠNG	06/09/1966		X	009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2920	TRƯƠNG THỊ HỒNG VÂN	22/11/1987		X	009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2921	NGUYỄN THANH HIỀN	10/05/1967	X		009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2922	NGUYỄN HUỲNH NGHĨA	27/07/1998	X		009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2923	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	19/01/1990	X		009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2924	NGUYỄN HUỲNH NGỌC TRÂM	20/08/1995		X	009 - 109 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2925	VŨ THỊ DUNG	25/12/1985		X	109 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2926	ĐỖ HUY NGHIỆP	14/02/1985	X		109 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2927	NGUYỄN NGỌC HÙNG	14/01/1981	X		305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2928	NGUYỄN THỊ NGỌC GIẤU	16/05/1981		X	305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2929	NGUYỄN HÙNG THANH BẢO	21/08/2002	X		305 lô H C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
2930	NGUYỄN THẾ THÀNH	24/06/1986	X		201 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
2931	LÊ THANH MINH	21/07/1974	X		124 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2932	TRẦN THANH HỒNG	1937	X		202 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2933	DƯƠNG HOÀI BAO VY	27/11/1985		X	010 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2934	NGÔ ĐỨC TUẤN	18/08/1973	X		326 LÔ S Ngõ Gia Tự	
2935	NGUYỄN THỊ LAN	07/02/1967		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2936	PHẠM NGUYỄN ANH TÂN	21/03/1996	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2937	PHẠM NGUYỄN THANH PHƯƠNG	17/10/1998	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2938	LÊ QUỐC THANH	11/03/1973	X		301 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2939	KHUU THỊ LAN	03/04/1973		X	301 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2940	LÊ QUỐC VŨ	20/02/1994	X		301 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2941	LÊ GIA HÂN	02/10/1999		X	301 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2942	ĐOÀN TRUNG SANG	28/09/1983	X		127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2943	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	30/01/1984		X	127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2944	PHAN GIA THẾ	27/08/1982	X		203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
2945	QUÁCH KIM HOA	27/07/1987		X	203 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
2946	VĂNG THỊ HƯỜNG	19/09/1974		X	206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2947	NGUYỄN THỊ HOA	05/04/1952		X	206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2948	VĂNG VĂN TÝ	1947	X		206 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2949	LA VIÊN	09/09/1983	X		302 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
2950	NGUYỄN THỊ NHUNG	15/07/1978		X	302 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
2951	HUỲNH QUỐC BIỂU	25/06/1973	X		114 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2952	ĐỖ THỊ KIỀU TRẦN	30/12/1977		X	114 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2953	HUỲNH TÍCH HẢO	30/10/2000	X		114 LÔ T Ngõ Gia Tự	
2954	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	06/11/1961		X	135 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2955	ĐẶNG THỊ THANH THỦY	27/07/1999		X	135 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2956	PHAN VÔ THÀNH NHÂN	02/04/1972	X		311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2957	LƯƠNG THỊ HÀ	08/05/1972		X	311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2958	PHAN VÔ THÀNH NGHĨA	20/03/1973	X		311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2959	PHAN THANH BÌNH	01/01/2001	X		311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2960	TRẦN THỊ THÚY VÂN	08/03/1976		X	311 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2961	PHẠM THANH LONG	18/09/1964	X		026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2962	LÊ THỊ NGỌC LINH	26/05/1973		X	026 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2963	LÊ THỊ VỆ	07/09/1958		X	002 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2964	LÂM THỊ THÚY HÀNG	05/02/1982		X	002 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2965	PHẠM VĨNH HẢI	29/11/1956	X		002 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2966	PHẠM PHƯỚC THÔNG	27/12/1983	X		002 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2967	TRẦN NGỌC HÒANG PHƯƠNG	16/12/1988		X	104 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2968	LÊ MINH VƯƠNG	09/10/1989	X		104 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2969	NGUYỄN VĂN HÙNG	15/08/1966	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2970	TA THỊ NGỌC HUỆ	08/07/1970		X	114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2971	NGUYỄN THỊ HUỲNH SANG	01/01/1956		X	015 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
2972	NGUYỄN VĂN SƠN	09/01/1964	X		016 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2973	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	17/07/1987		X	016 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2974	NGUYỄN ANH PHI	24/09/1990	X		016 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2975	NGUYỄN MINH NGHI	10/09/1996		X	016 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
2976	VŨ QUỐC DŨNG	28/05/1983	X		109 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2977	NGUYỄN THỊ THÚY HÀNG	05/04/1989		X	109 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
2978	NGUYỄN LÊ TUẤN	31/03/1983	X		210 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2979	PHẠM THỊ VĂN PHƯƠNG	30/11/1984		X	210 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2980	NGUYỄN LÊ TÚ	24/09/1986	X		210 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
2981	NGUYỄN DƯƠNG THÚY ÁI	28/06/1981		X	301 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
2982	TRẦN KIM TIỀN	08/06/1971	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2983	MAI THỊ THỦY TRANG	27/01/1977		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2984	TRẦN MINH KHÁNH	02/06/1998	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2985	TRẦN KIM PHÚ	09/07/1978	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2986	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/10/1979		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2987	NGUYỄN NGỌC HOAN	01/12/1972	X		303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2988	TRẦN THỊ KIM HẠNH	08/10/1973		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2989	NGUYỄN NGỌC YẾN VI	23/08/1999		X	303 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
2990	HUỲNH THỊ BÍCH LIÊN	09/10/1965		X	302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2991	NGUYỄN HUỲNH XUÂN HIẾU	10/01/1992		X	302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2992	NGUYỄN HUỲNH ĐỒNG PHƯƠNG	31/10/1993		X	302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2993	NGUYỄN HUỲNH HÈ THỊNH	26/07/1996	X		302 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2994	LƯU CÔNG DANH	15/10/1974	X		032 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2995	LÊ THỊ TRÚC	25/05/1951		X	032 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2996	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	1981		X	032 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2997	LƯU HUỲNH TRÚC PHƯƠNG	28/11/1986		X	032 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
2998	NGUYỄN XUÂN HÙNG	27/03/1964	X		320 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
2999	ĐÀO THỊ MƯỜI	19/07/1966		X	320 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
3000	NGUYỄN TIẾN MẠNH	11/11/1992	X		320 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3001	LÀU CẨM LÂN	05/04/1975		X	018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
3002	VÔNG GIA KHANG	27/11/1996	X		018 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
3003	TRẦN THỊ BẠCH YẾN	01/11/1963		X	122 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3004	ĐỖ THỊ BÍCH NGÀ	06/11/1961		X	122 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3005	ĐỖ TẤN ĐẠT	15/03/1967	X		122 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3006	ĐỖ HOÀNG LÂM	30/10/1998	X		122 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3007	TRẦN THANH TRÚC	27/04/1969	X		122 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
3008	NGUYỄN QUỐC DŨNG	08/08/1981	X		019 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3009	LÝ CHÍ AN	10/05/1977	X		305 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3010	HOÀNG THỊ TUYẾT VI	10/03/1990		X	305 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3011	TRẦN THỊ KIM HUỖN	13/01/1979		X	338 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3012	LẠC TỔ DANH	23/03/1983		X	107 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3013	LÊ THỊ QUYỀN	22/07/1986		X	233 Tầng 3 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3014	DƯƠNG CUÔNG	01/03/1975	X		126 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3015	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	01/01/1978		X	126 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3016	VŨ PHẠM NGỌC HẰNG	29/12/1990		X	216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3017	VŨ ĐỨC HẬU	08/04/1999	X		216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3018	VŨ PHẠM NGỌC TRINH	31/05/1989		X	216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3019	NGUYỄN THỊ THỦY OANH	04/02/1976		X	103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3020	NGUYỄN THANH TUYỀN	12/06/1999		X	103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3021	NGUYỄN THANH HÙNG	11/02/1995	X		103 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3022	PHẠM VĂN THUẬN	30/03/1983	X		113 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3023	PHAN THỊ CHẨM	15/06/1988		X	113 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3024	TRẦN THỊ MỸ LIÊN	12/10/1974		X	309 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3025	LÊ THỊ MỸ HẠNH	02/01/1972		X	308 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3026	KHÔNG THỊ MỸ PHƯỢNG	27/07/2000		X	308 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3027	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	26/09/1965		X	215 tầng 3 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3028	ĐÀO PHI HAI	15/10/1993	X		215 tầng 3 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3029	TRƯƠNG LÊ MẶN	13/10/1973		X	209 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
3030	TRƯƠNG LO QUÂN DI	28/03/1996		X	209 lô s C/C Ngõ Gia Tự	
3031	TRẦN HOÀNG QUÂN	14/09/1982	X		210 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3032	PHẠM NGỌC TUẤN	12/01/1989	X		311 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3033	NGUYỄN QUỐC KHAI	18/02/1967	X		208 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3034	NGUYỄN DIỄM TRANG	05/11/1973		X	208 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3035	NGUYỄN TRÍ QUỐC	03/12/1996	X		208 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3036	NGUYỄN THỊ NHIỀU	28/11/1969		X	025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
3037	NGUYỄN THỊ THU HUÔNG	05/03/1997		X	025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
3038	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	20/01/1979		X	101 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3039	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	15/06/1998		X	101 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3040	TRẦN THỊ THANH THỦY	24/09/1973		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3041	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	01/12/1989		X	219 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3042	LÊ VĂN PHƯƠNG	18/01/1970		X	030 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3043	VŨ THỊ KIM HOA	06/08/1969		X	030 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3044	LÊ VŨ VIỆT NAM	27/06/1995	X		030 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3045	TRẦN HỮU TIỀN	15/09/1972	X		106 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3046	LƯU QUÊ PHONG	20/04/1980	X		223 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3047	TRẦN THỊ LÝ	01/12/1984		X	223 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3048	LÝ THỊ NGỌC HUỖN	01/04/1975		X	005 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3049	TRẦN VĂN NINH	01/06/1976	X		005 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3050	VŨ NGỌC DUNG	13/10/1966	X		132 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3051	LƯU TRÁC TRỌNG	26/10/1971	X		005 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3052	LƯU DIỆM TƯƠNG	28/02/1965		X	005 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3053	NGUYỄN THANH TUẤN	16/02/1978	X		030 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3054	PHẠM THỊ HIỂU	13/10/1969		X	137 LÔ S Ngõ Gia Tự	
3055	NGUYỄN THỊ HIỀN	03/10/1990		X	137 LÔ S Ngõ Gia Tự	
3056	NGUYỄN THANH BẠCH	01/07/1962	X		138 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3057	NGUYỄN THỊ THỦY KHA	18/09/1995		X	138 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3058	NGUYỄN THANH KHIẾT	13/09/1981	X		138 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3059	TÔN NGỌC HÙNG	26/03/1961	X		213 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3060	TÔN NGỌC PHÚ	22/10/1989	X		213 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3061	HỒ THỊ BA	28/05/1951		X	213 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3062	TƯỚNG TÀI THỦY	15/07/1955	X		101 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3063	HỒNG NGUYỆT	12/07/1957		X	101 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3064	TƯỚNG PHƯỚC KHÁNH	26/09/1992	X		101 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3065	NGUYỄN CHÍ CÔNG	25/10/1985	X		218 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3066	VỖ THỊ ANH	10/09/1994		X	218 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3067	TRẦN QUANG LỘC	23/07/1960	X		221 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3068	PHÙNG QUẢNG ÍCH	09/07/1986	X		324 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3069	HỒ NHƯ XUÂN	23/08/1979		X	324 lô S C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
3070	THÁI BÌNH AN	27/07/1977	X		306 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3071	NGUYỄN CƯỜNG	25/10/1955	X		210 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3072	LÊ THỊ AN	14/07/1961		X	210 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3073	LÂM THỊ NGỌC GIÀU	16/01/1987		X	127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3074	ĐOÀN THỊ CÔNG	27/10/1962		X	127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3075	LÂM VĂN TỔNG	17/08/1960	X		127 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3076	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	20/09/1970		X	225 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3077	LÝ UYÊN QUẢN	17/03/1999		X	225 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3078	LÝ UYÊN NGHI	29/03/1990		X	225 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3079	LÝ UYÊN DUNG	07/05/1996		X	225 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3080	HOÀNG THỊ MINH PHƯƠNG	01/06/1984		X	029 Tầng 1 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3081	LÊ HOÀNG MINH TUẤN	11/05/1984	X		029 Tầng 1 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3082	NGUYỄN MINH THÀNH	08/10/1987	X		201 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3083	TRẦN THỊ TUYẾT TRINH	06/11/1987		X	201 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3084	NGUYỄN THỊ ĐIỀU THỦY	22/02/1975		X	014 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3085	VÔ THỊ LAN HƯƠNG	06/10/1962		X	305 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3086	NGUYỄN MINH HÙNG	31/12/1957	X		305 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3087	CÙ ĐĂNG THỦY DUNG	07/04/1994		X	305 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3088	CÙ ĐĂNG THỦY VY	09/03/1986		X	305 Lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3089	NGUYỄN THỊ ĐIỂM TRANG	14/12/1981		X	331 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3090	NGUYỄN HỮU THÔNG	02/09/1987	X		107 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3091	NGUYỄN HOÀNG LAN PHƯƠNG	09/09/1988		X	107 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3092	THÁI THANH THẢO	30/12/1977		X	002 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3093	NGÔ QUANG THÁI	21/03/1998	X		002 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3094	PHẠM THỊ NHƯ	07/07/1979		X	028 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3095	NGUYỄN THANH PHONG	10/11/1983	X		005 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3096	TRẦN ĐỨC TÀI	03/03/1956	X		021 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3097	DƯƠNG THÀNH TÂM	14/08/1995	X		115 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3098	ĐỖ THỊ MỸ LIÊN	11/11/1964		X	125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3099	LÝ QUỐC AN	30/05/1987	X		125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3100	LÝ QUỐC TÀI	12/04/1991	X		125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3101	LÝ CẨM DANH	09/12/1992		X	125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3102	ĐẶNG THỊ THỦY	17/03/1965		X	321 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3103	NGUYỄN HỒNG THANH	27/08/1966	X		321 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3104	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	12/11/1991		X	321 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3105	NGUYỄN PHÚC TÀI	17/01/2002	X		321 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3106	TRƯƠNG HỒNG PHÚC	01/04/1987	X		321 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3107	HUỲNH THỊ DẠ THẢO	24/05/1977		X	301 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3108	ĐÀO VĂN DUNG	04/02/1970	X		301 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3109	ĐÀO VĂN CƯỜNG	16/09/1997	X		301 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3110	NGUYỄN TRIỆU ỨT	09/11/1967	X		125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3111	NGUYỄN PHI THÀNH	24/01/1993	X		125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3112	TRƯƠNG MỸ PHỤNG	05/05/1976		X	131 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3113	TÔ NGỌC VĨ	13/04/1975	X		131 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3114	TÔ CHIẾN THÀNH	05/02/1998	X		131 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3115	ĐỖ KIM HỒNG	05/03/1980	X		125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3116	PHẠM THỊ LÊ THI	18/04/1981		X	125 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3117	PHẠM THANH THỊ NGỌC MY	11/06/1987		X	310 tầng 4 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3118	TÔ THỊ HUỆ	22/01/1955		X	311 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3119	TRẦN THỊ THỦY LINH	04/03/1989		X	311 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3120	LÊ THỊ HẢI ĐƯỜNG	10/04/1981		X	311 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3121	LÊ THANH ĐAM	05/10/1975	X		311 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3122	TRƯƠNG THỊ NGỌC TUƠNG	01/06/1992		X	139 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3123	THÁI THỊ THU DUYỄN	08/06/1987		X	312 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3124	LÝ BẠCH CÚC	15/07/1956		X	114 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3125	LÊ NGỌC VINH	14/04/1976	X		204 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3126	LÂM THỊ THU THẢO	21/02/1986		X	204 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3127	NGUYỄN BÍCH TRÂM	13/01/1995		X	003 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
3128	NGUYỄN THỊ HOA	10/09/1969		X	308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3129	LÊ XUÂN HIẾU	10/05/1968	X		308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3130	LÊ XUÂN THỌ	15/06/1995	X		308 Lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3131	PHẠM LƯU TRƯỜNG GIANG	22/11/1980	X		002lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3132	HUỲNH THỊ NGỌC THẨM	26/09/1982		X	002lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3133	DƯƠNG THỊ THANH TÂM	20/08/1972		X	139 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3134	PHẠM DƯƠNG MINH THƯ	27/06/1998		X	139 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3135	LƯU THỊ KIM CHI	27/07/1989		X	103 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3136	PHẠM THỊ MỘNG LIÊU	16/07/1972		X	216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3137	TÔNG CHÍ CƯỜNG	22/01/1993	X		216 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3138	TRẦN THỊ MỸ PHƯƠNG	16/09/1993		X	303 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3139	ĐOÀN NGỌC PHƯƠNG	23/05/1981		X	236 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
3140	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	20/10/1970		X	103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3141	TRẦN QUỐC KHANH	30/06/1991	X		103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3142	TRẦN THỊ TRÚC HUÂN	27/12/1993		X	103 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3143	DƯƠNG NGỌC HOÀNG TUẤN	26/10/1981	X		120 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3144	HUỖNH THỊ NGỌC ĐIỆP	28/08/1989		X	120 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3145	HUỖNH NGỌC HƯNG PHÚ	10/01/1980	X		327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3146	NGUYỄN THỊ TRÂM	10/10/1954		X	303 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3147	PHẠM THỊ THANH TRANG	14/05/2001		X	303 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3148	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	01/12/1972		X	031 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3149	TRẦN NGỌC MINH THỨ	12/07/2000		X	031 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3150	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	13/12/1987	X		319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3151	VŨ PHƯỢNG THƯ	24/06/1988		X	319 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3152	HUỖNH CẨM HÙNG	31/10/1971	X		340 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3153	HUỖNH SỞ PHÂN	25/10/1973		X	340 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3154	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	12/02/1984		X	306 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3155	DƯƠNG NGỌC ÁNH	30/12/1969		X	115 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3156	TỬ BỬU DIỆU	25/08/1986		X	311 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
3157	VĂN THỂ PHỤNG	13/05/1961		X	311 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
3158	TỬ BỬU CHI	03/11/1992		X	311 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
3159	TRẦN THỊ SƯƠNG	25/10/1970		X	208 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3160	NGUYỄN KHÁNH	05/04/1998	X		208 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3161	TRƯƠNG THỊ KIỀU NGÀ	25/05/1967		X	119 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3162	ĐẶNG KIỀU PHƯƠNG	06/11/1991		X	119 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3163	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	29/04/1993	X		119 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3164	KHÔNG THỊ AN	25/03/1966		X	015 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
3165	ĐINH TRINH NGỌC PHONG	07/05/1984	X		327 Tầng 4 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3166	HỒ THỊ THU TÂM	29/08/1985		X	327 Tầng 4 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3167	NGUYỄN VĂN THẢO	03/05/1968	X		025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
3168	NGUYỄN THÁI QUỐC KHƯƠNG	31/08/1980		X	025 Lô T c/c Ngõ Gia Tự	
3169	PHAN NGỌC MỸ	20/08/1973		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3170	HUỖNH NGỌC HÙNG	18/04/2000	X		327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3171	NGUYỄN NGỌC QUỲNH GIAO	19/10/1994		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3172	HUỖNH NGỌC HỒNG PHƯƠNG	25/03/2001		X	327 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3173	TRẦN THỊ LAN ANH	29/09/1988		X	135 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3174	ĐẶNG THỊ UYÊN	10/08/1950		X	135 lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3175	NGUYỄN VĂN LƯỢM	22/02/1988	X		202 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3176	MAI HOA LOAN	25/03/1965		X	304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3177	MAI HOÀNG VINH	23/12/1985	X		304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3178	MAI THANH VŨ	28/05/1983	X		304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3179	NGUYỄN THỊ MỸ	02/05/1925		X	304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3180	ĐÀO CHIÊN THẮNG	17/07/1960	X		304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3181	ĐÀO HỮU KHANG	12/03/1994	X		304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3182	MAI THANH SƠN	26/10/1959	X		304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3183	MAI HOA VÂN	11/02/1957		X	304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3184	PHAN NGỌC TUẤN	28/09/1963	X		106 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
3185	NGUYỄN THỊ HANH	24/09/1968		X	106 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
3186	PHAN THÀNH ĐẠT	28/03/2000	X		106 LÔ R C/C Ngõ Gia Tự	
3187	LÂM THỊ HỒNG HUỆ	30/04/1993		X	307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3188	DƯƠNG MINH NHỰT	05/04/1992	X		307 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3189	PHẠM HỮU LÝ	23/10/1974	X		339 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3190	LÊ THỊ MƯỜI	1941		X	339 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3191	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM	14/02/1978		X	339 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3192	PHẠM THỊ DIỆU ĐÀI	02/12/1970		X	339 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3193	TRẦN LẠI THANH TÂM	27/10/1987	X		007 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3194	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	14/07/1987		X	007 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3195	NGUYỄN VĂN HỌC	01/03/1964	X		114 lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3196	ĐỖ QUANG DŨNG	22/08/1982	X		040 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3197	ĐỖ QUANG HẢO	27/10/2001	X		040 Lô S C/C Ngõ Gia Tự	
3198	NGUYỄN THỊ HOA	01/01/1954		X	137 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3199	DƯƠNG CHÍ THÀNH	30/12/1976	X		137 lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3200	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	26/03/1972		X	210 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3201	TRIỆU TRẦN QUỐC THỊNH	09/02/2000	X		210 Lô R C/C Ngõ Gia Tự	
3202	LÊ THỊ NHỰT ÁNH	10/05/1948		X	024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3203	TRẦN MINH QUANG	19/10/1989	X		024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3204	LÊ THỊ NHỰT HOA	15/04/1984		X	024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3205	LÊ THỊ NHỰT THẢO	15/04/1987		X	024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3206	LÊ THỊ NHỰT LÙN	16/10/1980		X	024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3207	LÊ MINH THƯƠNG	20/05/1975	X		024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3208	HUỖNH PHÚ HIỀN	07/03/1986	X		024 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3209	LÊ MINH DI	26/12/1978	X		313 lô I C/C Ngõ Gia Tự	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nam	Nữ	Địa chỉ Thường Trú	Ghi Chú / Ký nhận
3210	HÀ THỊ THANH THỦY	06/01/1982		X	313 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3211	TRẦN THỊ BÍCH LOAN	07/02/1963		X	102 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3212	LÊ THỊ TUƠNG VI	07/04/1984		X	028 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3213	ĐOÀN VĂN VŨ	20/02/1968	X		018 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3214	CAO THỊ HỒNG HẠNH	10/10/1967		X	018 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3215	ĐOÀN CAO QUỐC DUY	11/06/1996	X		018 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3216	NGUYỄN XUÂN BÌNH	27/08/1963		X	222 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3217	LÊ NGUYỄN THU TRANG	04/08/1990		X	222 Lô T C/C Ngõ Gia Tự	
3218	MAI THỊ DƯỠNG	08/12/1950		X	304 LÔ S C/C Ngõ Gia Tự	
3219	PHẠM XUÂN HUY	08/01/1968	X		019 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
3220	PHẠM THỊ MỸ	23/01/1968		X	231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3221	NGUYỄN MINH TRÍ	11/12/1994	X		231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3222	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	23/07/2000		X	231 Lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3223	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIệp	08/10/1968		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3224	ĐỖ THỊ THANH THỦY	02/12/2000		X	111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3225	LÂM NGUYỄN DUY	26/07/1996	X		111 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3226	VƯƠNG MỸ LINH	22/02/1988		X	108 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3227	LÂM THIÊN TRÍ	11/03/1987	X		108 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3228	LƯU QUỐC CƯỜNG	27/09/1989	X		105 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3229	ĐINH QUÁCH THU THẢO	26/04/1990		X	105 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3230	VƯƠNG LỘC ĐỨC	08/12/1984	X		309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3231	NGUYỄN THỊ THÚY	06/07/1960		X	309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3232	BÙI THỊ BẢO NGỌC	05/09/1986		X	309 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3233	HUỲNH CÔNG HOÀN	02/05/1974	X		212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3234	ĐINH THỊ KIM HƯƠNG	22/01/1982		X	212 lô I C/C Ngõ Gia Tự	
3235	TRƯƠNG TẤN PHÁT	01/08/1993	X		124 lô H C/C Ngõ Gia Tự	
3236	NGUYỄN NGỌC BÁCH	31/03/1993	X		213 lô Q C/C Ngõ Gia Tự	
3237	DƯƠNG THỊ KIM DUYÊN	10/12/1981		X	206 LÔ H C/C Ngõ Gia Tự	
3238	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	02/01/1981		X	301 LÔ Q C/C Ngõ Gia Tự	
3239	NGUYỄN NGỌC THUY TIỀN	27/09/1996		X	211 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3240	NGUYỄN MINH QUÂN	26/09/1985	X		012 LÔ T C/C Ngõ Gia Tự	
3241	ĐỒNG VĂN ĐỒNG	08/09/1972	X		311 TẦNG 4 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3242	TRƯƠNG THỊ HỒNG NGA	06/02/1979		X	311 TẦNG 4 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	
3243	ĐỒNG THỊ HỒNG MỸ	09/08/2001		X	311 TẦNG 4 LÔ I C/C Ngõ Gia Tự	

Tổng số cử tri: 3243 người.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Thiện